



CHRISTOPHER FISHERWOOD

HỎA

TÍM

NGÀY

XƯA

TAO ĐÀN



NHÀ XUẤT BẢN  
HỘI NHÀ VĂN

Tiểu thuyết

Đoàn Duy dịch

# HOA TÍM NGÀY XƯA



Tác giả: Christopher Isherwood

Người dịch: Đoàn Duy

Phát hành: Tao Đàn

Nhà xuất bản Hội Nhà Văn 2019

**ebook©vctvegroup**

Một bài điểm sách cho tác phẩm **Hoa tím ngày xưa**<sup>[1]</sup>,  
đăng trên tờ *The Nation* năm 1945

*Hoa tím ngày xưa* của Christopher Isherwood không chỉ là một cuốn tiểu thuyết cực ngắn, mà còn là một tác phẩm có chất tiểu thuyết trọn vẹn và cuốn hút nhất tôi được đọc trong suốt thời gian dài, vốn vang vọng nhiều ý nghĩa sâu rộng. Những điều này cũng không phải là các đặc điểm duy nhất mà ở đó cuốn sách mới của Isherwood mâu thuẫn với hạng văn chương ngày nay và là một thành tựu khả ái. Nó là một cuốn sách được viết theo ngôi thứ nhất của chính tác giả, vậy mà tuyệt đối không xuất hiện cái tôi; nó không chỉ là một tiểu thuyết về những cây bút biên kịch điện ảnh mà còn là một cuốn tiểu thuyết về cuộc sống của mọi nghệ sĩ đứng đắn; nó là một cuốn sách không bao gồm đạo lí - chính trị, mà bao gồm một lời phát biểu thâm thúy về đạo lí - chính trị; nó vui tươi, hóm hỉnh, tinh mật, nhưng cũng rất ư trách nhiệm. Nó thậm chí là tiểu thuyết của một thành viên thuộc nhóm nhỏ những kẻ được biết đến như là giới trí thức trẻ Anh quốc, tuy vậy, lại không phải là loại tiểu thuyết bè phái hay loại tiểu thuyết được nuôi dưỡng trong nơi thâm u của giới trí thức ưu sầu, mà là một tiểu thuyết về trí tuệ, về những con người đầy lôi cuốn, sống những cuộc đời hấp dẫn, quen thuộc.

Câu chuyện của *Hoa tím ngày xưa* dễ bị lầm tưởng là vụn vặt. Bối cảnh là năm 1934, địa điểm là London. Isherwood được mời viết kịch bản và lời thoại cho một bộ phim ca nhạc về thành Vienna xưa cũ, về một cô bán hoa phải lòng một vị Hoàng tử cải trang. Đạo diễn được thuê làm phim này là một người Vienna, Friedrich Bergmann, người đàn ông “có khuôn mặt của một tình cảnh chính trị, một thời đại... khuôn mặt của Trung Âu”, và có nhận cảm theo kiểu Trung Âu về các thực tại chính trị. Ngoài thái độ khá choáng váng của Isherwood khi thấy mình lại đi viết lời thoại cho phim *Hoa tím ngày xưa* - nhan đề

của cuốn tiểu thuyết này lấy từ bộ phim đó - ta còn thấy bao điều lộn xộn ở mỗi thân tình thường nhật cùng với người cộng tác này; Bergmann ra dáng một bậc đại nhân - hoạt ngôn, yếu mềm, tự phụ, vững chãi, sâu lắng, kịch tính, dí dỏm, tận tụy, đằm thắm và đáng yêu. Lúc đang quay bộ phim, báo chí tường thuật về những vụ bạo động ở Vienna. Bergmann và Isherwood xúc động trước số phận của nước Áo, và có nhiều cảm xúc về công việc của mình. Bộ phim được hoàn thành, và thành công lớn, Bergmann nhận được một hợp đồng làm việc ở Hollywood.

Nhưng câu chuyện mà Isherwood kể chỉ đơn thuần là hòn sỏi trong hồ, từ đó cuốn tiểu thuyết của ông lan tỏa thành những vòng tròn hàm ý càng lúc càng mở rộng. Ở cái mà chúng ta có thể gọi là vòng tròn đầu tiên, *Hoa tím ngày xưa* là cuốn tiểu thuyết dành cho trần thuật và quan sát xã hội, có chất hài hước sắc sảo, nhẹ nhàng về những cá tính hiện đại. Ở vòng tròn kế, lại là một cuộc điều nghiên về những tâm tính nhạy cảm - nó bắt nhà thơ nhạy cảm đương đầu với những tính nhạy cảm của nghề làm phim, bắt một người ngoại quốc nhạy cảm đương đầu với tính bảo thủ của Anh quốc. Sau đó, ở vòng tròn xa hơn, nó là một cuộc điều nghiên về sự tận hiến - một cái nhìn thấu suốt hết sức thông thái đi vào phẩm tính tận tụy mà bất kì công việc nào cũng yêu cầu, ngay cả công việc làm một bộ phim thứ phẩm, nếu nó có tạo nên chút ý nghĩa đối với người làm ra nó. Trong một vòng tròn xa hơn nữa, nó là một cuộc điều nghiên về mối tương quan của cá nhân đối với xã hội, đặc biệt trong mối tương quan của người có ý thức chính trị, vốn vẫn chưa phải là một con người chính trị, đối với hành động chính trị; và chính tại chỗ này, tất nhiên, mà *Hoa tím ngày xưa* có vẻ đáng ngờ nhất đối với độc giả có tinh thần tự do vốn quen với việc giương cao ngọn cờ của lòng trung thành công khai, bởi lẽ Isherwood quy mọi hành vi thành những nguồn cơn riêng tư mỗi người. Cuối cùng, nó là cuốn tiểu thuyết về mối liên hệ giữa con người với bản thân, một tuyên ngôn kín đáo mà táo bạo rằng cuộc sống không cần đến sự biện minh của hệ giá trị đạo đức phổ quát đương thời, và hậu thuẫn duy nhất nó cần là tình yêu thương giữa người với người.



“Con người” là một từ quan trọng. Chúng ta được nghe kể rằng Isherwood đã gia nhập nhóm Aldous Huxley - Gerard Heard thuộc giới huyền học California, và rằng trong mấy năm nay ông đã sống một cuộc đời của thầy tu và cố công thực hiện bản dịch cho quyển kinh Bhagavad-Gita. Nếu ta không quen với những sự kiện của đời ông, ta sẽ không đoán được chúng từ *Hoa tím ngày xưa*, vốn là một cuốn sách hồng trần tuyệt thấu, trừ phi có lẽ đoán được từ giọng điệu xúc động tạo ý tứ của cuốn sách, vốn là cái gây ấn tượng cho tôi rằng nó mang nỗi niềm ngây thơ khác thường về những tội lỗi của xã hội và cá nhân đương thời. Nhưng hoàn toàn khác với nguyên tắc tối cao, chẳng hạn ở những cuốn tiểu thuyết gần đây của Huxley, cái nguyên tắc sống mà theo đó Isherwood chọn lấy thể đứng thềm lặng của mình, và là điều dễ tiếp cận đối với những kẻ ít mang tinh thần huyền bí nhất trong số chúng ta: nó là nơi hư không được tạo nên để thu lấy sức mạnh từ bên kia cõi vũ trụ tự nhiên luận; và quan trọng hơn nữa, nó không đòi hỏi dựa trên sự phủ định. Y như việc tôi nghĩ ta có thể đo đạc tính hữu hiệu trong nguyên tắc sống của Isherwood bằng khoá lặc mà ông trao cho chúng ta từ cuốn sách này, vốn là hiện thân của nguyên tắc ấy, tôi nghĩ ta có thể quy khoá lặc của mình trong cuốn sách cho sự hưng phấn và tính sống động mà nhờ vậy các nhân vật của Isherwood có được sự tồn tại của họ trong thế giới khiếm khuyết của chúng ta. Chẳng hạn, chúng ta xét nhân vật Bergmann của *Hoa tím ngày xưa*, với tài làm thơ, sự hiểu kì, cùng màn tái hiện điệu kì của ông về những phiên xử vụ hỏa hoạn tòa nhà Reichstag, để đưa ra so sánh với những nhân vật người cha trong các cuốn tiểu thuyết cuối cùng của Aldous Huxley, hòng khám phá ra rằng tác giả của nhân vật Bergmann không chút nào bận tâm, như Huxley, đến chuyện biến một nhân vật người cha thành một vị thánh. Bergmann không phải là đáng cứu thế nhu nhược trong công cuộc bảo vệ tình yêu của mình mà gã người phạm thuần túy đã chơi đến cùng ở cuộc chơi dục tình khốn khổ. Ông được phép sở hữu không chỉ toàn bộ lòng nhân đạo mà còn toàn bộ khí chất nam nhi; và kết quả là tiểu thuyết của Isherwood có một phẩm giá và mối liên hệ mật thiết đến bi kịch đích thực mà lúc cuối cùng bao giờ cũng thiếu vắng nơi Huxley. Tức là, từ sự hiểu biết về Thượng đế mà Isherwood đã đạt tới, hoặc xác nhận, nếu tiểu thuyết này chứa đựng những hiểu

biết của ông về con người, thì đó chính là con người mà tiểu thuyết này đã trao cho cái thần khí của Thượng đế.

Và quả thực, tôi ngờ rằng chính ở chỗ ông chấp nhận cái tính nhân đạo chung của con người, ở cái mà tôi thấy là tính trần tục chứ không phải ở tính thoát tục, mà văn xuôi của Isherwood thậm chí sở hữu được tính mau lẹ và ấm áp. Những ngày này, người ta thường hay có một viết “giản đơn”. Steinbeck viết như thế, Hersey viết như thế. Trong truyền thống Steinbeck - Hersey, giản đơn là tấm hộ chiếu của đức hạnh xã hội; mặc dù không đặt câu hỏi cho thiện chí của những nhà văn này, nhưng tôi đặt câu hỏi cho bất kì điều gì làm cơ sở cho thiện chí của họ, vốn là thứ sản sinh ra một bản văn xuôi quá đồi nặng nề hành vi hạ cố đối với những người mà bản văn đó đề cập. Mặt khác, tính giản đơn nơi văn xuôi của cô Porter, dấu hiệu luyện và trang nhã đến đâu chẳng nữa, chính là tính giản đơn của người nghệ sĩ có ý thức quá đàng; cô Porter không hạ cố với chủ thể của mình, nhưng cô quả có đặt bản thân lên trên chủ thể ấy. Nhưng tính giản đơn nơi phong cách của Isherwood lại không phải hình ảnh phản chiếu của việc hạ cố hay sự khảng định. Nó là phong cách của một trí tuệ sáng tạo tự do và rộng lượng, được giữ cân bằng một cách tài tình giữa tự khoan dung và khoan dung với kẻ khác.

Đó hẳn sẽ là một bình luận hợp lòng người đối với nền giáo hóa văn chương hiện tại của chúng ta nếu ta có thể đoán chắc rằng *Hoa tím ngày xưa* sẽ được người ta nhiệt tình đón đọc. Đúng ra, một năm phải có một vài đầu sách hay như cuốn này, và các nhà xuất bản cuốn này, chỉ là nhân tiện nói, không nên cảm thấy buộc phải xoay trở giữa việc quảng cáo nó như một tiểu thuyết “châm biếm” và tuyên bố nó, trên tấm áo bìa, bằng tên gọi “khủng bố kiểu phát-xít”, “chủ nghĩa cơ hội và chính sách nhượng bộ”, và “cuộc tắm máu” của châu Âu: một sự bóp méo đối với toàn bộ thái độ về cuốn sách của Isherwood là hành vi quá trớn trong việc gây ý nghĩa về mặt văn hóa. Nhưng sợ rằng nó sẽ không đến được độc giả qua những kênh thông thường - một nhà phê bình có ảnh hưởng chẳng hạn, đã phát biểu mối hồ nghi của ông rằng liệu cuốn sách này có bỏ công viết ra - chỉ lần này thôi tôi muốn đề xuất một cuốn tiểu thuyết cho độc giả của mục báo này. Bởi lẽ, nhỏ bé là thế, nhưng *Hoa tím ngày xưa* gợi

nên hiệu quả hơn bất kì cuốn sách nào trong ba năm qua, những mê hoặc và những niềm thỏa ý mà vài người trong số chúng ta vẫn đòi hỏi từ văn chương hiện thời, nhưng lại là thứ mà văn chương hiện thời cứ nhất định từ khước chúng ta.

**Diana Trilling**

“ANH Isherwood?”

“Đang nghe đây.”

“Anh Christopher Isherwood?”

“Là tôi.”

“Anh biết đó, chúng tôi đã cố liên lạc với anh suốt từ chiều hôm qua.” Giọng nói ở đầu dây bên kia có chút trách móc.

“Tôi đang ở ngoài đường.”

“Anh ở ngoài đường?” (Cảm thấy không thuyết phục lắm.)

“Phải.”

“Ồ... Hiểu rồi...” (Một quãng ngừng, để suy xét vụ này. Đoạn, bất thần tỏ vẻ hồ nghi.) “Ngộ thế, dù rằng... Số của anh lúc đó luôn bận. Bận suốt.”

“Anh là ai?” Tôi hỏi, giọng trở nên sắc lạnh khi nói.

“Imperial Bulldog.”

“Xin anh nhắc lại?”

“Hãng phim Imperial Bulldog. Tôi thay mặt cho ông Chatsworth... Nhân đây, anh đã từng có lúc nào ở Blackpool trong quãng năm 1930 không?”

“Hẳn là nhầm lẫn...” Tôi sắp sửa gác máy. “Cả đời tôi chưa từng đến Blackpool.”

“Tuyệt diệu!” Giọng nói ấy bật hắt ra một tiếng cười khế kiểu xã giao. “Thế thì anh chưa từng xem bộ phim mang tên *Hoa tím ngày xưa* nhỉ?”

“Chưa từng. Nhưng cái đó liên quan gì...?”

“Nó ngừng chiếu sau ba đêm. Nhưng ông Chatsworth thích phần nhạc, và ông ấy nghĩ là chúng tôi có thể dùng phần lớn ca từ... Đại



diện của anh bảo anh biết tất tậ về Vienna.”

“Vienna? Tôi chỉ ở đó mỗi một lần. Trong một tuần.”

“Chỉ một tuần?” Giọng nói trở nên khá cáu gắt. “Nhưng không thể nào như thế, phải không? Chúng tôi được cho biết là anh đã *sống* ở đó.”

“Người đó chắc là có ý nói Berlin.”

“Ô, Berlin? À, chỗ đó cũng tựa tựa cùng một bối cảnh, phải không? Ông Chatsworth muốn một người có dính dáng đến lục địa. Tôi đoán chừng anh nói được tiếng Đức? Điều đó sẽ hữu dụng đây. Chúng tôi sắp rước Friedrich Bergmann từ Vienna qua, để làm đạo diễn.”

“Ồ.”

“Friedrich Bergmann, anh biết đó.”

“Chưa từng nghe nói đến ông ta.”

“Ngộ thế. Ông ấy cũng năng hoạt động ở Berlin. Chẳng phải ở đó anh cũng trong hăng phim sao?”

“Tôi chưa từng trong hăng phim nào ở bất kì đâu.”

“Anh chưa từng à?” Trong một thoáng, giọng nói rõ là đang thất thần. Rồi bùng lên. “Ôi chà... Đối với ông Chatsworth thì cũng như nhau cả, tôi hình dung là thế. Ông ấy thường dùng mấy cây bút chưa có kinh nghiệm gì. Nếu tôi là anh, tôi sẽ không lo âu...”

“Này,” tôi ngắt lời, “điều gì khiến anh nghĩ là tôi có chút xíu hứng thú nhận việc làm này?”

“Ô... À, anh thấy đó, Isherwood, tôi e chuyện này không thuộc thẩm quyền của tôi...” Giọng nói bắt đầu tua nhanh và dần nhỏ lại. “Chắc chắn ông Katz sẽ bàn thảo mọi việc với đại diện của anh. Tôi chắc chắn chúng ta sẽ có thể đi đến một thỏa thuận nào đó. Tôi sẽ giữ liên lạc với anh. Tạm biệt...”

“Tôi nói này, chờ chút...”

Y cúp máy. Tôi lắc lắc điện thoại một hồi, vẻ ngớ ngẩn, và lòng thoáng phần nộ. Rồi tôi cầm cuốn danh bạ lên, tìm thấy số của Imperial Bulldog, quay số đầu tiên, dừng lại. Tôi đi băng qua cửa phòng ăn. Mẹ và em trai tôi, Richard, vẫn ngồi ăn sáng. Tôi đứng

ngay trong ô cửa và châm một liều thuốc, không nhìn họ, rất hững hờ.

“Đó là Stephen à?” Mẹ tôi hỏi. Nhìn chung bà biết khi nào tôi cần một câu nói mớm mồi.

“Không.” Tôi phù ra một mớ khói, cau mày nhìn cái đồng hồ ở bên lò sưởi. “Chỉ là dân điện ảnh nào đó thôi.”

“Dân điện ảnh!” Richard đặt tách xuống “cạch” một cái. “Ồ, anh Christopher! Lí thú ghê!”

Kiểu nói này làm tôi cau mày dữ hơn nữa.

Sau một khoảng ngừng thích hợp, mẹ tôi hỏi, rất đổi tế nhị: “Họ muốn con viết thứ gì phải không?”

“Có vẻ vậy,” tôi lè nè, gần như chán đến mức chẳng buồn nói.

“Ồ, anh Christopher, chuyện đó nghe li kì ghê! Phim đó nói về gì nhỉ? Hay là anh không được phép kể?”

“Anh không hỏi.”

“Ồ, em hiểu... Khi nào anh bắt đầu?”

“Anh không làm. Anh từ chối rồi.”

“Anh từ chối? Ô... Tiếc nhỉ!”

“Ờ, thực tế thì...”

“Tại sao? Họ không chào mời mức thù lao đủ cho anh à?”

“Bọn anh không nói về tiền,” tôi bảo Richard, có chút ý khiển trách.

“Phải, dĩ nhiên rồi. Đại diện của anh làm hết mọi sự, phải không? Anh ta biết cách vắt bọn họ đến giọt cuối cùng. Anh sẽ đòi bao nhiêu?”

“Anh đã bảo em một lần rồi. Anh từ chối việc này.”

Lại một khoảng ngừng. Rồi mẹ tôi bảo, bằng lối chuyện trò cẩn trọng nhất của mình: “Thực sự thì, phim ảnh ngày nay dường như càng lúc càng ngớ ngẩn. Thảo nào họ chẳng thể thuyết phục được cây bút giỏi nào đến làm việc cho họ, bất kể có chào mời thứ gì đi nữa.”

Tôi không đáp lại. Tôi thấy chỗ cau mày của mình giãn ra chút ít.

“Em mong là mấy phút nữa họ sẽ lại gọi cho anh,” Richard nói, với vẻ hi vọng.

“Việc quái gì họ phải thế?”

“Ờ, chắc là họ muốn có anh lắm đấy, không thì họ đâu có gọi điện từ sáng sớm thế này. Ngoài ra, dân điện ảnh chả bao giờ coi ‘không’ là câu trả lời, phải không?”

“Anh dám nói là họ đang gọi người kế tiếp trong danh sách rồi đấy.” Tôi ngáp, giọng thiếu thuyết phục. “À, ờ, anh cho là mình nên về và vật lộn với chương mười một đây.”

“Em quả khâm phục cái cách anh nhìn nhận mọi thứ thật bình tĩnh,” Richard bảo, hoàn toàn thiếu vắng ý chế nhạo, nên đôi khi những nhận xét của nó nghe như mấy dòng thoại từ Sophocles<sup>[2]</sup>. “Nếu là em, thì em chắc chắn mình sẽ hào hứng đến mức không thể viết được một chữ nào suốt cả ngày.”

Tôi làm bằm: “Gặp mọi người sau nhé,” ngáp lần nữa, vươn người, định xoay sang hướng cửa ra vào thì bị sự miễn cưỡng chặn lại, khiến tôi đứng đối diện với cái chạn. Tôi bắt đầu nghịch cái chìa khóa của ngăn kéo chứa muỗng, mở, khóa, mở. Rồi tôi hỉ mũi.

“Dùng thêm tách trà rồi hẵng đi chứ?” Mẹ hỏi, sau khi quan sát trò đó của tôi với một nụ cười thoáng nhẹ.

“Ồ, dùng thêm đi, anh Christopher! Trà vẫn còn nóng bỏng tay đó.”

Không trả lời, tôi ngồi xuống ghế. Tờ báo buổi sáng vẫn còn nằm ở chỗ mà tôi đã để nó rớt, nửa tiếng trước, nhăn nhúm và èo uột, như thể tin tức đã chảy hết ra rồi. Chuyện Đức rút khỏi Hội Quốc Liên vẫn còn là một chủ đề được ưa chuộng. Một chuyên gia tiên đoán đầu đó rằng năm sau sẽ có một cuộc chiến ngăn chặn Hitler, khi Tuyến phòng thủ Maginot trở nên không thể xuyên phá. Goebbels<sup>[3]</sup> bảo người dân Đức rằng lá phiếu của họ vào ngày 12 tháng Mười một sẽ là Được hoặc là Được. Thống đốc Ruby Laffoon của Kentucky trước đó đã phong hàm đại tá cho cô đào Mae West<sup>[4]</sup>.

“Nha sĩ của anh họ Edith,” mẹ bảo khi đưa cho tôi tách trà, “dường như khá đơan chắc việc Hitler sắp sửa xâm lược Áo.”

“O, vậy sao?” Tôi uống một ngụm trà thật lớn và ngồi ngả ra sau, bất thần cảm thấy phấn chấn vô cùng. “Ờ, rõ ràng là nghề *nha* có những nguồn thông tin độc quyền đối với đám còn lại chúng ta. Nhưng con phải nói rằng, bằng óc ngu muội của mình, con hoàn toàn không thấy được làm sao...”

Tôi bắt đầu phiêu. Mẹ tôi rót ra hai tách trà mới cho mình và Richard. Họ cười cười trao đổi sữa và đường như hai diễn viên kịch câm rồi ngả người thoải mái vào lưng ghế, giống như người ta ngồi trong một nhà hàng đương lúc dàn nhạc trỗi lên một giai điệu mà ai cũng thuộc nằm lòng.

Trong vòng mười phút, tôi dàn ra và hạ bệ mọi lập luận mà tôi cho là tay nha sĩ có thể nghĩ ra, và nhiều lập luận mà y không thể nghĩ. Tôi dùng nhiều từ ưa thích của mình: *Gauleiter, solidarity, démarche, dialectic, Gleischaltung, infiltration, Anschluss, realism, tranche, cadre*.<sup>[5]</sup> Đoạn, sau khi ngừng lại để châm điếu thuốc khác và lấy hơi, tôi bắt đầu phác họa, không quá vắn tắt, lịch sử của Quốc Xã kể từ vụ Đảo chính Munich.

Điện thoại reo.

“Chán thế!” Richard bảo, vẻ lịch sự. “Cái thứ ngu đó luôn xen vào ngay lúc anh sắp kể một điều lí thú. Ta đừng trả lời máy. Họ sẽ sớm mỏi mệt thôi...”

Tôi đã bật dậy, gần như xô đổ ghế, và ra ngoài phòng lớn, chớp lấy điện thoại.

“Alô...” Tôi hỗn hển.

Không ai trả lời. Nhưng tôi có thể nghe thấy cái ống nghe đầu bên kia - những tiếng nói xa xăm, dường như là trong một vụ cự cãi dữ dội, với nền là tiếng nhạc đài phát thanh.

“Alô...” Tôi lặp lại.

Những tiếng nói ấy lui ra xa một tí.

“Alô...” Tôi hét.

Có lẽ họ nghe thấy tôi. Những tiếng nói chuyện và tiếng nhạc bất thần ngừng lại, như thể một bàn tay đã bịt ống nói đi vậy.

“Các người đi chết đi,” tôi bảo họ.

Trước đó ống nói để hờ trong khoảng đủ lâu để tôi nghe tiếng một gã, với chất giọng khàn, găm gù của người ngoại quốc, nói rằng: “Ngu chẳng buồn nói.”

“Alô!” tôi hét. “Alô! Alô! Alô! Alô! Alô!”

“Chờ đã,” giọng ngoại quốc lên tiếng, rất cộc lốc, như thể đang nói với một đứa trẻ mè nheo.

“Chờ làm quái gì!” Tôi quát hấn. Và việc này nghe ngớ ngẩn đến độ tôi bắt đầu cười phá lên.

Bàn tay bỏ cái ống nói ra lần nữa, làm thoát ra một tràng tiếng nói chuyện và tiếng nhạc mà nghe như thể chúng đã bị nghẽn lại trong suốt khoảng thời gian bị bịt, thật ồn quá đi.

“Alô,” giọng ngoại quốc nói, nhanh và nóng vội, “Alô, alô!”

“Alô?”

“Alô? Đạo diễn Bergmann đây.”

“Chào buổi sáng, đạo diễn Bergmann.”

“Vâng? Chào buổi sáng. Alô? Alô, tôi muốn nói chuyện với anh Isherwood, làm ơn, ngay lập tức.”

“Đang nói đây.”

“Anh *Kreestoffer Ischervood...*” Đạo diễn Bergmann nói mấy từ này bằng vẻ thận trọng và nhấn mạnh hết sức. Ông ấy hẳn đang đọc cái tên đó từ một cuốn sổ.

“Tôi đây.”

“*Ja, ja...*” Bergmann rõ ràng đang sắp hết kiên nhẫn. “Tôi muốn nói chuyện riêng với anh Isherwood. Vui lòng đưa anh ấy tới.”

“Tôi là Christopher Isherwood,” tôi nói, bằng tiếng Đức. “Chính tôi đang nói chuyện với ông nãy giờ.”

“A... *anh* là anh Isherwood! Tuyệt diệu! Tại sao anh không nói thế ngay lập tức? Và anh nói thứ tiếng của tôi được phải không? Hoan hô! *Endlich ein vernuenftiger Mensch!*<sup>[6]</sup> Anh không thể hình dung được tôi mừng thế nào khi nghe giọng anh đâu! Nói cho tôi biết, anh bạn thân mến, anh có thể đến chỗ tôi ngay tức thì không?”

Ngay lập tức tôi trở nên dè chừng: “Ý ông là hôm nay?”

“Ý tôi là bây giờ, ngay lập tức luôn nếu được, ngay tức khắc.”

“Sáng nay tôi bận khiếp lắm...” Tôi bắt đầu, giọng do dự. Nhưng đạo diễn Bergmann ngắt lời tôi bằng cái thở dài mà nghe gần như một tiếng rên lớn và kéo dài.

“Thật quá ngu xuẩn. Khủng khiếp. Tôi bỏ cuộc.”

“Tôi nghĩ mình có thể thu xếp vào chiều nay, có lẽ...”

Bergmann làm lơ ý này hoàn toàn. “Vô vọng,” ông lẩm bẩm với chính mình. “Chỉ mỗi mình mình ở cái thành phố ngu ngốc khốn kiếp này. Không ai hiểu một lời nào. Khiếp khủng. Không làm gì được.”

Tôi đề nghị: “Ông không đến đây được sao?”

“Không, không. Không làm gì được. Thôi đừng bận tâm. Vụ này quá khó. *Scheusslich.*”<sup>[7]</sup>

Có một khoảng dừng căng thẳng tột độ. Tôi bặm môi. Tôi nghĩ đến chương mười một. Tôi thấy bản thân mình xiu đi. Ôi, cái gã khốn này!

Một đổi sau, tôi bắt đắ dĩ hỏi: “Ông đang ở đâu?”

Tôi nghe tiếng ông ta xoay sang ai đó, và gầm gừ giọng hằn học: “Tôi đang ở đâu?” Có một câu trả lời mà tôi không nghe rõ. Rồi tiếng gầm gừ của Bergmann: “Không hiểu một lời nào. Anh bảo anh ta đi.”

Một tiếng nói mới, giọng Đông London gây cảm giác an lòng.

“Alô, chào anh. Đây là khách sạn Cowan, ở Bishopgate. Chúng tôi ở ngay bên kia nhà ga. Anh không thể đi hố đâu.”

“Cảm ơn,” tôi bảo. “Tôi sẽ tới đó liền. Tạm b...”

Tôi nghe điệu hối hả của Bergmann: “Ngay! Ngay!” Sau cái tiếng nghe như một vụ giành giật thoáng chốc mà dữ dội, ông ta chiếm được cái ống nói và phát ra một hơi thở sâu, khụt khịt. “Cho tôi biết đi, anh bạn, khi nào anh tới đây?”

“Ồ, khoảng một giờ nữa.”

“Một giờ? Thế thì lâu quá. Anh đi gì tới?”

“Bằng tàu điện ngầm.”

“Đi taxi không ổn hơn sao?”

“Không, không hơn đâu,” tôi trả lời chắc chắn, khi trong đầu đã tính tiền vé tàu đi từ Kensington đến ga Phố Liverpool: “Không ổn hơn.”



“Sao lại không ổn hơn?”

“Nó cũng đi chậm như tàu điện ngầm thôi. Giao thông tệ lắm, ông biết mà.”

“À, chuyện giao thông. Khiếp khủng.” Một tiếng khụt khịt sâu, như của một con cá voi đang hấp hối sắp chìm xuống đáy đại dương mãi mãi.

“Đừng lo,” tôi bảo ông ta bằng giọng tươi vui. Tôi thấy mình khá tử tế với ông ta, giờ thì tôi đã thuyết phục được ông ta về vụ taxi. “Tôi sẽ tới chỗ ông ngay đây.”

Bergmann khẽ kêu rên. Tôi biết ông ấy không tin tôi.

“Tạm biệt, anh bạn.”

“*Auf Wiedersehen*<sup>[8]</sup>... Không, tôi đâu nói thế được, phải không? Tôi chưa gặp ông mà.”

Nhưng ông ấy đã cúp máy rồi.

“Lại là dân điện ảnh nữa à?” Richard hỏi, khi tôi nhìn vào trong phòng ăn.

“Không. Ờ, phải, đại khái vậy. Sẽ kể cho em mọi thứ sau. Anh phải chạy đi đây. Ô, còn mẹ nữa, có thể con sẽ về ăn trưa muộn chút...”

\*

KHÁCH SẠN Cowan *không* nằm ngay đối diện nhà ga. Không nơi nào như vậy, khi mà họ bảo bạn thế. Tôi tới mà lòng bực bội, khi hai lần bị chỉ nhằm hướng và một lần suýt bị xe buýt đâm phải. Ngoài ra, tôi còn mệt đứt hơi. Mặc cho tôi quyết lấy lòng bình tâm mà tiếp chuyện Bergmann, tôi đã chạy suốt quãng đường từ chỗ tàu điện ngầm.

Đó là một nơi khá nhỏ. Khi tôi hỗn hển đến nơi, người giữ cửa đang đứng chờ cửa ra vào. Hiển nhiên là anh ta đang ngó chừng tôi.

“Là anh *Usherwood* phải không? Bác sĩ sẽ mừng khi gặp anh đó. Sáng giờ ông ấy gặp nhiều điều phiền não. Ông ấy tới sớm một ngày

so với lịch đặt phòng. Có nhầm lẫn chi đó. Không ai đón ông ấy ở bến tàu. Rắc rối với hộ chiếu. Rắc rối với bên hải quan. Mất va li. Cứ lộn xộn luôn. Đôi khi mọi sự cứ xảy ra thế.”

“Ông ấy đâu rồi? Trên lầu?”

“Không, thưa anh. Vừa vọt ra ngoài mua mấy điều thuốc rồi. Có vẻ không lấy làm thích mấy loại chúng tôi có. Anh sẽ bắt đầu thích mấy thứ kiểu lục địa đó, tôi cho là vậy, nếu anh quen với chúng. Chúng êm hơn.”

“Được rồi. Tôi sẽ chờ.”

“Thứ lỗi cho tôi, anh nên đuổi theo ông ấy đi. Anh biết mấy quý ông ngoại quốc sao rồi đó, lạ nước lạ cái. Kiểu gì cũng lạc giữa Quảng trường Trafalgar. Không phải tôi không cho là chúng ta cũng sẽ như vậy, ở vị trí của họ. Nhưng tôi không chắc liệu ông ấy có bị lạc không. Ông ấy đã đi tầm hai chục phút rồi đấy.”

“Lối nào?”

“Quành qua góc kia, bên trái. Dọc xuống ba cánh cửa. Bảo đảm anh sẽ bắt kịp ông ta.”

“Ông ta trông thế nào?”

Câu hỏi của tôi có vẻ làm tay giữ cửa thấy buồn cười. “Ồ, anh sẽ nhận ra ông ấy ngay khi gặp thôi, thưa anh. Anh không thể nhầm ông ta trong cả triệu người đâu.”

Cô gái ở quầy thuốc lá nhỏ cũng nói nhiều y như thế. Tôi không cần cố gắng miêu tả bác sĩ Bergmann. Việc ông ấy ghé qua đã tạo ấn tượng lớn.

“Thật là có cốt cách, phải không nào?” Cô gái cười khúc khích. “Còn hỏi tôi nghĩ gì ư, khi ở đây suốt cả ngày dài. Tôi không có nhiều thời giờ nghĩ ngợi, tôi bảo ông ta... Rồi chúng tôi bắt đầu nói về mấy giấc mơ.”

Bergmann đã kể cho cô gái về một bác sĩ, đầu đó ở nước ngoài, người bảo rằng giấc mơ của bạn không có ý nghĩa như những gì bạn nghĩ. Ông ấy dường như xem đây là một khám phá khoa học vĩ đại, làm cô thấy vui và cảm giác có chút ưu việt hơn, vì cô luôn biết điều đó. Cô có một cuốn sách ở nhà từng là của về người dì. Cuốn

sách có nhan đề *Từ điển giấc mơ của Nữ hoàng xứ Sheba*, và nó đã được viết từ lâu trước khi vị bác sĩ ngoại quốc kia ra đời.

“Cuốn đó lí thú lắm. Giả sử anh mơ về xúc xích... tức là sắp có một vụ cãi lộn. Trừ khi anh đang ăn nó. Rồi nó có nghĩa là tình yêu, hay là sức khoẻ tốt, tương tự như việc hắt hơi và mấy cây nấm. Đêm kia, tôi mơ mình cởi vớ chân ra, và chắc luôn, ngay sáng hôm sau, anh trai tôi gửi cho tôi phiếu chuyển tiền qua bưu điện. Dĩ nhiên, chúng không phải lúc nào cũng trở thành sự thật như thế. Không phải ngay lập tức...”

Lúc này tôi kiểm cách chen vào, và hỏi liệu cô ta có biết Bergmann đi đâu không.

Ông ấy muốn mua cuốn tạp chí nào đó, cô gái bảo tôi. Nên cô kêu ông ta đến tiệm Mitchell. Nó nằm đầu kia của con phố. Tôi không thể đi lối chỗ đó được.

“Và anh nên đưa ông ta mấy điều thuốc,” cô gái nói thêm. “Ông ta bỏ quên chúng nằm trên quày.”

Tiệm Mitchell cũng vậy, có nhớ quý ông ngoại quốc kia, nhưng ít thiện cảm hơn cô gái ở quày thuốc lá. Tựa hồ có chút cãi nhau ở đây. Bergmann đã hỏi tờ *The New World-Stage*, và khá bực tức khi cậu trai tự nhiên lại cho đó là một cuốn tạp chí sân khấu, và thay vào đó đã chào mời ông ấy tờ *The Stage* hoặc *The Era*. “Vô vọng. Không làm gì được,” tôi có thể hình dung ông ta kêu rên. Một đổi sau, ông ấy hạ cố giải thích rằng *The New World-Stage* là về chính trị, và bằng tiếng Đức. Cậu trai khuyên ông nên thử kiểm ở quày sách bên trong nhà ga.

Đến lúc này tôi thấy óc mình lạc lối. Toàn bộ chuyện này đang dần thoái suy thành một vụ săn tìm, và tôi chỉ có thể chạy, như chó săn vậy, từ manh mối này đến manh mối nọ. Mãi đến khi tôi đến trước quày sách, người thờ dốc, thì tôi mới nhận ra mình ngu ngơ đến dường nào. Mấy người phục vụ quày sách quá mức bận bịu đến nỗi chẳng để ý đến ai có giọng ngoại quốc; dù gì thì trong nửa tiếng qua có lẽ cũng có một số người nước ngoài. Tôi điên cuồng đưa mắt liếc quanh, chạy tới hỏi han hai kẻ lạ, những kẻ nhìn tôi bằng con mắt ngờ vực như bị nhục mạ, rồi tôi hối hả về lại khách sạn.

Một lần nữa, tay giữ cửa đang chờ đợi tôi.

“Xui thật, thưa anh.” Kiểu cách của y như thể của một khán giả đem lòng thông cảm đối với kẻ về chót trong một cuộc đua vượt chướng ngại vật.

“Ý anh là sao? Ông ta chưa về hả?”

“Đến rồi lại đi. Chưa đầy một phút sau khi anh rời khỏi. ‘Anh ta đâu?’ ông ấy hỏi, y chang anh vậy. Rồi điện thoại reo. Là một quý ông ở hãng phim gọi. Chúng tôi đã tìm cách liên lạc với ông ta cả buổi sáng. Muốn bác sĩ ra khỏi đó, ngay lập tức, càng nhanh càng tốt. Tôi bảo anh sẽ quay lại, nhưng ông ấy không chờ. Ông ấy kiểu như, thưa anh - thiếu kiên nhẫn hết mức. Nên tôi đưa ông ấy lên một chiếc taxi.”

“Ông ấy có để lại lời nhắn không?”

“Có, thưa anh. Anh phải gặp họ ở bữa trưa, tại quán Café Royal. Đúng một giờ.”

“Rồi, tiêu tôi rồi.”

Tôi vào đại sảnh, ngồi xuống ghế và lau trán. Như thế đã đủ rồi. Họ nghĩ họ là hạng người quái quỷ nào chứ? Rồi, đây sẽ là bài học cho tôi. Một điều chắc chắn: họ sẽ không nghe thấy tôi nữa. Cho dù họ có tới nhà và ngồi ở bậc cửa cả ngày dài, cũng không.

\*

**TÔI TÌM THẤY** họ ở Phòng Nướng.

Tôi đến trễ mười phút, đôi chút nhượng bộ đối với lòng tự phụ bị tổn thương của tôi. Tay trưởng phục vụ biết ông Chatsworth và chỉ ông ta cho tôi thấy. Tôi dừng chân để cảm nhận ấn tượng ban đầu trước khi tiến đến bàn.

Một mái đầu hoa râm rậm rạp, quay gáy về phía tôi, đối đầu với một khuôn mặt to hồng hào, mảnh mai, bóng mượt, tóc vàng nhạt, cặp kính đồi mồi nặng nề. Hoa râm cố tình rướn tới trước. Mặt hồng ngả ra sau, như đón lấy cả thế gian.

“Nói riêng giữa ông với tôi thôi nhé,” khuôn mặt đang nói, “chỉ có một vấn đề duy nhất với họ. Họ không có *savoir vivre*.”<sup>[9]</sup>

Cặp mắt tròn nhợt nhạt, được phóng đại qua tròng kính, di chuyển khắp phòng, khi thấy tôi cũng chẳng ngạc nhiên: “Là ông Isherwood, phải không? Rất hân hạnh khi ông có thể ghé qua. Tôi không nghĩ là hai người biết nhau.”

Ông ấy không đứng dậy. Nhưng Bergmann bật dậy đột ngột làm người ta hết hồn, giống như con rối Punch<sup>[10]</sup> trong chương trình biểu diễn vậy. “Một gã Punch bi thảm,” tôi tự nhủ. Tôi không thể không mỉm cười khi chúng tôi bắt tay, vì màn giới thiệu trông quá ư thừa thãi. Có những cuộc gặp giống như thể nhận mặt... đây là một cuộc gặp như vậy. Tất nhiên chúng tôi biết nhau. Tên, giọng nói, nét mặt đều không cần thiết, tôi đã biết gương mặt đó. Đó là khuôn mặt của một tình cảnh chính trị, một thời đại. Khuôn mặt của Trung Âu.

Tôi đoán chắc, Bergmann có để ý đến điều tôi đang nghĩ. “Xin chào, *thưa anh*.” Ông ấy nói mấy từ cuối cùng với chút nhấn mạnh có ý mỉa mai. Chúng tôi đứng đó, một hồi, nhìn nhau.

“Ngồi xuống đi,” ông Chatsworth bảo chúng tôi, giọng vui vẻ.

Ông ấy lên giọng. “*Garçon, la carte pour monsieur!*”<sup>[11]</sup> Nhiều người nhìn quanh. “Anh nên dùng món bít-tết Tournedos Chasseur,” ông ấy nói thêm.

Tôi chọn món cá Sole Bonne Femme, và không hề thích, vì nó là thứ đầu tiên tôi thấy, vì tôi quyết tâm cho Chatsworth thấy tôi có ý muốn của riêng mình. Ông ta đã gọi rượu sâm panh. “Đừng bao giờ uống gì khác trước lúc hoàng hôn.” Có một nơi bé nhỏ ở Soho, ông ấy cho chúng tôi hay, nơi ông ấy cất thứ rượu vang đỏ của mình. “Lấy sáu tá ở buổi đấu giá tuần rồi. Tôi đã cược với quản gia của mình là tôi sẽ tìm cho ông ta một thứ xin hơn những cái chúng tôi có trong hầm rượu. Thằng cha đó cừ phết đấy, nhưng hẳn phải thừa nhận là tôi đúng thôi. Bắt hẳn trả tiền luôn.”

Bergmann khẽ làu bàu. Lúc này đã chuyển sự chú ý sang Chatsworth, và đang nhìn ông ta bằng vẻ mãnh liệt mà sẽ buộc hầu hết mọi người phải thoái lui vào sự im lặng ngượng ngùng trong vòng ba mươi giây. Sau khi tọng hết miếng thịt của mình bằng vẻ gấp

rút đến cuống cuồng, ông ta hút thuốc. Chatsworth ung dung ngồi ăn, nhưng với vẻ cực kỳ quả quyết, ông ngừng lại sau mỗi miếng để đưa ra một quan điểm mới. Bàn tay mạnh mẽ, lông lá, không đeo nhẫn của Bergmann nằm im trên bàn. Điều thuốc ông cầm nhìn như ngón trỏ chỉ tay buộc tội, chĩa thẳng vào tim Chatsworth. Đầu ông ta to vĩ đại và khủng khiếp như tấm đá granite được tạc khắc. Đầu của một vị hoàng đế La Mã, với đôi mắt Á châu già tối. Bộ com lê xám xịt cứng đờ không hợp với ông ta. Cổ áo sơ mi thì quá chặt. Cà vạt xiên lệch và có kiểu gút vụng về. Từ khước mắt mình, tôi xem xét cái cằm to và vững chãi ấy, cái miệng mím chặt thành một đường kẻ dễ sợ, những nếp nhăn thô ráp hẳn xuống từ cái mũi hống hách, lông đen rậm trong hai lỗ mũi. Đây là khuôn mặt của một vị Hoàng đế, nhưng đôi mắt thì tối tăm trào lộng của gã nô lệ theo hầu... gã nô lệ vốn có kiểu cách mỉa mai khi tuân mệnh, quan sát, chiều lòng và đánh giá người chủ vốn không bao giờ có thể hiểu được hẳn; gã nô lệ mà người chủ lệ thuộc tột độ để khuây khỏa bản thân, để chỉ bảo này nọ, để ban bố quyền uy; cái gã nô lệ mà viết nên những ngụ ngôn về dã thú và con người.

Từ rượu vang, Chatsworth theo trình tự tự nhiên của ý tưởng, đã chuyển sang Riviera. Liệu Bergmann có biết Monte Carlo? Bergmann lâu bầu ra ý không. “Tôi không phiền cho các anh biết,” Chatsworth nói, “rằng Monte là tổ ấm tinh thần của tôi. Chưa từng quan tâm lắm về Cannes. Monte có một *je ne sais quoi*<sup>[12]</sup>, một thứ riêng mình nó thôi. Kiểu gì mỗi mùa đông tôi cũng xuống đó ở mười ngày. Không quan trọng tôi bận cỡ nào. Tôi cứ dọn đồ và đi thôi. Tôi nhìn chuyện đó theo cách này; đó là một vụ đầu tư. Nếu tôi không có thời giờ cho mình ở Monte, tôi không tài nào chịu được sương mù và mưa phùn ở London chết bầm này. Tôi sẽ mắc bệnh cúm hay gì đó. Nằm trên giường cả tháng. Tôi đang làm ơn làm phước cho cái hãng phim ấy lắm đấy; đó là điều tôi bảo họ. *Garçon!*<sup>[13]</sup>”

Ngừng nói để gọi món bánh Crêpes Suzette, mà không cần hỏi ý hai người chúng tôi, Chatsworth tiếp tục giải thích rằng ông ấy không phải kẻ đánh bạc, thực vậy. “Dù gì cũng đã đánh bạc chán chê trong ngành điện ảnh rồi. Quay roulette là một trò ngớ ngẩn kinh hồn. Chỉ phù hợp với bọn khờ và mấy cụ già. Thế nhưng tôi thích trò bài cào.



Đã thua mấy nghìn hồi năm ngoái. Vợ tôi thích bài bridge hơn. Tôi bảo cô ấy đó là cái tính thiên cặn chết tiệt.”

Tôi tự hỏi liệu vốn tiếng Anh của Bergmann có đủ để hiểu toàn bộ chuyện này. Biểu hiện của ông ta đang càng lúc càng bí hiểm. Thậm chí Chatsworth dường như cũng để ý chuyện đó. Ông đang trở nên có chút không yên tâm về người nghe. Ông ta thử mở đầu kiểu khác, bắt đầu bằng cách chúc mừng tay trưởng phục vụ về món Crêpes Suzette: “Gửi lời khen của tôi cho Alphonse, và bảo là anh ấy làm tốt lắm.” Tay trưởng phục vụ, người rõ ràng biết làm sao để đối phó với Chatsworth, đã cúi đầu thật thấp. “Thưa ông, vì ông mà chúng tôi đã mất công thêm *chút* nữa. Chúng tôi biết ông là dân sành sỏi. Ông biết thưởng thức.”

Chatsworth hơi tươi cười. “Vợ tôi bảo tôi đúng là dân cộng sản chính hiệu. Không thể khác được. Cái cách hầu hết mọi người đối đãi với người hầu làm tôi thấy phát bệnh. Không có tâm gì cả. Đặc biệt là mấy tài xế riêng. Các vị nghĩ họ không phải người. Mấy gã hợm chết tiệt bắt họ lao động cực nhọc đến chết. Giờ nào cũng kêu tài xế đến. Anh ta chẳng dám gọi hồn mình là của chính mình nữa. Tôi không đủ khả năng như thế, nhưng tôi giữ ba người: hai người cho ban ngày và anh bạn còn lại cho buổi đêm. Vợ tôi luôn bám theo tôi để đòi sa thải một người trong số đó. ‘Hoặc chúng ta có ba người,’ tôi bảo vợ, ‘hoặc em tự lái xe đi.’ Và cô ấy sẽ không bao giờ làm thế. Tất cả phụ nữ đều lái xe tộ phát khiếp. Nhưng ít nhất cô ấy cũng thừa nhận chuyện đó.”

Cà phê được phục vụ, và Chatsworth rút ra một cái hộp da thuộc Maroc, kiểu dáng sắc sảo sảo mỉu, to bằng một cuốn Tân Ước bỏ túi, trong chứa xì gà. Mỗi điếu có giá năm shilling và sáu xu, ông cho chúng tôi hay. Tôi từ chối, nhưng Bergmann lấy một điếu, châm thuốc bằng vè cau có dễ sợ. “Một khi anh thấy thích chúng, anh sẽ chẳng bao giờ hút thứ khác,” Chatsworth cảnh báo ông ta, và nói thêm bằng giọng ân cần, “tôi sẽ gửi anh một hộp vào sáng mai.”

Bằng cách nào đó điếu xì gà làm cho Chatsworth trở nên trọn vẹn. Khi bập thuốc, ông ấy có vẻ to lớn kỳ khôi. Đôi mắt nhợt nhạt của ông lấp lánh thứ ánh sáng tiên tri.

“Suốt bao năm nay, tôi có một tham vọng lớn lao. Các anh sẽ cười vào mặt tôi. Ai cũng vậy. Họ bảo tôi điên rồi. Nhưng tôi chẳng quan tâm.” Ông ngập ngừng. Đoạn đưa ra thông báo long trọng, “Tosca<sup>[14]</sup>. Với Garbo.”

Bergmann xoay người, trao cho tôi cái liếc mắt nhanh thật bí ẩn. Đoạn ông thở hắt ra, mạnh đến mức khói xì gà của Chatsworth bị thổi ngược lại quanh đầu ông ấy. Chatsworth trông hài lòng. Rõ ràng đây là loại phản ứng thích đáng.

“Không có nhạc, dĩ nhiên. Tôi sẽ làm nó hoàn toàn trực diện.” Ông lại ngập ngừng, chắc đang chờ phản đối của chúng tôi. Không ai phản đối.

“Đây là một trong những câu chuyện tuyệt vời nhất thế giới. Người ta không nhận ra điều ấy. Chúa ơi, đây là thứ tuyệt diệu.”

Một khoảng ngừng ấn tượng nữa.

“Và các anh biết tôi muốn ai viết nó không?” Giọng Chatsworth chuẩn bị cho chúng tôi một cú sốc to lớn nhất hạng.

Khoảng lặng im.

“Somerset Maugham<sup>[15]</sup>.”

Lặng im tột cùng, chỉ bị phá tan bởi tiếng thở của Bergmann.

Chatsworth ngồi ngả ra sau, với thần thái của một gã vừa đưa ra tối hậu thư. “Nếu không có được Maugham, tôi sẽ không làm gì sất.”

“Ông đã hỏi ông ta chưa?” Tôi muốn hỏi thăm, nhưng câu hỏi nghe có vẻ không đáng vào lúc này. Tôi gặp ánh mắt nghiêm nghị của Chatsworth, và cố nặn một nụ cười yếu ớt, bòn chần.

Tuy vậy, nụ cười ấy dường như làm Chatsworth hài lòng. Ông diễn giải nụ cười đó theo lối riêng của bản thân, và bất thần tươi cười đáp lại tôi.

“Tôi cá là mình biết Isherwood đang nghĩ gì,” ông nói với Bergmann. “Anh ta cũng hợp đấy, khốn thật. Tôi hoàn toàn thừa nhận. Tôi là một gã trí thức hợm mình chết bầm.”

Bergmann đột nhiên ngược nhìn tôi. Tôi tự nhủ, sau rốt ông ta cũng sẽ cất tiếng. Đôi mắt đen rực lên, đôi môi uốn thành hình dạng

một từ, đôi bàn tay vạch ra đường nét của một điệu bộ. Rồi tôi nghe Chatsworth nói: “Chào Sandy.”

Tôi xoay người, và ở kia, đứng cạnh cái bàn, thật khó tin, là Ashmeade. Một Ashmeade già hơn gần mười tuổi, nhưng điệu kì là gần như không thay đổi gì; vẫn vẻ anh tuấn ấy, mái tóc nâu vàng và nét duyên ấy; vẫn ăn vận kiểu trang nhã như sinh viên với áo khoác thể thao, áo chui đầu bằng lụa và mấy cái túi bằng vải flannel. “Sandy là biên tập kịch bản của chúng tôi,” Chatsworth bảo với Bergmann. “Bướng như ranh ấy. Anh ta sẽ viết lại Shakespeare, nếu anh ta không thấy thích kịch bản.”

Ashmeade nở nụ cười dịu dàng, mềm mỏng. “Chào Isherwood,” anh nói nhẹ nhàng, bằng giọng vui đùa.

Đôi mắt chúng tôi gặp nhau. “Anh làm cái quái quỷ gì ở đây vậy?” Tôi muốn hỏi anh ta. Tôi thực sự khá sốc. Ashmeade, thi sĩ. Ashmeade, ngôi sao của Hội Marlowe<sup>[16]</sup>. Hiển nhiên anh ta để ý tôi nghĩ gì. Đôi mắt vàng óng nhạt của anh ta hấp háy chối từ không thừa nhận điều chi, không trao đổi bất kì tín hiệu bí ẩn nào.

“Hai người biết nhau à?” Chatsworth hỏi.

“Chúng tôi từng học cùng ở Cambridge,” tôi nói ngắn gọn, không rời khỏi mắt của Ashmeade, thách thức anh ta.

“Cambridge ư?” Chatsworth rõ ràng thấy ấn tượng. Tôi có thể cảm thấy cổ phiếu của mình tăng lên mấy điểm. “Ờ, hai người sẽ có nhiều chuyện để nói đấy.”

Tôi nhìn thẳng Ashmeade, thách anh ta phủ nhận điều này. Ashmeade chỉ cười, từ đằng sau mặt nạ làm cảnh của mình.

“Đến lúc trở về hăng rồi,” Chatsworth thông báo, đứng dậy và vươn người. “Bác sĩ Bergmann sẽ đi cùng chúng ta đó, Sandy. Khởi chiếu bộ phim của Rosemary Lee cho anh ta đi. Phim đó có cái tên quái quỷ gì nhỉ?”

“*Mơ màng về Monaco*,” Ashmeade đáp, như người ta nói *Hamlet*, kiểu tình cờ, không để trong dấu nháy kép.

Bergmann đứng dậy với giọng lâu bầu trầm trầm, bi thảm.

“Công việc này có chút khó chịu,” Chatsworth bảo ông ta bằng giọng vui tươi, “nhưng anh sẽ biết nó trông ra sao.”

Tất cả chúng tôi đi hướng ra cửa. Bergmann trông rất lùn và to bè, bước giữa Chatsworth to kènh và Ashmeade cao dong dỏng. Tôi theo sau, cảm giác bị bài trừ và có chút cáu bẳn.

Chatsworth vẫy tay ra hiệu anh phục vụ đứng sang bên bằng một cử chỉ cao ngạo và tự mình giúp Bergmann mặc vào chiếc áo choàng. Cảnh này trông như thể mặc đồ cho một bức tượng La Mã vậy. Mũ của Bergmann như một trò cười vô duyên nhất hạng. Quá ư bé nhỏ, cái mũ đội một cách lố lăng trên mớ tóc bạc rậm rạp của ông ta, và khuôn mặt Bergmann thò ra vẻ dễ sợ bên dưới cái mũ, với vẻ mặt của một vị Hoàng đế bị đám phiến loạn ô hợp bắt giữ và dẫn độ. Ashmeade tất nhiên không đội mũ cũng không mặc áo choàng. Anh ta mang một cây dù mảnh mai, được cuộn lại vừa vặn. Bên ngoài, chiếc Rolls Royce của Chatsworth cùng tài xế riêng đang chờ đón, chiếc xe tuyền màu xám, tiếp với bộ đồ dáng thụng được cắt may đẹp của chính ông.

“Đêm nay nên ngủ cho đầy, anh Isherwood,” ông ấy khuyên tôi bằng giọng ân cần. “Chúng tôi sẽ bắt anh làm việc cật lực đấy.”

Ashmeade không nói gì. Anh ta mỉm cười, và bước theo Chatsworth vào trong xe.

Bergmann ngừng lại, cầm tay tôi. Một nụ cười duyên khác thường, mang vẻ thân mật, xuất hiện trên khuôn mặt ông ta. Ông đang đứng rất sát tôi.

“Tạm biệt, anh Isherwood,” ông nói, bằng tiếng Đức. “Tôi sẽ gọi điện cho anh vào sáng mai.” Giọng ông thấp xuống; ông nhìn bằng vẻ trầm lự, đầy tình cảm, vào mắt tôi. “Tôi đoán chắc là ta sẽ rất vui bên nhau. Anh biết đó, này giờ, tôi tuyệt nhiên không cảm thấy ngượng trước mặt anh. Chúng ta tựa như hai gã có gia đình gặp nhau ở nhà thổ vậy.”

\*

KHI TÔI về nhà, mẹ tôi và Richard đang ở phòng khách chờ tôi.

“À!”

“Thành công chứ?”

“Sao rồi?”

“Con gặp ông ta chứ?”

Tôi buông người xuống ghế. “Có,” tôi đáp, “con đã gặp ông ta.”

“Và... mọi chuyện ổn cả chứ?”

“Ý mẹ ổn cả là sao?”

“Con sẽ nhận việc đó chứ?”

“Con chẳng biết... Ờ có... Có, con tính nhận.”

\*

MỘT TRONG NHỮNG thuộc cấp của Chatsworth đã sắp chỗ cho Bergmann trong một căn hộ dịch vụ ở Knightsbridge, cách khu Hyde Park Corner không xa. Tôi tìm thấy ông ta ở đó vào sáng hôm sau, chỗ đầu cầu thang dốc. Thậm chí trước khi chúng tôi có thể nhìn thấy nhau, ông ta bắt đầu gọi tôi từ bên trên. “Lên đi! Cao nữa! Cao nữa! Can đảm lên! Chưa đâu! Anh đâu rồi? Đừng nản! À ha! Rốt cuộc! *Servus*<sup>[17]</sup>, anh bạn!”

“Sao?” Tôi hỏi, khi chúng tôi bắt tay. “Ông thấy chỗ ở này thế nào?”

“Tồi tệ!” Bergmann nháy mắt với tôi với vẻ khô hài từ dưới mớ lông mày rậm đen của mình. “Chỗ này là một hỏa ngục! Anh vừa đi lên địa ngục đấy!”

Sáng nay, ông ta không còn là Hoàng đế nữa mà thành một ông hề già, đầu tóc rối bù, mặc áo choàng tẩm lòe loẹt bằng lụa. Một mớ bi hài, như mọi chú hề, khi bạn thấy họ ngồi nghỉ ở hậu trường sau buổi diễn.

Ông đặt bàn tay lên cánh tay tôi: “Trước tiên, hãy cho tôi hay một chuyện. Toàn bộ thành phố của anh cũng ghê rợn như vậy à?”

“Ghê rợn? Sao chứ, nơi đây là chỗ ngon lành nhất đó! Chờ đến khi ông thấy mấy khu ổ chuột của chúng tôi đi, và mấy khu ngoại ô nữa.”

Bergmann cười toe: “Anh làm tôi thấy an ủi ghê gớm đó.”

Ông dẫn lối vào căn hộ. Phòng khách nhỏ và nóng như xứ nhiệt đới, nằm dưới lớp mây mù khói thuốc. Nó bốc mùi sơn mới quét. Toàn bộ chỗ này bừa bãi nào quần áo, nào giấy tờ sách vở, nằm tung tóe mất trật tự, tựa hồ mấy mảnh vụn quanh núi lửa vậy.

Bergmann gọi: “Em ơi!” Và một cô gái bước ra từ phòng trong. Cô ta có mái tóc vàng mượt, được chải gọn sau hai thái dương, và một khuôn mặt bầu bĩnh trầm lặng, mà đáng ra trông xinh xắn, nếu cằm không quá nhọn. Cô đeo cặp kính không viền và thoa son môi sai màu. Cô mặc cái áo vét bó gọn cùng cái chân váy kiểu của người tốc kí.

“Dorothy, tôi giới thiệu em với anh Isherwood. Dorothy là thư kí của tôi, món quà xinh xắn nhất trong số các món quà mà ông Chatsworth hào phóng ban cho tôi. Em thấy đó, Dorothy, anh Isherwood là một Virgil giỏi giang đến đây để lèo lái tôi qua bản hài kịch Anglo-Saxon này.”

Dorothy nở nụ cười của một thư kí mới - hãy còn chút hoang mang, nhưng sẵn sàng cho bất kì chuyện gì ngang đường mấy ông sắp rồ dại.

“Và làm ơn dập đám lửa kia,” Bergmann nói thêm. “Nó giết tôi mất thôi.”

Dorothy quỳ xuống và tắt ngọn lửa ga đang phùng phùng ở góc nhà. “Bây giờ ông có việc cần tới tôi,” cô hỏi, đầy xã giao, “hay tôi sẽ đi xử lí mớ thư từ?”

“Chúng tôi lúc nào cũng cần em hết, cưng à. Không có em, chúng tôi không tài nào tồn tại dù chỉ một khắc. Em là Beatrice của chúng tôi. Nhưng trước tiên, anh Virgil và tôi sẽ phải làm quen nhau. Hay đúng hơn là anh ta phải làm quen với tôi. Bởi, anh thấy đó,” Bergmann tiếp tục nói, khi Dorothy rời phòng, “tôi biết mọi thứ về anh rồi.”

“Ông biết rồi?”

“Dĩ nhiên. Tất tậ những điều quan trọng. Khoan. Tôi sẽ cho anh xem thứ này.”



Sau khi nhắc ngón trỏ lên, vẻ hớn hờ, để ra dấu rằng tôi cần phải kiên nhẫn, ông bắt đầu lục mớ quần áo và giấy tờ nằm rải rác. Tôi nhìn mà lòng càng lúc càng tò mò, khi cuộc kiếm tìm của Bergmann càng lúc càng trở nên dữ dội. Thảng hoặc, ông phát hiện món nào đó, hiển nhiên không phải món cần tìm, cầm nó đưa lên trước mặt một đống, giống như một con chuột chết toát mùi gớm ghiếc, rồi lại quăng nó sang bên với cái khịt mũi ra điều kinh tởm hoặc phát ra tiếng cảm thán như “Kinh khiếp!” “*Scheusslich!*” “Tào lao hết sức!” Tôi quan sát ông moi lên, theo cái lối đào bới này, một cuốn sổ đen dày, một cái gương cạo râu, một chai nước dưỡng tóc và một cái đai bụng. Sau rốt, bên dưới một chõng áo, ông tìm thấy một bản sách *Mein Kampf*<sup>[18]</sup> mà ông hôn lên, trước khi ném vào giỏ giấy vụn. “Tôi yêu ông ta!” Ông bảo tôi, làm một khuôn mặt nhăn nhó, khô hài.

Cuộc kiếm tìm lan sang phòng ngủ. Tôi có thể nghe tiếng ông ta lao tới chỗ này chỗ kia, khịt khịt mũi và thở phì phò, trong lúc tôi đứng cạnh bệ lò sưởi, nhìn mấy tấm ảnh chụp một người đàn bà trông vui tính, tóc vàng, to lớn và một cô gái hơi nhút nhát, da ngăm, người ốm. Tiếp theo, phòng tắm được tra khám. Mấy cái khăn tắm ướt bị vớt ra chỗ hành lang. Rồi Bergmann thốt lên tiếng kêu đặc thảng “À ha!” Ông sai bước quay lại vào phòng khách, vẩy một cuốn sách bên trên đầu mình. Đó là cuốn tiểu thuyết của tôi, cuốn *Kỉ niệm*.

“Thế đó! Có đây rồi! Anh thấy chứ? Tôi đọc nó hồi nửa đêm. Và đọc lại sáng nay, trong phòng tắm.”

Tôi cảm thấy hài lòng và khoan khoái đến mức lối bịch. “Ờ,” tôi cố nói ra vẻ thường tình, “ông thấy nó sao?”

“Tôi thấy nó thật hoành tráng.”

“Nó cần phải hay hơn thế nhiều. Tôi e là mình...”

“Anh sai rồi,” Bergmann bảo tôi, giọng khá nghiêm trọng. Ông bắt đầu lật trang sách. “Cảnh này... hẳn tìm cách tự sát. Thật thiên tài.” Ông cau mày vẻ nghiêm nghị, như thể thách tôi nói trái đi. “Chỗ này tôi thấy rõ ràng là thiên tài.”

Tôi bật cười và đỏ mặt. Bergmann nhìn tôi, mỉm cười, như một người cha đầy hãnh diện đang lắng nghe con trai mình được thầy hiệu trưởng khen ngợi. Rồi ông vỗ vai tôi.

“Này, nếu anh không tin tôi, thì tôi sẽ cho anh thấy. Cái này tôi viết sáng nay, sau khi đọc sách của anh.” Ông bắt đầu lục lọi trong túi. Do chỉ có bảy cái túi, nên ông không mất thời giờ nhiều. Ông lôi ra một tấm giấy nhàu nhĩ. “Bài thơ đầu tiên của tôi bằng tiếng Anh. Gửi đến một thi sĩ Anh.”

*Khi tôi còn bé, mẹ bảo tôi  
Thật may mắn khi thức giấc vào lúc hừng đông  
Lắng nghe thanh âm đầu tiên  
Tiếng chim chiền chiện ngân trong thình không.  
Giờ tôi không còn bé, và khi thức giấc.  
Buổi sáng thật tối tăm.  
Tôi nghe tiếng chim hót cái tên lạ lẫm  
Bằng thứ tiếng của miền đất lạ,  
Nhưng tôi nghĩ đó là điềm may mắn.  
Y là ai, người hát ca này, kẻ không sợ đô thị u ám?  
Phải chăng họ sẽ sớm nhấn chìm y, Shelley<sup>[19]</sup> tội nghiệp?  
Liệu mấy kẻ treo cổ Byron sẽ dạy y đi khắp khiêng  
Tôi mong không như vậy, bởi y làm tôi mãi nguyện.*

“Chà,” tôi bảo, “thật hay!”

“Anh thích chứ?” Bergmann quá phấn khởi đến mức ông bắt đầu xoa đôi bàn tay. “Nhưng anh làm ơn chình lại phần tiếng Anh nhé.”

“Dĩ nhiên không rồi. Tôi thích cái lối như vậy.”

“Chưa gì tôi đã phải lòng thứ ngôn ngữ này,” Bergmann nói, bằng vẻ thỏa ý khiêm nhường. “Tôi sẽ viết nhiều bài thơ bằng tiếng Anh.”

“Tôi có thể giữ cái này không?”

“Thật à? Anh muốn nó?” Ông cười toét. “Vậy tôi sẽ đề tặng anh.”

Ông lấy ra cây bút bi và viết: “Dành cho Christopher, từ Friedrich, người bạn tù.”

Tôi đặt bài thơ cẩn thận lên bệ lò sưởi. Có vẻ đây là nơi an toàn duy nhất trong phòng. “Đây là vợ ông à?” Tôi hỏi, nhìn mấy tấm ảnh.

“Phải. Và đó là Inge, con gái tôi. Anh thích nó chứ?”

“Cô ấy có đôi mắt đẹp.”

“Nó là nhạc sĩ dương cầm. Rất tài năng.”

“Họ ở Vienna?”

“Thật xui rủi. Phải. Tôi lo cho hai mẹ con lắm. Áo không còn an toàn nữa. Đại dịch đang lan ra. Tôi ước gì hai mẹ con đi cùng tôi, nhưng vợ tôi phải chăm lo mẹ cô ấy. Thật không dễ dàng cho lắm.” Bergmann thờ dài thườn thượt. Đoạn, với một cú liếc sắc lẹm về phía tôi: “Anh chưa kết hôn.” Câu đó nghe như một lời buộc tội.

“Sao ông biết?”

“Tôi biết mấy chuyện thế này... Anh sống cùng bố mẹ?”

“Vớ vẩn và em trai tôi. Bố tôi đã mất.”

Bergmann làu bàu và gật đầu. Ông trông như một bác sĩ phát hiện chẩn đoán bi quan nhất của mình đã được xác nhận. “Anh là điển hình cho kiểu con trai ăn bám mẹ. Đây là bi kịch của người Anh.”

Tôi bật cười. “Khá nhiều đàn ông Anh đã kết hôn đấy, ông biết mà.”

“Họ cưới *mẹ* mình. Điều này là thảm họa. Điều này sẽ dẫn tới sự triệt tiêu của châu Âu.”

“Tôi phải nói rằng, tôi không thấy...”

“Điều này chắc chắn sẽ dẫn tới sự triệt tiêu của châu Âu. Tôi đã viết những chương đầu của một tiểu thuyết về chuyện này. Nó mang tên *Nhật kí của một tay Oedipus trường Eton*<sup>[20]</sup>.” Đột nhiên Bergmann trao cho tôi một nụ cười duyên. “Nhưng đừng lo. Chúng ta sẽ thay đổi toàn bộ chuyện đó.”

“Ồn thôi,” tôi cười toe. “Tôi sẽ không lo.”

Bergmann châm một điếu thuốc, và thổi ra một làn khói rồi ông biến mất vào đó.

“Và giờ,” ông tuyên bố, “thời khắc ghê rợn nhưng khó tránh khỏi đã đến khi ta phải bàn về tội ác mà chúng ta sắp phạm phải: cơn oán phần này của công chúng, mối phiền hà to lớn này, tai tiếng này, sự báng bổ này... Anh đã đọc kịch bản gốc chưa?”

“Đêm qua, họ đã phái một người đem kịch bản tới.”

“Và...?” Bergmann hăm hờ nhìn tôi, đợi chờ câu trả lời.

“Nó thậm chí còn tệ hơn tôi tưởng.”

“Tuyệt diệu! Xuất sắc! Anh thấy đó, tôi là một phạm nhân già nua ghê rợn đến mức chưa từng có gì có thể tệ đến mức như tôi tưởng. Nhưng anh đã ngạc nhiên. Anh đã bị sốc. Đó là vì anh ngây thơ. Tôi cần chính sự ngây thơ này để giúp đỡ bản thân, sự ngây thơ của Alyosha Karamazov<sup>[21]</sup>. Tôi sẽ tiếp tục làm anh suy bại. Tôi sẽ dạy anh mọi thứ từ đầu... Anh biết phim ảnh là gì không?” Bergmann khum đôi bàn tay âu yếm như thể đang nâng một đóa hoa tuyệt mỹ. “Phim ảnh là một cỗ máy từ địa ngục. Một khi được đánh lửa và khởi động, nó sẽ xoay bằng một hoạt lực cực đại. Nó không thể dừng. Nó không thể tạ lỗi. Nó không thể rút lại bất kỳ thứ gì. Nó không thể chờ để anh hiểu nó. Phim ảnh không thể tự cắt nghĩa bản thân. Nó chỉ đơn giản chín muồi tới điểm bạo phát không tránh được. Cơn bạo phát này ta phải chuẩn bị, như những kẻ vô chính phủ, bằng tài xảo diệu và ác ý tột cùng... Lúc anh ở Đức anh có từng xem *Frau Nussbaum's letzter Tag*<sup>[22]</sup> chưa?”

“Quả thực là có xem. Ba, bốn lần.”

Bergmann cười toét. “Tôi đạo diễn phim đó.”

“Hả? Thật à?”

“Anh không biết à?”

“Tôi e là mình chưa từng coi phần danh sách người thực hiện ở cuối phim... Ôi chao, đó là một trong những phim Đức hay nhất!”

Bergmann gật đầu, thích thú, chấp nhận câu này như chuyện phải đạo. “Anh phải nói điều đó cho Ô Dù hay.”

“Ô Dù?”

“Tay Beau Brummel<sup>[23]</sup> xuất hiện trước chúng ta hôm qua vào bữa trưa.”

“Ồ, là Ashmeade....”

Bergmann trông có vẻ bận tâm. “Hắn là bạn quý của anh?”

“Không,” tôi cười toe. “Không hẳn vậy.”

“Anh thấy đó, tôi thấy cái ô của hắn cực kì biểu tượng. Đó là cái tính trọng thị của người Anh, nó nghĩ thế này: ‘Mình có các truyền thống của mình, và chúng sẽ bảo vệ mình. Không thứ gì khó ưa, không thứ gì thiếu phong nhã lại có thể xảy ra bên trong khu vực

riêng của mình.’ Cái ô đáng kính này chính là cây đũa thần của gã người Anh đó, là thứ hắc sế cầm ve vẩy cho Hitler mất dạng khỏi cõi đời. Khi Hitler thô lỗ từ chối không chịu biến mất, gã Anh đó sẽ mở ô ra và nói: ‘Rốt cuộc, mình quan tâm gì một cơn mưa nhỏ?’ Nhưng cơn mưa này sẽ là một cơn mưa bom và máu. Chiếc ô đó không phải thứ chống bom.”

“Đừng đánh giá thấp chiếc ô,” tôi bảo. “Nó dùng được lắm, mấy cô gia sư thường dùng nó đấu với lũ bò đực. Nó có đầu rất nhọn.”

“Anh sai rồi. Chiếc ô vô dụng... Anh biết Goethe chứ?”

“Chỉ chút ít.”

“Khoan. Tôi sẽ đọc cho anh nghe một thứ. Khoan. Khoan.”

\*

“TOÀN BỘ *cái đẹp* của phim này,” tôi thông báo với mẹ và Richard vào sáng hôm sau lúc đang ăn sáng, “là nó có một *tốc độ* cố định rõ ràng. Cái cách ta xem nó đã được ấn định một cách máy móc. Ý con là, thử xem một bức họa... ta có thể chỉ cần liếc nhìn nó, hoặc có thể nhìn chăm chú vào góc trên bên trái trong nửa giờ. Sách cũng thế. Tác giả đâu thể ngăn ta đọc lướt nó, hoặc nhìn chăm chú vào chương cuối rồi đọc ngược lại. Vấn đề là, ta chọn lối tiếp cận của mình. Khi ta vào rạp thì khác. Ta phải nhìn bộ phim ở đó theo cách đạo diễn muốn ta nhìn vào nó. Ông ấy đưa ra các luận điểm của mình, hết cái này đến cái khác, và ông ấy cho phép ta có một số giây hoặc một số phút nhất định để nắm lấy từng cái một. Nếu ta bỏ lỡ thứ gì, ông ấy sẽ không lặp lại, và ông ấy không dừng lại để cắt nghĩa. Ông ấy không thể. Ông ấy đã bắt đầu thứ gì đó, và ông ấy phải đi tới cùng với nó... Thấy đó, bộ phim thực sự tựa như một cỗ máy từ địa ngục...”

Tôi ngừng đột ngột, đôi tay còn lửng lơ giữa không trung. Tôi bắt gặp bản thân đang thực hiện một trong những cử chỉ đặc trưng nhất của Bergmann.

\*

TÔI LUÔN nhìn nhận khá tốt đẹp về bản thân với tư cách một nhà văn. Nhưng trong suốt những ngày đầu tiên cùng làm việc với Bergmann, sự nhìn nhận này bị hạ thấp đáng kể. Tôi tự phỉnh nịnh mình rằng tôi có óc tưởng tượng, rằng tôi có thể chế ra lời thoại, rằng tôi có thể phát triển một nhân vật. Tôi đã tin rằng mình có thể miêu tả gần như bất kì thứ gì, tựa như một họa sĩ tài giỏi có thể vẽ cho bạn khuôn mặt một ông già, hoặc một cái bàn, hoặc một cái cây.

Ờ, có vẻ như tôi sai rồi.

Bối cảnh là thời đại đầu thế kỉ 20, không lâu trước Thế chiến năm 1914. Lúc này là buổi tối mùa xuân ấm áp ở công viên Prater, Vienna. Những gian phòng khiêu vũ lên đèn. Những quán cà phê đầy ắp người. Ban nhạc xập xình. Pháo hoa bùng lên bên trên những ngọn cây. Những người nhảy điệu swing đang nhún nhảy. Những vòng ngựa gỗ đang xoay. Có những xô diễn quái đàn<sup>[24]</sup>, những kẻ Di gan xem bói, những cậu trai chơi đàn concertina. Những đám đông đang ăn, uống bia, dạo bước dọc theo những con đường bên sông. Mấy tay say xỉn hát ca om sòm. Những đôi tình nhân, tay trong tay, rảo bước thềm thì dưới bóng cây du và cây bạch dương.

Có một cô gái tên Toni, người bán hoa violet. Mọi người ai cũng biết cô, và cô luôn dành thiện cảm cho mọi người. Cô cười đùa khi mời người ta mua hoa. Một viên sĩ quan tìm cách hôn cô; nhưng cô lém lỉnh tuồn thoát khỏi hắn. Một quý bà mất chó; cô cảm thông. Một quý ông bạo ngược đang bức tức đi tìm con gái mình; Toni biết cô con gái ở đâu, và đi cùng ai, nhưng cô sẽ không nói.

Đoạn, khi cô dạo bước trong ngõ, tay cầm rổ, lòng thư thái và an nhiên, cô chạm mặt một chàng trai khôi ngô mặc bộ đồ sinh viên. Anh bảo cô, giọng thành thật, rằng anh tên là Rudolf. Nhưng anh không như vẻ ngoài. Anh thực ra chính là Hoàng Thái tử xứ Borodania.

Việc của tôi là miêu tả lại toàn bộ tất cả những điều này. “Đừng bận tâm tới cảnh quay,” Bergmann đã bảo tôi. “Cứ viết lời thoại. Tạo không khí. Cho máy quay một thứ để lắng nghe và nhìn vào.”

Tôi không thể. Tôi không thể. Sự bất lực gần như khiến tôi chỉ còn biết rơi lệ. Toàn bộ chuyện này quá đỗi giản đơn, rõ là thế? Chẳng hạn có người bố của Toni. Ông ta mập và vui nhộn, và ông có gian hàng bán *Wiener Wuerstchen*<sup>[25]</sup>. Ông nói chuyện với khách hàng. Ông nói chuyện với Toni. Toni nói chuyện với khách hàng. Họ đáp lời. Toàn bộ câu chuyện thật nhộn, thật vui thú, thật khoái lạc. Nhưng thực tế họ nói chuyện quái quỷ gì?

Tôi không biết. Tôi không thể viết nó. Đó là sự thật tàn nhẫn - tôi không thể vẽ một cái bàn. Tôi tìm cách trú náu trong niềm kiêu hãnh của mình. Sau rốt, cái này là công việc phim ảnh, là trò chép văn mẫu. Nó là một thứ rờm rít, rẻ tiền, bị lậu đến tận gốc rễ. Nó đứng dưới tôi. Đáng lẽ tôi không bao giờ nên can dự vào vụ này, dưới sức ảnh hưởng đến từ vẻ quyến rũ nguy hiểm của Bergmann, và vì món lợi hai mươi bảng quá ư khó tin cho mỗi tuần mà Imperial Bulldog đã sẵn sàng trả cho tôi, hoàn toàn như một chuyện phải đạo. Tôi đang bội phản trí thuật của mình. Thảo nào nó khó đến vậy.

Vớ vẩn. Tôi cũng chẳng thực sự tin điều đó. Làm cho người ta nói chuyện đâu phải việc bị lậu. Một ông già bán xúc xích đâu phải bị lậu, ngoại trừ trong cái ý nghĩa nguyên gốc của từ này, “thuộc về thường dân”<sup>[26]</sup>. Shakespeare hẳn biết được ông già đó nói kiểu gì. Tolstoy hẳn biết được. Nhưng tôi không biết, vì mặc dù là kẻ theo chủ nghĩa xã hội kiểu xa lông<sup>[27]</sup>, tôi là một kẻ hợm mình. Tôi không biết mọi người nói năng ra sao, ngoại trừ mấy cậu học sinh trường công và mấy tay du thủ du thực loạn trí.

Trong cơn tuyệt vọng, tôi viện đến kí ức về những bộ phim khác. Tôi cố tỏ ra nhanh trí, hoạt kê. Tôi chế nhiều câu chuyện cười phức tạp, dài dòng. Tôi viết một trang lời thoại không dẫn tới đâu và chỉ làm được chuyện thiết lập nên dữ kiện rằng một nhân vật phụ vô danh đang có quan hệ tình ái với vợ của người khác, về phần Rudolf, vị Thái tử giấu lai lịch, cách anh ta nói chuyện như mẫu số chung nhỏ nhất của tất thảy những vở nhạc kịch hài tẻ nhạt nhất mà tôi từng xem. Tôi gần như không dám phô ra chút nỗ lực khốn khổ nào của mình cho Bergmann thấy.

Ong ta đọc hết chúng với đôi mày nhíu lại và tiếng làu bàu thoáng qua; nhưng không có vẻ thất vọng hay ngạc nhiên. “Để tôi nói anh biết chuyện này nhé Thầy,” ông bắt đầu nói, khi ngẫu nhiên thả rớt bản thảo vào sọt giấy vụn. “Phim ảnh là một bản giao hưởng. Mỗi đoạn được viết ở một khóa nhất định. Có một nốt cần phải được ấn định và chơi ngay tức thì. Nó là đặc trưng cho toàn bộ. Nó khiến người ta chú ý.”

Ngồi sát rạt tôi, và dùng nói chỉ để rít mấy hơi dài thuốc lá, ông bắt đầu miêu tả cảnh mở màn. Nó làm người ta sửng sốt. Mọi thứ đều sống dậy. Những cái cây bắt đầu rung trong làn gió chiều hôm, tiếng nhạc được nghe thấy, những vòng ngựa gỗ được khởi động. Và người ta nói chuyện. Bergmann ứng biến hội thoại cho họ, một phần bằng tiếng Đức, một phần bằng thứ tiếng Anh buồn cười; và cuộc trò chuyện rất sinh động và thực. Đôi mắt ông rạng ngời, cử chỉ ông dần trở nên cường điệu hơn, ông bắt chước, ông diễn hề. Tôi bắt đầu bật cười. Bergmann mỉm cười vẻ vui thú trước sáng chế của riêng mình. Toàn bộ chuyện này quá đổi đơn giản, quá đổi hiệu quả, quá đổi hiển nhiên. Tại sao trước đó tôi không tự mình nghĩ ra?

Bergmann vỗ nhẹ lên vai tôi. “Hay chứ phải không?”

“Thật tuyệt diệu! Tôi sẽ ghi chú lại trước khi quên mất.”

Ngay tức thì, ông ta tỏ ra cực kì nghiêm trang. “Không, không. Chuyện này sai rồi. Sai cả rồi. Tôi chỉ muốn cho anh ý tưởng... Không, cái đó không được. Khoan. Ta phải xem xét...”

Hết nắng lại mưa, Bergmann cúi kính dể sợ khi ông chuyển sang phân tích triết lí. Ông cho tôi mười lí do tuyệt hảo về việc tại sao toàn bộ vụ này là bất khả. Chúng cũng quá ư hiển nhiên. Tại sao trước đó tôi không nghĩ đến chúng? Bergmann thở dài. “Chuyện không dễ đến thế...” Ông châm thêm điếu thuốc. “Không dễ đến thế,” ông làu bàu. “Khoan. Khoan. Ta hãy xem thử...”

Ông đứng dậy và bước trên tấm thảm, thở nặng nhọc, đôi bàn tay chấp lại nghiêm trang sau lưng, khuôn mặt ông như cánh cửa nhà tù đóng sầm lại trước thế giới bên ngoài, không sao lay chuyển nổi. Đoạn một ý nghĩ nảy ra. Ông ngừng lại, lấy đó làm thích thú. Ông mỉm cười.



“Anh có biết vợ tôi nói điều gì khi tôi có những khó khăn thế này không? ‘Friedrich,’ cô ấy nói, ‘đi viết mấy bài thơ đi. Khi em nấu bữa tối, em sẽ chế ra câu chuyện xuẩn ngốc này cho anh. Sau hết thì mại dâm là công việc của đàn bà’.”

\*

ĐÓ LÀ Bergmann vào những ngày tốt lành; những ngày khi tôi là Alyosha Karamazov, hoặc, như ông nói với Dorothy, giống con lừa của Balaam, “người *từng* nói một dòng thoại tuyệt diệu.” Sự bất lực của tôi chỉ tổ kích động ông ta có thêm nhiều bay bổng tưởng tượng xán lạn. Ông linh lợi với những câu dí dỏm, ông rạng rỡ, ông thực sự làm bản thân kinh ngạc. Vào những ngày như thế, chúng tôi hoàn toàn hợp nhau. Bergmann thực sự không cần một người cộng tác nào. Nhưng ông cần sự kích khởi và đồng cảm; ông cần người mà ông có thể nói tiếng Đức cùng. Ông cần một khán giả.

Vợ ông viết thư cho ông hàng ngày, Inge thì hai, ba lần một tuần. Ông đọc tôi nghe mấy câu trích từ thư của họ, toàn mấy chuyện phiếm về chính trị, sân khấu, chuyện trong nhà ngoài phố; và mấy chuyện này dẫn đến các dật sự, về buổi hòa nhạc đầu tiên của Inge, về mẹ vợ ông, về các diễn viên người Đức và người Áo, những vở kịch và những bộ phim ông đã đạo diễn. Ông sẽ bỏ cả giờ đồng hồ miêu tả làm thế nào ông sản xuất vở *Macbeth* ở Dresden, với những chiếc mặt nạ, theo phong cách bi kịch Hi Lạp. Một buổi sáng sẽ qua đi trong lúc ông đọc mấy bài thơ của mình, hoặc kể tôi nghe những ngày cuối của ông ở Berlin, vào mùa xuân năm ấy, lúc Xung kích quân<sup>[28]</sup> lùng sục khắp các con phố như bọn cướp, rồi vợ ông đã cứu ông thoát khỏi nhiều tình huống nguy hiểm bằng một câu trả lời nhanh hay một câu đùa. Mặc dù Bergmann là người Áo, nhưng ông được khuyên là nên bỏ việc và gấp rút rời khỏi Đức. Kết quả là họ đã mất gần hết tiền. “Và thế là, khi lời chào mời của Chatsworth xuất hiện, anh thấy đó, tôi đâu đủ sức chối từ. Không còn lựa chọn nào. Tôi đâm nghi ngờ bông hoa violet nhân tạo này ngay từ đầu. Thậm chí vượt qua nửa châu Âu, nó cũng chẳng có mùi thơm như vậy...”

Đừng bận tâm, tôi tự nói mình nghe thôi. Đây là một vấn đề. Mọi vấn đề đều có giải pháp. Ta sẽ làm điều có thể làm. Ta sẽ không tuyệt vọng. Ai biết chứ? Có lẽ, sau rốt, ta sẽ trình cho ông Chatsworth một bó hoa duyên dáng, một niềm ngạc nhiên be bé thật hay ho.”

Bergmann muốn có toàn bộ thời giờ, toàn bộ sự hiện diện, toàn bộ sự chú ý của tôi. Trong suốt mấy tuần đầu tiên ấy, thời lượng trong ngày làm việc của chúng tôi đều đặn tăng lên cho đến khi tôi phải tỏ thái độ và khăng khăng đòi về nhà ăn tối. Ông dường như kiên quyết độc chiếm tôi toàn bộ. Ông theo đuổi tôi bằng những câu hỏi, về bạn bè, sở thích, thói quen, cuộc sống tình ái của tôi. Đặc biệt những ngày cuối tuần là thời điểm cho ông tò mò vô tận, thoáng vẻ ganh tị. Tôi làm gì? Tôi gặp ai? Tôi sống như một thầy tu ư? “Có phải ông W. H. là kẻ anh tìm, hay Hắc Tiểu thư trong loạt bài Sonnet?”<sup>[29]</sup> Nhưng tôi cũng bướng không kém. Tôi không cho ông ta biết. Tôi trêu chọc ông bằng những nụ cười và những lời úp úp mở mở.

Bị ức chế, ông chuyển sự chú ý sang Dorothy. Trẻ hơn và non kinh nghiệm hơn, cô không xúng tằm với lòng hiếu kỳ của ông. Sáng nọ, tôi đến thấy cô đang khóc. Cô bất thần đứng dậy và vội đi vào phòng kế bên. “Cô ấy có nỗi khổ của riêng mình,” Bergmann bảo tôi, bằng vẻ thỏa dạ dễ sợ. “Không dễ thế đâu.” Xem ra Dorothy đã có bạn trai, một ông lớn tuổi hơn, đã kết hôn. Ông ta dường như chẳng thể quyết định mình thích ai hơn trong hai người phụ nữ; lúc này ông ta đã quay trở lại với vợ. Ông ta tên là Clem, làm nghề bán xe hơi. Ông ta đã đưa Dorothy đi Brighton vào những ngày cuối tuần. Dorothy cũng có một người tình trạc tuổi mình, một kĩ sư vô tuyến, tốt bụng và đứng đắn, người muốn cưới cô. Nhưng anh kĩ sư vô tuyến này lại thiếu sức mê hoặc; anh ta không thể cạnh tranh với vẻ quyến rũ chết người của Clem, kẻ đeo bộ ria nhỏ màu đen.

Mối quan tâm của Bergmann đối với toàn bộ chuyện này quả là quý quái. Ngoài ra, ông biết mọi thứ về bố của Dorothy, một nguồn ảnh hưởng âm hiểm khác, và về dì cô ấy, người làm việc ở một nhà tang lễ, và đang có quan hệ tình ái với anh rể cô ấy. Thoạt tiên, tôi khó lòng tin Dorothy thực sự tự mình hé lộ những chi tiết mật thiết như vậy, và ngờ rằng Bergmann đã chế ra toàn bộ câu chuyện. Dorothy có vẻ là một cô gái nhút nhát, kín kẽ. Nhưng chẳng mấy

chốc họ thực sự nói về Clem trước mặt tôi. Khi Dorothy khóc, Bergmann thường vỗ vai cô, giống như chính Chúa trời vậy, và rì rầm: “Ồn cả thôi, con ta. Không phải làm gì cả. Chuyện sẽ trôi qua.”

Ông thích giảng tôi nghe về Ái tình: “Khi một người đàn bà tỉnh thức, khi cô ấy có được người đàn ông mà mình muốn, cô ấy thật đáng kinh ngạc, đáng kinh ngạc. Anh không biết đâu... Nhục dục là một cõi tách biệt nguyên vẹn. Cái ta thấy ở bên ngoài, cái trở lên bề mặt... không là gì cả. Ái tình tựa như mìn. Anh cứ thế dần sâu hơn và sâu hơn. Có những lối đi, những cái hang, toàn bộ địa tầng. Anh khám phá toàn thể những đại địa chất. Anh tìm thấy nhiều thứ, những vật nhỏ bé, vốn cho phép anh tái dựng cuộc đời cô ấy, những tình nhân khác của cô ấy, những thứ mà cô ấy còn không biết về bản thân mình, những thứ mà anh không bao giờ được kể cho cô ấy là anh biết...”

“Anh thấy đó,” Bergmann nói tiếp, “đàn bà tuyệt đối cần thiết đối với đàn ông, đặc biệt đối với người đàn ông sống trong các ý tưởng, trong sự sáng tạo các tâm trạng và tư tưởng. Anh ta cần chúng, như bánh mì vậy. Tôi không có ý nói chuyện giao cấu; điều đó không quan trọng đến thế ở tuổi của tôi. Ta sống nhiều hơn trong tưởng tượng. Nhưng ta cần hào quang của họ, khí tượng của họ, mùi hương của họ. Phụ nữ luôn nhận ra người đàn ông muốn những thứ này từ họ. Và cảm nhận nó ngay tức thì, họ đến chỗ anh ta, như những con ngựa.” Bergmann ngừng lại, cười toe. “Anh thấy đó, tôi là một gã Socrates Do Thái già đang thuyết giảng cho Thanh niên. Một ngày kia, họ sẽ đưa tôi rượu độc.”

\*

TRONG CĂN PHÒNG nhỏ nóng nực, cuộc đời chúng tôi có vẻ như bị cô lập một cách lạ kì. Ba người chúng tôi hình thành một thế giới tự túc, độc lập với London, với châu Âu, với năm 1933. Dorothy, đại diện của Đàn bà, làm hết sức mình để giữ căn nhà theo một nề nếp nào đó, nhưng những nỗ lực của cô không thành công cho lắm. Những toan tính của cô hòng sắp xếp mớ giấy ngồn ngộn của

Bergmann chỉ làm nó rối bời thêm. Do Bergmann không bao giờ miêu tả được chính xác cái ông đang tìm là gì, nên cô không bao giờ cho ông biết được là ông đã để nó chỗ nào. Chuyện này khiến Bergmann phát cuồng trong cơn oán vọng. “Khùng khiếp, khủng khiếp. Chuyện này chắc chắn sẽ giết tôi mất. Ngu ngốc hết nói nổi.” Và ông rơi lại vào trạng thái im lặng cáu kỉnh.

Rồi có vấn đề về các món ăn. Về mặt lí thuyết, căn hộ có dịch vụ nhà hàng. Họ có thể làm ra thứ cà phê đắng, trà đen rất đậm, trứng quánh đặc, bánh mì nướng ướn sũng và một mẩu thịt dính như keo, tiếp sau là một loại bánh pudding vàng không rõ tên gì. Bữa ăn mất một khoảng thời giờ thật khó tin mới xuất hiện. Như Bergmann nói, khi bạn gọi món ăn sáng, tốt nhất nên yêu cầu thứ bạn muốn cho bữa trưa, bởi lẽ phải mất bốn giờ thì bạn mới có được nó. Do vậy chúng tôi sống chủ yếu dựa vào thuốc lá.

Ít nhất hai lần một tuần có một Ngày Đen Tối. Tôi vào căn hộ để rồi thấy Bergmann đang trong cơn tuyệt vọng hoàn toàn. Ông đã không ngủ cả đêm, câu chuyện thì vô vọng, Dorothy thì đang khóc. Cách tốt nhất để xử trí tình huống này là dụ Bergmann ra ngoài cùng tôi ăn trưa. Tiệm ăn gần chúng tôi nhất là một nơi to lớn âm đạm, nằm ở tầng trên cùng của một cửa hàng bách hóa. Chúng tôi ăn sớm, lúc chỉ có vài người khách nữa, ngồi cùng nhau ở một cái bàn trong góc tối tăm nhất, kế bên cái đồng hồ tử trông thật âm hiểm, gợi cho Bergmann nhớ đến truyện của Edgar Allan Poe.

“Nó điếm mọi lúc,” ông bảo tôi. “Cái chết đến gần hơn. Giang mai. Nghèo. Tiêu thụ. Ung thư phát hiện quá trễ. Bức họa của tôi không đẹp, một thất bại, một cú trượt khốn kiếp. Chiến tranh. Khí độc. Chúng ta sẽ chết và mấy cái đầu của chúng ta nằm cùng nhau trong lò.”

Rồi ông sẽ bắt đầu miêu tả cuộc chiến sắp tới. Cuộc tấn công vào Vienna, Prague, London và Paris, bởi hàng nghìn máy bay không báo trước, thả mấy quả bom chứa đầy trực khuẩn chí tử; công cuộc chinh phục châu Âu diễn ra trong một tuần; công cuộc khuất phục châu Á, châu Phi, châu Mỹ; cuộc thảm sát người Do Thái, cuộc xử tử giới trí thức, lừa phụ nữ không thuộc Bắc Âu vào những nhà thổ khổng lồ cấp quốc gia; đốt họa phẩm và sách vở, nghiền các bức

tượng thành bột; triệt sản hàng loạt những kẻ không thích nghi, giết hàng loạt người già, chấn chỉnh hàng loạt giới trẻ; biến nước Pháp và các nước vùng Balkan thành đất hoang, để lập nên nhiều công viên quốc gia cho tổ chức Thanh niên Hitler; việc thiết lập Nghệ thuật Nâu<sup>[30]</sup>, Văn chương Nâu, Âm nhạc Nâu, Triết học Nâu, Khoa học Nâu và Tôn giáo Hitler, Vatican của chúng nằm ở Munich và Lourdes của chúng nằm ở Berchtesgaden: một phong trào cuồng tín dựa trên hệ thống phức hợp bậc nhất của các giáo điều liên quan đến bản tính thực của Fuehrer<sup>[31]</sup>, những phát ngôn trong cuốn *Mein Kampf*, mười nghìn kẻ Bolshevist dị giáo, bí tích Máu và Đất, và dựa trên những nghi lễ phức tạp của việc hợp nhất với Quê hương đầy thần bí, bao gồm sự hi sinh của mạng người và sự rửa tội của sắt thép.

“Toàn bộ những người này sẽ chết,” Bergmann nói tiếp. “Toàn bộ họ... Không, có một kẻ...” Ông chỉ đến một gã mập, vô hại đang ngồi một mình ở góc đằng xa. “Hắn sẽ sống sót. Hắn là thể loại sẽ làm bất kì điều gì, bất kì điều gì để được cho phép sống. Hắn sẽ mời những kẻ chinh phạt vào nhà mình, buộc vợ hắn nấu ăn cho chúng và phục vụ bữa tối khi đang quỳ gối. Hắn sẽ chỉ trích mẹ mình. Hắn sẽ dâng chị hắn cho một gã lính quèn. Hắn sẽ hành xử như gián điệp trong các nhà tù. Hắn sẽ phỉ nhổ vào Bí tích. Hắn sẽ ghìm giữ con gái hắn trong lúc chúng hãm hiếp con bé. Và như một phần thưởng cho điều này, hắn sẽ được trao công việc đánh giày trong một nhà vệ sinh công cộng, hắn sẽ dùng lưỡi mình liếm bụi bẩn từ giày kẻ khác...” Bergmann lắc đầu buồn bã. “Tệ quá. Tôi không ganh tị với hắn.”

Loại chuyện trò như thế này có một hiệu ứng lạ lùng đối với tôi. Như tất cả những người bạn của mình, tôi bảo mình tin rằng một cuộc chiến tranh Âu châu sẽ sớm xảy ra. Tôi tin điều này như người ta tin rằng họ sẽ chết, thế nhưng tôi thực không tin. Bởi cuộc chiến sắp xảy ra là thứ phi thực đối với tôi tựa như chính cái chết vậy. Nó phi thực bởi lẽ tôi không thể tưởng tượng được thứ gì vượt ra ngoài nó; tôi chối từ chuyện tưởng tượng bất kì thứ gì; y như một khán giả chối từ việc tưởng tượng về những gì ở đằng sau cánh vật ở một nhà hát. Chiến tranh bùng nổ, tựa như thời khắc của cái chết, chắn ngang tầm nhìn của tôi về tương lai như một bức tường; nó đánh dấu cái kết đột ngột, tuyệt đối cho cái thế giới tưởng tượng của tôi.

Thảng hoặc tôi nghĩ về bức tường này, với tâm trạng ưu uất đến nhói lòng và một cơn rúng sợ nơi bụng dưới. Sau đó, một lần nữa, tôi quên đi hoặc làm lơ nó. Và lại, y như lúc ta nghĩ đến cái chết của bản thân, tôi âm thầm rủ rỉ với chính mình: “Ai mà biết? Có lẽ chúng ta sẽ tránh được nó bằng cách nào đấy. Có lẽ nó sẽ không bao giờ xảy đến.”

Những cảnh tượng mặt thế của Bergmann về sự kiện diệt vong toàn cõi đã khiến cho viễn cảnh về chiến tranh trở nên phi thực hơn bao giờ hết, và do vậy chúng không bao giờ thất bại trong việc làm tôi trở nên tươi vui hơn. Tôi cho rằng chúng cũng có tác dụng như vậy đối với ông ấy; có lẽ đó là lí do tại sao ông cứ nhắc chúng bằng giọng hưng phấn đến thế. Và mặc dù ông đang có tâm trạng khiếp hãi, kiểu gì ông cũng phát hiện một cô gái hay một người đàn bà khiến ông lưu tâm qua một cú liếc mắt, và chuyển dòng tưởng tượng của mình sang hướng những chủ thể dễ chịu hơn.

Người ông ưa thích là cô quản lí của tiệm ăn, một cô tóc vàng xinh đẹp với nụ cười rất đỗi ngọt ngào như một người mẹ, tầm ba mươi tuổi. Bergmann rất ưng cô ấy. “Chỉ cần nhìn cô ta,” ông bảo tôi, “là biết được cô ấy thỏa dạ. Thỏa dạ hết mực. Một gã nào đó đã làm cô ta hạnh phúc. Đối với cô ta, không còn cuộc kiếm tìm nào nữa. Cô ta đã tìm ra điều mà tất cả chúng ta đang tìm. Cô ta hiểu tất cả chúng ta. Cô ta không cần sách, hay lí thuyết, hay triết học, hay linh mục. Cô ta hiểu Michelangelo, Beethoven, Chúa, Lenin... thậm chí Hitler. Và cô ta không e sợ điều gì, bất kì điều gì... Một người đàn bà như thế là tín ngưỡng của tôi.”

Cô quản lí lúc nào cũng nở nụ cười đặc biệt dành cho Bergmann khi chúng tôi bước vào; và trong lúc ăn, cô ấy sẽ bước lại bàn chúng tôi và hỏi liệu mọi thứ có ổn không. “Mọi thứ đều ổn cả, cưng à,” Bergmann sẽ đáp thế; “nhờ Chúa, nhưng chủ yếu là nhờ em. Em đã khôi phục lòng tự tin nơi chính bọn anh.”

Tôi không biết chính xác cô quản lí hiểu câu này thế nào, nhưng cô mỉm cười, theo một kiểu thích thú, tử tế. Cô thực sự rất tốt bụng. “Anh thấy chứ?” Bergmann sẽ xoay sang tôi, sau khi cô đi khỏi. “Chúng tôi hiểu nhau hết sức.”

Và như thế, lòng tự tin của chúng tôi được khôi phục bởi *das ewige Weibliche*<sup>[32]</sup>, chúng tôi trở về, người tinh táo để chăm lo cho *Hoa tím ngày xưa* bé bỏng tội nghiệp, đang héo mòn trong bầu không khí ngột ngạt ở căn hộ chúng tôi.

\*

TRONG KHI ĐÓ, tại Berlin, vụ tố tụng ở Phiên xử Hòa hoạn Reichstag<sup>[33]</sup> kéo dài xuyên suốt tháng Mười, tháng Mười một và sang tới vài tuần đầu tháng Mười hai.

Bergmann hăm hở theo dõi vụ này. “Anh biết ông ta nói gì hôm qua không?” Ông thường xuyên hỏi tôi lúc tôi tới làm việc vào buổi sáng. “Ông ta”, dĩ nhiên, là Dimitrov<sup>[34]</sup>. Tôi có biết, vì cũng đọc báo với thái độ háo hức như chính Bergmann, nhưng tôi sẽ không đời nào tiết lộ trước nội dung màn trình diễn tiếp theo sau.

Bergmann diễn nguyên vở kịch và vào vai tất cả các nhân vật. Ông là Tiến sĩ Buenger, tay Chánh án gắt gỏng, ngưng ngưng. Ông là van der Lubbe, phê thuốc và hờ hững, với cái đầu thống xuống. Ông là tay Torgler đứng đắn, bị quấy rối. Ông là Goering, tay hiệp bách trong quân đội đứng dạng chân, và Goebbels, như con thần lẩn, cong oằn và khéo léo. Ông là Popov dữ dội và là Tanev lù đù. Và bằng kiểu cách ghê gớm nhất, ông là chính Dimitrov.

Bergmann thực sự trở thành Dimitrov, với mớ tóc bù xù kinh khiếp, môi mím sắt đá thành một đường kẻ, những cử chỉ dữ dội, đôi mắt chớp nháy.

“Liệu ngài Nghị viên có biết,” ông gầm lên, “rằng những kẻ được cho là sở hữu não trạng tội phạm này ngày nay sẽ kiểm soát số mệnh của một phần sáu thế giới, tức Liên bang Xô-viết... vùng đất lớn nhất và tốt lành nhất trên trái đất?”

Đoạn, vào vai Goering, cổ to bè, phát nộ, ông rống lên: “Tôi sẽ cho ông rõ tôi biết chuyện gì! Tôi biết chuyện ông là một gián điệp cộng sản đến Đức để phóng hỏa tòa nhà Reichstag. Trong mắt tôi,

ông không là gì ngoài một gã vô lại bẩn thỉu, kẻ xứng đáng bị treo cổ!”

Bergmann mỉm cười, một nụ cười nhạt khùng khiếp. Tựa như một tay đấu bò, kẻ không bao giờ rời mắt khỏi con bò giận dữ và bị thương, ông hỏi giọng mềm mỏng, “Ông rất e sợ những câu hỏi của tôi, phải không, ông Nghị viên?”

Khuôn mặt Bergmann vặn vẹo, phình ra, có vẻ phồng lên thành một cục máu đỏ kè. Bàn tay ông vung ra. Ông hét như một kẻ cuồng dại, “Ra khỏi đây, thứ vô lại nhà người!”

Bergmann khế gật đầu, bằng vẻ nghiêm trang mỉa mai. Ông xoay người nửa chừng, như thể để rút lui. Rồi ông dừng lại. Mắt ông hướng đến nhân vật van der Lubbe tưởng tượng. Tay ông giơ lên, chậm rãi, thực hiện một cử chỉ lớn lao, trọng đại. Ông phát biểu với toàn bộ châu Âu:

“Đứng nơi kia là gã Faust khốn khổ... Nhưng Mephistopheles đâu rồi?”

Rồi ông đi ra ngoài.

“Chờ đã!” Bergmann-Goering gầm lên sau lưng nhân vật thoái lui kia. “Chờ đến khi tôi đưa ông ra khỏi quyền hạn của Tòa này!”

Cảnh khác mà Dorothy và tôi thường thuyết phục Bergmann diễn lại, là thời điểm lúc van der Lubbe bị đối chất. Ông đứng trước những kẻ cáo buộc mình, với đôi vai to lớn gù xuống và đôi bàn tay bị treo lên, cằm tựa lên ngực. Ông ta gần như không còn là người - một con vật khổ sở, vụng về, khốn quẫn. Chánh án tìm cách bắt ông ngẩng lên. Ông không cử động. Người thông ngôn tìm cách. Bác sĩ Seuffert tìm cách. Không phản ứng. Đoạn, đột nhiên, bằng uy thế thô bạo của kẻ huấn luyện động vật, Helldorf quát lên, “Ngẩng đầu, ông kia! Nhanh!”

Cái đầu tự động giật lên tức thì, như thể tuân theo một kí ức ẩn tàng sâu kín nào đó. Đôi mắt mịt mờ rảo quanh phòng xử án. Chúng đang tìm kiếm ai đó ư? Một tia nhận thức yếu ớt dường như ánh lên chốc lát trong đôi mắt. Và rồi van der Lubbe bắt đầu cười phá lên. Cảnh này thực ghê rợn, khiếm nhã, đáng sợ. Cơ thể nặng nề ấy run run và căng lên cùng cơn cười không thành tiếng, như thể run rẩy vì



hấp hối sắp chết. Van der Lubbe cười và cười, trong im lặng, trong mù quáng, hấn há miệng và nhỏ dãi, như một gã khờ. Đoạn, cũng đột ngột như vậy, cơn bùng phát ấy dừng lại. Một lần nữa, cái đầu rũ về trước. Khuôn mặt góm ghiếc bất động, như đang canh gác niềm bí mật của nó, không sao bắt chuyện được như một xác chết.

“Trời!” Dorothy thường cảm thán, người run rẩy. “Tôi mừng là mình không ở đó! Vụ này sẽ làm người ta khiếp đảm, chỉ nghĩ đến thôi cũng thấy ghê. Bọn Quốc xã ấy không phải người.”

“Em sai rồi, cưng à,” Bergmann bảo cô ấy, giọng nghiêm trang. “Đó là cách chúng muốn em hình dung về chúng, như lũ quái vật không sao khuất phục được. Nhưng chúng là người, rất người, trong khuyết điểm của chúng. Ta không được sợ chúng. Ta phải hiểu chúng. Điều tuyệt đối cần thiết là ta phải hiểu chúng, không thì tất cả chúng ta đều lạc lối.”

Giờ Bergmann đã trở thành Dimitrov, ông buộc phải từ bỏ phần lớn thái độ yếm thế của mình. Bản tính này không còn phù hợp với nhân vật. Dimitrov phải có một chính nghiệp để tranh đấu, để thuyết giảng. Và chính nghiệp này hóa ra là *Hoa tím ngày xưa*.

Chúng tôi đang viết cảnh phim trong đó Rudolf đánh mất vương quốc tương lai mang tên Borodania sau cuộc cách mạng xảy ra trong cung điện. Một người Chú quý quyết truất phế Cha anh và soán ngôi vị. Rudolf trở về Vienna, một kẻ lưu vong nhẵn túi. Anh hiện giờ là một sinh viên nghèo như anh giả vờ từ đầu câu chuyện. Nhưng theo lẽ tự nhiên, Toni từ chối việc tin điều này. Cô đã một lần bị lừa rồi. Cô đã tin anh, cô đã yêu anh, và anh đã rời bỏ cô. (Một cách miễn cưỡng, tất nhiên; và chỉ vì viên thị thần trung thành của anh, Bá tước Rosanoff, dùng nước mắt nhắc anh nhớ về bổn phận của mình đối với người dân Borodania.) Thế là Rudolf van xin vô ích; và Toni giận dữ chối bỏ anh và xem anh như một kẻ mạo danh.

Chúng tôi đã trải qua những thủ tục thường tình. Tôi đã có nỗ lực lười nhác, nửa vờ ở bản nháp đầu.

Bergmann đã gạt nó sang bên với giọng làu bàu. Và giờ, bằng cái đầu sáng láng như thường lệ và cả kho cử chỉ phong phú, ông đọc qua câu chuyện lần thứ nhì.

Nhưng nó không thành. Hôm ấy tôi cảm thấy thiếu bình tĩnh và cáu kỉnh, chủ yếu là do tôi đang bị một trận cảm nặng. Lương tâm đã thúc giục tôi đến căn hộ của Bergmann, và tôi cảm thấy sự hi sinh của mình không được trân trọng đúng mức. Tôi đã mong là mọi người sẽ xúm xít vào và đưa tôi về nhà lại.

“Không ổn,” tôi bảo ông ta.

Bergmann hần học tức thì. “Sao không ổn?”

“Tôi e rằng chỉ là nó không làm tôi thích thú.”

Bergmann khịt mũi một tiếng rõ ghê gớm. Tôi hiếm khi phản kháng ông thế này. Nhưng tôi đang có tâm trạng hoàn toàn chống đối. Tôi không quan tâm liệu mình có bị sa thải không. Tôi không quan tâm chuyện gì xảy ra.

“Nó quả là chán,” tôi nói giọng tàn nhẫn. “Nó hoàn toàn không thực. Nó không liên hệ đến bất kì điều gì từng xảy ra ở bất kì đâu. Tôi không tin nổi một lời nào trong đó.”

Suốt cả một phút, ông không đáp lại. Ông rảo bước trên tấm thảm, lau bàn. Dorothy từ chỗ ngồi ở máy đánh chữ, quan sát ông ấy một cách bồn chồn. Tôi mong chờ cơn giận dữ phun trào ghê gớm.

Rồi Bergmann đến thẳng chỗ tôi.

“Anh sai rồi,” ông nói.

Tôi nhìn vào mắt ông, và nặn một nụ cười. Nhưng tôi không nói gì. Tôi sẽ không khơi mào trước ông.

“Hoàn toàn và hầu hết là sai. Nó chẳng phải thứ không thú vị. Nó chẳng phải thứ không thực. Nó chính là thứ gây thích thú nhiều nhất. Nó cực kì đương đại. Và nó mang ý nghĩa to lớn về tâm lí và về chính trị.”

Tôi từ chỗ đang cáu bồng giật mình.

“Về chính trị?” Tôi phá lên cười. “Sao chứ, thật luôn à, Friedrich! Thế quái nào mà ông thấy được điều đó?”

“Nó có tính chính trị.” Bergmann lao vào cuộc công kích. “Và lí do anh chối từ việc thấy điều này, lí do anh vờ là nó không thú vị, là bởi nó trực tiếp can hệ đến bản thân anh.”

“Tôi phải nói thế này, tôi...”

“Nghe này!” Bergmann ngắt lời, giọng độc đoán. “Thế lưỡng nan của Rudolf có thể chính là thế lưỡng nan của kẻ văn sĩ hay nghệ sĩ có tinh thần cách mạng sau này, ở khắp châu Âu. Kẻ văn sĩ này không được làm với kẻ văn sĩ vô sản đích thực, chẳng hạn như ta thấy ở Nga. Nền tảng kinh tế của hắn thuộc giới tư sản. Hắn quen với một mái ấm dễ chịu, tốt lành, với sự chăm sóc của một kẻ nô lệ tận tụy vốn là mẹ và cũng là cai ngục của hắn. Từ chốn an toàn và dễ chịu nơi mái ấm của mình, hắn tự cho phép nuông chiều bản thân cái thú vui lãng mạn là quan tâm tới giới vô sản. Hắn đứng vào hàng ngũ công nhân dưới vẻ trá ngụy bộ tịch, và dưới cái lối khác. Hắn tán tỉnh Toni, cô gái thuộc giai cấp lao động. Nhưng đó chỉ là một hành vi ghé thăm khốn kiếp, một màn ngụy trang vô tâm...”

“Ờ, nếu ông muốn nói theo cách đó... Nhưng còn về...?”

“Nghe này! Đột nhiên mái ấm của Rudolf đổ sụp, sự bảo bọc đổ sụp. Những món đầu tư tạo dựng cuộc đời dễ chịu cho hắn giờ trở nên vô giá trị do lạm phát. Mẹ hắn phải đi chà gạch cửa. Ông hoàng nghệ sĩ trẻ, với tất thảy những ý tưởng tinh nhã của mình, phải đối diện thực tại phũ phàng. Vỡ kịch trở nên cay đắng. Mối liên hệ của hắn với giới vô sản không còn là thú lãng mạn nữa. Hắn giờ phải đưa ra một lựa chọn. Hắn bị tước giai cấp, và hắn phải tìm một giai cấp mới. Liệu hắn có thực sự yêu Toni? Liệu những lời mỹ miều của hắn có ý nghĩa gì? Nếu có, hắn phải chứng tỏ là chúng có ý nghĩa gì đó. Bằng không...”

“Vâng, toàn bộ chuyện đó rất ổn, nhưng...”

“Câu chuyện ngụ ngôn mang tính biểu trưng này,” Bergmann nói tiếp, bằng vẻ hứng thú đầy bạo ngược, “đặc biệt khó chịu đối với anh, vì nó tượng trưng cho nỗi sợ hãi sâu thẳm nhất của anh, cơn ác mộng của giai cấp của chính anh. Ở Anh, thảm họa kinh tế chưa xảy đến. Đồng bằng suy yếu, nhưng nó không sụp hoàn toàn. Lạm phát hãy còn là điều ở phía trước đối với giới tư sản Anh, nhưng anh biết trong lòng mình rằng nó đang tới, do nó đã tới Đức. Và khi nó tới, anh sẽ phải chọn...”

“Ý ông ‘chọn’ nghĩa là sao?”

“Kẻ trí thức bị tước giai cấp ấy có hai lựa chọn. Nếu tình yêu của hắn dành cho Toni là chân thành, nếu hắn trung thành với những

truyền thống nghệ thuật của mình, những truyền thống tự do - cách mạng vĩ đại của thế kỉ 19, thì hẳn sẽ biết mình thuộc về nơi đâu. Hẳn sẽ biết cách đặt mình vào hàng ngũ nào đó. Hẳn sẽ biết ai là bạn thực sự và ai là kẻ thù thực sự.” (Mắt tôi bắt gặp ánh mắt của Dorothy. Cô ấy đang nhìn chúng tôi bằng đôi mắt trống rỗng, bởi Bergmann, như vẫn thường làm khi hào hứng, đã bắt đầu nói tiếng Đức.) “Tuy nhiên không may là không phải lúc nào hẳn cũng đưa ra lựa chọn này. Quả thực, hẳn hiếm khi làm được. Hẳn nhất định không chịu phóng thích bản thân khỏi ước mơ tư sản của người Mẹ, cái ước mơ chí tử và dễ chịu. Hẳn muốn trườn trở lại vào chốn an toàn kinh tế nơi dạ con. Hẳn ghét truyền thống phụ quyền, truyền thống cách mạng, vốn gợi hẳn nhớ đến bốn phận làm con trai của truyền thống ấy. Hẳn vờ rằng tình yêu cho đám đông sau rốt chỉ là một trò tán tỉnh. Giờ hẳn chuộng việc gia nhập hàng ngũ của những kẻ hư vô chủ nghĩa theo lối tài tử, những kẻ ngoài vòng pháp luật sống phóng túng, vốn không tin vào điều gì, ngoại trừ cái tôi của bản thân, vốn chỉ tồn tại để giết chóc, để hành hạ, để tiêu hủy, để làm mọi người cũng khốn khổ như chính chúng...”

“Nói cách khác, tôi là một tay Nazi còn ông là bố tôi?”

Hai chúng tôi cùng bật cười.

“Tôi chỉ cố phân tích những khuynh hướng nhất định,” Bergmann nói.

“Dẫu vậy,” ông nói thêm, “có những lần tôi cảm thấy vô cùng lo âu về anh.”

Bergmann lo âu không chỉ về tôi, mà còn về cả nước Anh. Bất kể đi đến đâu, ông ấy đều có sự canh phòng sắc bén đối với cái mà ông gọi là “các hiện tượng nổi bật”. Tôi sớm phát hiện, một hiện tượng có thể là bất kì thứ gì trên thực tế. Sương mù chẳng hạn. Tựa như hầu hết người Trung Âu, ông tin rằng sương mù là thời tiết quanh năm của chúng tôi. Tôi hẳn sẽ lấy làm tiếc khi làm ông thất vọng; và tình cờ thay, mùa đông năm đó lại có nhiều đợt sương mù dày đặc. Bergmann có vẻ cho rằng sương mù bao phủ không chỉ London mà nguyên cả hòn đảo; do đó chịu trách nhiệm cho tất cả những đặc trưng kém hòa nhã mang tính chủng tộc của chúng tôi, ấy là tính bảo thủ, tính hư ngụy, những hành vi gây rối chính trị, tính cả thẹn của

chúng tôi và cho việc chúng tôi chối từ không đối diện với các sự kiện. “Chính bản thân người Anh đã tạo nên sương mù này. Họ được bón cho ăn, tựa như một loại xúp đắng làm họ chất chứa những ảo tưởng. Nó là quốc phục của họ, phủ lên vẻ trần trụi của những khu ổ chuột và sự bê bối của quyền sở hữu bất công. Nó cũng là khu rừng mà trong đó Jack Kẻ-phanh-thây nhờn nhờn dạo quanh ám sát người ta trong chiếc áo bành tô lịch thiệp của dân Giao dịch Chứng khoán.”

Chúng tôi bắt đầu cùng nhau làm một chuyến thăm quan thắng cảnh. Bergmann bày London ra cho tôi thấy: London trong trí tưởng tượng của riêng ông - ông đã tạo ra một thị trấn u tối, phức tạp, âm hiểm của Dickens, của những bộ phim câm cũ kĩ của Đức, Wedekind và Brecht. Ông luôn là người dẫn hướng, và tôi là kẻ du khách. Bất kể khi nào tôi hỏi chúng tôi sẽ đi đâu, ông đều bảo, “Khoan,” hoặc “Anh sẽ thấy thôi.” Thường thì tôi nghĩ ông chẳng biết nên đi đâu, cho đến khi chúng tôi thực sự tới nơi.

Chúng tôi ghé tòa Tháp<sup>[35]</sup>, nơi Bergmann giảng tôi nghe về lịch sử Anh, so sánh triều đại Tudor với chế độ Hitler. Ông mặc nhiên cho rằng Bacon viết những vở kịch Shakespeare, để tuyên truyền chính trị, và cho rằng Nữ hoàng Elizabeth là đàn ông. Ông thậm chí còn đưa thêm giả định Essex bị chém đầu vì đã đe dọa Quân vương rằng ông sẽ tiết lộ quan hệ đồng tính của hai người họ. Tôi phải nhọc công đôi chút mới đưa ông thoát ra được khỏi tòa Huyết Tháp này, nơi ông nổi hứng thực hiện màn tái dựng khiếp hãi cảnh mưu sát hai vị Hoàng tử Bé<sup>[36]</sup>, gây kinh ngạc cho các du khách khác, những người chỉ thấy một gã trung niên, tóc bù xù, to bè đang van xin tha mạng trước một gã sát nhân vô hình, bằng tiếng Đức, với chất giọng nam cao như trong sân khấu kịch.

Ở Vườn bách thú, ông đánh đồng con khỉ đầu chó, con hươu cao cổ và con lạc đà một bướu với ba trong số các chính khách hàng đầu của chúng tôi, đồng thời chỉ trích công khai về những tội ác của họ. Ở Phòng trưng bày Quốc gia, qua tham chiếu đến những bức chân dung của Rembrandt, ông giải thích lí thuyết của mình về góc độ máy quay và việc chiếu sáng những cận cảnh, bằng giọng to và thuyết

phục đến mức ông thu hút được một đám đông tách ra khỏi một trong những diễn giả chính thức, vốn dĩ đang khá là bực bội.

Đôi khi ông thuyết phục tôi cùng ra ngoài ban đêm. Vào cuối một ngày dài, chuyện này sẽ làm người ta kiệt quệ. Nhưng đường phố làm ông hào hứng, và ông không bao giờ có vẻ mệt hay muốn về nhà. Chuyện này cũng gây ngỡ ngàng nữa. Bergmann nói chuyện với bất kì ai có khuôn mặt tình cờ làm ông thích thú, bằng vẻ thẳng thừng của một đứa trẻ; hoặc ông nói chuyện với tôi về bọn họ, như một diễn giả, sao cho họ chắc chắn nghe thấy được ông. Một tối nọ, trên xe buýt, có đôi tình nhân. Cô gái ngồi ngay trước chúng tôi; chàng thanh niên đứng cạnh cô nàng, tay nắm dây quai. Bergmann lấy làm thích thú đối với họ. “Thấy anh ta đứng hay không? Họ thậm chí không nhìn nhau. Họ có thể là hai người lạ. Tuy thế họ vẫn chạm nhau, như thể là do tình cờ vậy. Giờ xem này: môi họ đang cử động. Đó là cách hai người nói chuyện khi họ đang rất hạnh phúc và đang một mình, trong bóng tối. Chưa gì họ đã nắm trong vòng tay nhau trên giường rồi. Chúc đêm lành, các bạn thân mến. Chúng tôi sẽ không xâm phạm bí mật của các bạn.”

Bergmann nói chuyện với những tài xế taxi, với những sinh viên y khoa ở quán bar, với những viên đại tá lớn tuổi đang từ các câu lạc bộ trở về, với những tu sĩ, với những cô gái điếm trên đường Piccadilly, với những cậu trai đang lớn vờn quanh cái huy chương lớn của W. S. Gilbert ở con Đê<sup>[37]</sup>. Không ai có vẻ bận tâm, hay thậm chí hiểu lầm ý định của ông. Tôi ganh tị với sự tự do của ông... sự tự do của một người ngoại quốc. Tôi lẽ ra có thể làm điều giống vậy, tự mình tôi, ở Vienna hoặc Berlin. Bằng vận may, hay trực giác của người ngoại quốc, ông gần như lúc nào cũng nhận ra được một cá nhân lạ thường nào đó từ một tí người thông thường: một cảnh sát vẽ màu nước, một người ăn mày biết chữ Hi Lạp cổ. Và điều này đã dẫn dụ ông tới những điều khái quát mà người ngoại quốc hay có. Ở London, tất cả cảnh sát đều vẽ, tất cả học giả đều đói.

NHỮNG NGÀY CUỐI CÙNG của năm đang khép lại. Báo chí ngập tràn tin lạc quan. Mọi thứ đều khởi sắc; Giáng sinh năm nay sẽ là kì Giáng sinh tuyệt vời nhất từ trước tới giờ. Hitler chỉ nói về hòa bình. Hội nghị Giải trừ Quân bị đã tan vỡ. Chính phủ Anh quốc không muốn vị thế cô lập; tương tự, họ không muốn hứa hẹn chuyện viện trợ quân sự cho Pháp. Khi mọi người lên kế hoạch cho kì nghỉ hè sang năm ở châu Âu, họ đều nhớ nói thêm vào: “Nếu châu Âu vẫn còn đó.” Chuyện này tựa như trò mê tín kiểu chạm tay vào gỗ.

Ngay trước Giáng sinh, Bergmann và tôi đi xuống Brighton cả ngày. Đó là lần duy nhất chúng tôi cùng nhau rời khỏi London. Tôi nhớ lần này như một trong những trải nghiệm u uất nhất đời mình. Đằng sau những lớp màn sương trắng cao vợi, mặt trời mùa đông tạo nên một mảng vàng óng nhạt, tí xa trên bề mặt xám như vỏ hào của Eo biển. Chúng tôi đi dọc bến tàu và dừng lại để quan sát một chàng trai mặc loại quần chần đánh gôn với bộ ria khá là bản thủ, đang đánh vào quả bóng-tập-đấm. “Hắn không thể nào rung cái chuông,” tôi bảo. “Chẳng ai trong số họ rung được,” Bergmann trả lời giọng buồn rầu. “Cái chuông đó sẽ không bao giờ rung nữa. Họ tiêu cả rồi. Xong.” Quay lại vào chiếc xe Pullman, khí trời vùng biển làm hai chúng tôi lơ mơ ngủ. Tôi có một cơn ác mộng sống động đặc biệt về nước Đức của Hitler.

Trước tiên, tôi mơ thấy mình đang trong một phòng xử án. Tôi biết đây là một vụ án chính trị. Những người cánh tả đang bị kết án tử hình. Công tố viên Quốc gia là một người đàn bà tóc vàng, trung niên, khuôn mặt thô cứng, tóc búi ở phía sau đầu. Bà ta đứng dậy, tóm chặt cổ áo một trong những người bị buộc tội, và kéo hắn đi dọc căn phòng hướng đến bàn giấy của thẩm phán. Khi họ tiến tới, bà ta rút khẩu súng lục rồi bắn vào lưng người cánh tả đó. Hai đầu gối hắn sụp xuống và cầm hắn ngã về trước; nhưng bà ta kéo lê hắn đi tiếp, đến khi họ đối diện tay thẩm phán, và bà ta gào, bằng giọng thật to, “Nhìn đi! Đây là kẻ bán nước!”

Một cô gái đang ngồi cạnh tôi, lẫn trong số khán giả. Bằng cách nào đó, tôi nhận biết được rằng cô ta làm nghề y tá trong bệnh viện. Khi bà công tố viên dựng dậy người đàn ông đang hấp hối kia, cô gái đứng lên và chạy khỏi phòng xử án trong nước mắt. Tôi đi theo cô ta,

dọc theo hành lang và xuống các bậc thang, vào một tầng hầm, nơi đó có những đường ống sưởi trung tâm. Tầng hầm được lắp mấy chiếc giường tầng, như một doanh trại. Cô gái nằm trên một chiếc giường, khóc thút thít. Và rồi mấy thanh niên bước vào. Tôi biết chúng nằm trong tổ chức Thanh niên Hitler; nhưng thay vì mặc đồng phục, chúng mặc mấy mẩu da gấu, đeo dây nịt, mũ sắt và mang gươm, trông tẻ lậu và kịch cỡm, kiểu như y phục của mấy tay sĩ quan trong lúc trình diễn vở *The Ring*. Những cơ thể bán khỏa thân của chúng nổi mụn và mẩn đỏ, và chúng có vẻ mệt mệ và chán nản. Chúng leo lên giường mình, không mấy may chú ý đến cô gái hay đến tôi.

Rồi tôi đi lên một con đường dốc rất hẹp. Một người Do Thái chạy dọc trên đường hướng đến tôi, với hai cổ tay thọc vào hai túi áo khoác. Tôi biết sở dĩ vậy là do đôi bàn tay y đã bị bắn. Y phải che giấu vết thương của mình. Nếu ai đó thấy đôi bàn tay đó, y sẽ bị nhận diện và bị hành hình.

Ở đầu đường, tôi thấy một bà già, mặc một loại đồng phục nào đấy, loại màu lam xám của Pháp. Bà kêu rên và chửi thề với bản thân. Chính bà là kẻ đã bắn vào tay gã Do Thái kia. Bà muốn bắn hẳn tiếp; nhưng đạn của bà (vốn là loại chỉ dành cho súng trường 22 li, tôi chú ý mà lấy làm ngạc nhiên) nằm rải rác dưới đất. Bà ta không nhặt nó, bởi bà ta mù.

Rồi tôi đi vào Đại sứ quán Anh quốc, nơi tôi đón nhận sự chào mừng của một chàng trai có giọng ề à, vẻ tươi vui, ngớ ngẩn, tựa như Bertie Wooster của Wodehouse vậy. Anh ta chỉ cho tôi thấy những bức tường phòng ngoài phủ đầy họa phẩm theo phong cách hậu ấn tượng và lập thể. “Ngài Đại sứ thích chúng,” anh giải thích. “Ý tôi muốn nói, có chút tương phản, nhỉ?”

Không hiểu sao tôi chẳng thể tự mình đi kể giấc mơ này cho Bergmann biết. Tôi không có tâm trạng nghe một trong những diễn giải phức tạp và có lẽ mang tính cá nhân đến khó ưa. Ngoài ra, tôi còn có mối hoài nghi lạ kì rằng ông ta đã đặt toàn bộ cái này, bằng thần giao cách cảm, vào trong đầu tôi.



\*

TOÀN BỘ những tháng ngày này, không có lấy một lời từ Chatsworth.

Sự im lặng của ông ấy thật phi thường. Điều đó dường như biểu lộ lòng tin tưởng phóng khoáng nhất. Ông ấy đang trao quyền tự quyết định cho chúng tôi. Hoặc có lẽ ông ấy quá bận rộn đến mức quên hẳn chúng tôi luôn.

Tôi nghĩ ông ấy hẳn đã viết *Hoa tím ngày xưa* lên tờ lịch đầu của năm 1934. Bởi tháng Một vừa mới sang thì chúng tôi bắt đầu nhận được các cú điện thoại từ hãng phim. Phần kịch bản tiến triển sao rồi?

Bergmann đi xuống hãng Imperial Bulldog để gặp ông ấy, và trở về trong trạng thái khá là tự mãn. Ông ta làm tôi hiểu rằng ông đã tỏ ra ngoại giao hết sức. Địa vị của Chatsworth đã lên cao. Ông ta không còn là kẻ bị lậu mà là một người có văn hóa và kiến giải. “Ông ta cảm kích,” Bergmann nói, “việc làm thế nào một đạo diễn cần thời giờ để tuân theo ý tưởng của ông ta một cách thăm lặng và đầy mến thương.” Bergmann đã kể câu chuyện này, rõ ràng bằng vẻ phô bày quá trớn nơi điệu bộ và giọng điệu, và Chatsworth có vẻ rất hài lòng.

Tuy thế, điều này không thể thay đổi sự thật rằng kịch bản của chúng tôi vẫn chỉ mới có phần thân, hay giỏi lắm mới chỉ là phần thân chính và vài ý chính. Cảnh cuối cùng, toàn bộ tiết đoạn về sự báo thù của Toni dành cho Rudolf cùng với cái kết có hậu của nó, vẫn còn là thứ mơ hồ và đáng khao khát. Không ai trong hai chúng tôi thực sự thích ý tưởng về màn giả trang của cô nàng, đội bộ tóc giả vàng óng, đóng vai một ca sĩ nhạc kịch nổi tiếng. Mặc cho bao trò kịch của Bergmann, không lượng phân tích kiểu Freud nào hay biện chứng kiểu Marx nào có thể khiến nó trở thành bất cứ thứ gì ngoại trừ thứ ngớ ngẩn.

Và có lẽ sau rốt Chatsworth cũng không thấy ấn tượng lắm. Bởi giờ chúng tôi bắt đầu có mấy cuộc viếng thăm từ Ashmeade. Lối tiếp cận của anh ta cực kì khôn khéo. Mở đầu bằng sự vụ tương chừng như một màn thăm viếng xã giao thuần túy. “Tôi tình cờ đi ngang,”

anh ta bảo chúng tôi, “nên tôi nghĩ mình sẽ ghé qua. Ông và Isherwood vẫn còn nói chuyện với nhau chứ?”

Nhưng Bergmann không bị lừa. “Mật vụ đang theo dấu chân chúng ta,” ông nói giọng âm trầm. “Nên... Giờ nó bắt đầu.”

Hai ngày sau, Ashmeade quay lại. Lần này, anh ta tỏ ý muốn hỏi chuyện thẳng thừng hơn. Anh ta muốn biết tất thảy về cảnh cuối. Bergmann nhập vai; ông ta chưa bao giờ diễn tốt hơn. Ashmeade trông hồ nghi một cách lịch sự.

Sáng hôm sau, tinh mơ, ông nghe điện thoại. “Tôi đang suy xét. Tôi vừa có một ý. Giả sử Toni lúc nào cũng biết Rudolf là Thái tử thì sao? Ý tôi là ngay từ ban đầu ấy.”

“Không, không, không!” Bergmann gào trong tuyệt vọng. “Chắc chắn là không!”

Khi cuộc đàm thoại của họ kết thúc, ông ta trông tức điên lên. “Họ cho tôi gã ngu si này, tên lùn lịch lãm này để canh chừng tôi! Chúng ta chưa đủ gánh nặng sao? Chúng ở đây, bỏ đầu chúng ta ra, chiến đấu giành Chân lí đấy!”

Như thường lệ, cơn giận của ông ngót đi thành nỗi hoài nghi đậm triết lí. Ông chưa bao giờ từ bỏ bất kì đề xuất nào, dẫu quái đản đến đâu, mà không bỏ hàng giờ tự vấn tâm can. Ông kêu rên giọng khổ sở: “Rất tốt, ta hãy xem vụ này dẫn ta đến đâu. Khoan. Khoan. Ta hãy xem... Chuyện sẽ ra sao nếu Toni...?”

Một ngày nữa trôi qua trong sự trầm tư.

Ashmeade không hề mệt mỏi. Hoặc anh ta gọi điện, hoặc anh ta ghé chỗ chúng tôi, hàng ngày. Anh ta không bao giờ bận tâm việc mình bị hắt hủi, và ý tưởng của anh ta thì tràn đầy. Bergmann bắt đầu chất chứa những nghi hoặc u tối nhất.

“Tôi thấy cả rồi. Đây là một âm mưu. Nó là một vụ khủng bố rõ ràng. Gã Ô Dù cung cách ngoại giao này mang trong mình các chỉ thị. Chatsworth đang đùa giỡn với chúng ta. Ông ấy đã quyết định không làm phim này.”

Tôi thiên về hướng đồng ý với ông ta; và tôi cũng không thể trách Chatsworth hoàn toàn. Rõ ràng, những phương pháp của Bergmann đều theo lối nhàn tản. Có lẽ chúng được ước định bởi những thói

quen vốn hình thành hồi còn làm phim câm ngày xưa, lúc mà ông đạo diễn này bước vào hãng phim và chụp mọi thứ trong tầm mắt, cuối cùng sửa lại câu chuyện trong phòng cắt phim bằng quy trình chọn và loại. Tôi thật e sợ rằng Bergman sớm đạt đến trạng thái cân bằng triết lí, trong đó tất cả những giải pháp khả dĩ dường như đều hấp dẫn hoặc thiếu hấp dẫn như nhau, và e sợ rằng từ giờ chúng tôi chỉ có thể bám trụ cho đến khi hãng phim ngừng gửi mấy tấm séc cho chúng tôi.

Thế rồi, một sáng nọ, điện thoại reo lên. Đó là thư kí riêng của Chatsworth. (Tôi nhận ra giọng nói đã giới thiệu tôi đến với *Hoa tím ngày xưa*, vào ngày cuối cùng của thời kì mà giờ đây tôi nhìn lại và gọi đó là thời kì tiền-Bergmann trong đời mình.) Hai chúng tôi làm ơn đến hãng phim càng sớm càng tốt được chứ, để dự cuộc họp bàn về kịch bản?

Bergmann trông rất dễ sợ khi ông nghe tin đó.

“Thế đấy. Rốt cuộc là thế. Chatsworth đã đội mũ đen<sup>[38]</sup>. Đây là hồi kết. Những tên tội phạm bị kéo lê vào tòa để nghe bản án tử hình. Đừng bận tâm. Tạm biệt, Dorothy, cưng của anh. Đến đây, con trai. Chúng ta sẽ cùng bước tới đoạn đầu đài.”

\*

TRONG NHỮNG NGÀY ĐÓ, Imperial Bulldog vẫn còn ở Fulham. (Họ không chuyển ra ngoại ô cho đến mùa hè năm 1935.) Đó là một cuộc taxi thật dài. Tinh thần của Bergmann dâng cao khi chúng tôi đi trên đường.

“Trước đây anh chưa bao giờ làm trong hãng phim nào à?”

“Chỉ một lần. Nhiều năm trước.”

“Nó sẽ làm anh thích, như một hiện tượng. Anh thấy đó, hãng phim ngày nay thực sự là cung điện của thế kỉ 16. Ở đó ta thấy cái mà Shakespeare thấy: quyền uy tuyệt đối của kẻ bạo chúa, những triều thần, những kẻ xu nịnh, những kẻ làm trò, những kẻ có mưu đồ tham vọng đến mức gian trá. Có nhiều phụ nữ đẹp lạ đẹp lùng, có

nhiều súng thần bất tài. Có những người vĩ đại đột nhiên bị thất sủng. Có sự xa hoa điên cuồng nhất, và có sự hà tiện không liệu tưởng nổi chỉ vì mấy xu. Có cảnh lộng lẫy ngút ngàn, vốn là một thứ vờ vịt; và còn có thứ như nhóp ghê rợn ẩn sau cảnh vật. Có những kế hoạch hoàng tráng, bị bỏ xó bởi một ý tưởng đột phát nào đó. Có những bí mật ai cũng biết và không ai nói đến. Thậm chí có hai hoặc ba tay cố vấn thành thật. Có bọn ngốc chồn cung đình, những kẻ nói những lời trí tuệ thâm sâu theo kiểu chơi chữ, để ngăn người ta xem những lời ấy là nghiêm túc. Chúng nhăn nhó, và kín đáo bứt tóc mình, rồi khóc lóc.”

“Ông làm nó nghe có vẻ vui dữ.”

“Thật ghê tởm,” Bergmann nói, bằng giọng hứng thú. “Nhưng đối với chúng ta thì toàn bộ điều này không hệ trọng. Chúng ta đã làm nhiệm vụ của mình thật phải phép. Giờ, tựa như Socrates, chúng ta chịu hình phạt của những kẻ nói lên chân lí. Chúng ta bị ném cho bọn Chó Bun ngẫu nhiên, và gã Ô Dù sẽ nhỏ giọt nước mắt cá sấu trên nấm mộ của chúng ta.”

Bên ngoài hăng phim trông bình thường như bao tòa nhà văn phòng hiện đại: mặt tiền lớn bằng bê tông và kính. Bergmann sỏi bước lên các bậc thang đến chỗ cửa xoay, đi với một sinh lực đến mức tôi không thể nào bước tiếp sau ông cho đến khi nó dừng xoay vòng vòng. Ông quắc mắt nhìn, thờ hồng hộc, trong lúc người gác cửa lấy tên của chúng tôi, và người lễ tân gọi điện thông báo chúng tôi đã đến. Tôi bắt gặp ánh mắt của ông và cười toe, nhưng ông không cười lại. Rõ ràng ông đang chuẩn bị bài nói chuyện cuối cùng để biện hộ. Tôi không nghi ngờ gì về việc bài nói ấy sẽ là một kiệt tác.

Chatsworth đứng mặt chúng tôi, khi chúng tôi tiến vào, bên kia cái bàn lớn. Những thứ đầu tiên tôi thấy là đế giày và khói thuốc xì gà của ông ta. Đôi giày đứng thẳng trên gót, màu nâu thanh lịch và sáng bóng, tựa như một cặp đồ trang trí, kế bên hai con ngựa bằng đồng đang cọ xát cổ trên cái giá để mực. Ngồi tách khỏi ông ta, nhưng ít nhiều vẫn còn sau cái bàn, là Ashmeade và một người đàn ông rất mập mà tôi không biết. Ghế đã được chuẩn bị sẵn sàng cho chúng tôi, đối diện họ, cô lập ở giữa căn phòng. Nơi này thật giống một pháp đình. Tôi xích lại gần Bergmann hơn, ra về phòng thủ.

“Chào hai anh!” Chatsworth chào chúng tôi, rất thân ái. Đầu ông ta ngoẹo sang bên, giữ điện thoại tựa vào quai hàm, như giữ đàn vĩ cầm. “Chốc nữa tới chỗ anh.” Ông nói vào điện thoại. “Xin lỗi, Dave. Không làm gì cả. Không. Tôi đã quyết định rồi... Ờ, anh ta lẽ ra đã bảo anh hồi tuần rồi. Lúc ấy tôi vẫn chưa thấy nó. Nó bốc mùi... Anh bạn thân mến, tôi không thể giúp vụ đó. Tôi không biết họ làm cái việc thối nát đến thế. Chuyện tôi tệ kinh hồn... Ờ, bảo chúng bất kì điều gì anh muốn... Tôi không quan tâm việc cảm giác của chúng có tổn thương không. Chúng cần phải bị tổn thương bỏ bà luôn... Không. Tạm biệt.”

Ashmeade thoáng mỉm cười. Gã mặt trông buồn chán. Chatsworth nhắc chân ra khỏi bàn. Khuôn mặt to của ông ấy hiện lên trong tầm nhìn.

“Tôi có chút tin xấu cho hai anh,” ông ấy bảo chúng tôi.

Tôi liếc nhanh sang bên Bergmann; nhưng ông ta đang quan sát Chatsworth bằng ánh nhìn của nhà thôi miên.

“Chúng tôi vừa thay đổi lịch trình. Các anh sẽ phải bắt đầu quay sau hai tuần nữa.”

“Bất khả!” Bergmann bắn ra từ đó như một khẩu súng.

“Dĩ nhiên là bất khả,” Chatsworth nói, miệng cười toe. “Chúng ta là những kẻ bất khả quanh đây... Tôi không nghĩ là anh biết anh Harris? Ông ta đã ngồi suốt đêm qua để thiết kế bối cảnh cho anh. Tôi hi vọng anh sẽ ghét chúng giống như tôi vậy... Ờ, chuyện nữa: chúng ta không thể có được Rosemary Lee. Cô nàng sẽ giông buồm tới New York sáng mai. Nên tôi nói chuyện với Anita Hayden, và cô ta thích thú đấy. Cô ả là thứ lẳng lơ, nhưng cô ả biết hát. Chờ chút, tôi muốn anh đến nghe phần nhạc phim do Pfeffer soạn. Nó ồn ào phát khiếp. Dù vậy tôi không bận tâm lắm... Tôi đã cử Watts lo vụ ánh sáng. Anh ta là tay cừ nhất của chúng ta đó. Anh ta biết cách bắt lấy tâm trạng.”

Bergmann làu bàu giọng ngờ vực. Tôi mỉm cười. Tôi thích Chatsworth buổi sáng đó.

“Về kịch bản thì sao?” Tôi hỏi.

“Đừng có lo vụ đó, anh bạn à. Đừng bao giờ để kịch bản ngáng đường của ta, phải không, Sandy? Sự thật là tôi có thể lo liệu phần đoạn kết của các anh. Tôi đã nghĩ về nó hồi sáng này, trong lúc đang cạo râu. Tôi có một ý rất hay.”

Chatsworth ngừng nói để chiêm lại điều xì gà.

“Tôi muốn anh tiếp tục cùng chúng tôi,” ông ấy bảo tôi, “cho đến khi làm xong bộ phim. Cứ để đôi tai và đôi mắt anh rộng mở. Hãy quan sát các chi tiết. Hãy lắng nghe các ngữ điệu. Anh có thể giúp nhiều thứ. Bergmann không quen với ngôn ngữ này. Bên cạnh đó, còn có mấy chỗ viết lại... Từ giờ, tôi cho hai anh một văn phòng ở đây trong tòa nhà này, nên tôi sẽ để mắt tới các anh. Nếu các anh muốn gì, cứ kêu tôi. Các anh sẽ có toàn bộ sự hợp tác mà các anh cần... Ờ, tôi nghĩ chuyện đó sẽ lo được mọi thứ. Đi nào, bác sĩ. Sandy, anh sẽ chỉ cho Isherwood thấy lao ngục mới của anh ấy nhé?”

\*

NHƯ THẾ, theo kết quả của cuộc đàm thoại mười phút, toàn bộ nhịp sống của chúng tôi bất thần thay đổi. Đối với Bergmann, dĩ nhiên, chuyện này không có gì mới. Nhưng tôi cảm thấy sừng sốt. Chuyện cứ như thể hai gã cư sĩ bị chuyển từ hang động của họ ở vùng núi tới ngay giữa một nhà ga tàu hỏa hiện đại. Không còn riêng tư gì nữa. Cái tiến trình phí phạm thời giờ, từ trước đến nay mang tính điềm tĩnh và đậm chất triết lí, giờ đã thành cảm giác tội lỗi và lo sợ.

“Lao ngục” của chúng tôi là một căn phòng bé tí trên tầng ba, trần trụi đến hoang lương, không có gì trong đó ngoại trừ một cái bàn giấy, ba cái ghế và một cái điện thoại. Điện thoại có cái chuông rõ to. Khi nó reo, hai chúng tôi đều nhảy dựng lên. Cửa sổ ngự ở chỗ nhìn ra những mái nhà đầy bồ hóng và bầu trời mùa đông sắc xám. Bên ngoài, dọc con đường, người qua kẻ lại làm nên cảnh tượng ồn ào không cần thiết. Thường thì những thân xác của họ sẽ tông vào cánh cửa; hoặc cửa mở và một cái đầu thò vào. “Joe đâu rồi?” Một người lạ sẽ hỏi thế, bằng cái giọng có phần khiển trách. Không thì y sẽ nói,

“O, xin lỗi...” rồi biến mất không một lời giải thích. Những tác nhân gián đoạn này làm Bergmann tuyệt vọng. “Đây là cấp độ cao nhất,” ông ta sẽ kêu rên thế. “Họ tra tấn ta, và ta chẳng có gì để thú nhận.”

Chúng tôi hiếm khi ở cạnh nhau được lâu. Điện thoại, hay người đưa tin, sẽ gọi Bergmann ra khỏi phòng để đàm luận cùng Chatsworth, hoặc cùng người tuyển vai diễn, hoặc cùng ông Harris, và tôi sẽ bị bỏ lại cùng với một cảnh dang dở cùng lời khuyên bi quan của ông rằng “hãy cố nghĩ ra thứ gì đó”. Thường thì tôi chẳng hề cố gắng. Tôi nhìn chăm chăm ra ngoài cửa sổ, hoặc tán chuyện với Dorothy. Chúng tôi hiểu ngầm rằng, nếu ai đó nhìn vào, chúng tôi sẽ lập tức vờ như đang làm việc. Đôi khi chính Dorothy cũng bỏ tôi đi. Cô ta có nhiều bạn ở hãng phim, và sẽ chuồn ra ngoài tán gẫu khi thấy quanh đó không có ai.

Dẫu vậy, dưới áp lực của cuộc khủng hoảng này, chúng tôi có tiến bộ. Bergmann thì khinh suất ngay lúc này. Ông sẵn sàng thông qua cả những đề xuất kém cỏi nhất của tôi bằng một cái thờ dài không hơn không kém. Ngoài ra, bản thân tôi dần bạo dạn hơn. Lương tâm không còn làm tôi muộn phiền nữa. Bàn tay của người thợ nhuộm đã bị khuất phục rồi<sup>[39]</sup>. Có những ngày tôi có thể viết hết trang này đến trang nọ bằng một thiên tư xuất thần. Chuyện đó thật là dễ hết sức. Toni đùa. Gã Nam tước chơi chữ. Cha của Toni diễn hề. Thứ câu thúc bên trong đã được loại bỏ. Đây chỉ đơn giản là một công việc. Tôi đang làm nó theo khả năng của mình.

Đồng thời, bất kì khi nào có dịp, tôi lại đi khám phá. Imperial Bulldog sở hữu một nơi hẳn là địa điểm làm phim xưa cũ nhất London. Nó có từ những tháng ngày đầu của phim câm, thời mà các đạo diễn gào lên qua loa để cho tiếng của họ được nghe thấy bên trên tiếng gõ búa của thợ mộc; và cả đám người mặt mày choáng váng, tai điếc đặc, chân khập khiễng bị tay trợ lí đạo diễn hùng hổ thúc tới chỗ này chỗ kia, miệng nạt nộ vào mặt họ như chó sủa. Vào thời hoàng loạn, khi Âm thanh lần đầu đến nước Anh và không ai có thể có công việc bảo đảm, Bulldog đã tiến hành một chương trình tái cơ cấu vội vã và khá cuồng loạn. Toàn bộ nơi này bị giật sập và xây lại cực nhanh, phần lớn với chi phí rẻ nhất có thể. Không ai biết điều gì xảy đến tiếp theo: Vị, có lẽ vậy, hoặc Mùi, hoặc Hình nổi, hoặc một

thủ thuật nào đó trèo ra màn hình và chạy vòng vòng chỗ khán giả. Đường như không có gì bất khả. Và trong quãng thời gian chuyển tiếp này, thật thiếu khôn ngoan khi tiêu nhiều tiền vào thiết bị có thể sẽ trở nên lạc hậu trong vòng một năm.

Kết quả của việc xây lại là một mê cung những cầu thang ngoằn ngoèo, những hành lang tù túng, những chỗ dốc đứng nguy hiểm và những cánh cửa kiểu Alice-lạc-vào-xứ-thần-tiên. Hầu hết những căn phòng nhỏ đều chật kín, thiếu lỗ thông gió, chỉ tách biệt bằng những vách ngăn gỗ dán và thấp những bóng đèn trần trụ treo trên mấy sợi kim loại. Mọi thứ đều tạm bợ, và có thể làm ta bị giật điện, rớt xuống đầu ta, hoặc vỡ ra từng mảnh trong bàn tay ta. “Khẩu hiệu của chúng ta là,” Lawrence Dwight nói, *“Nếu nó vỡ, tức nó là Bulldog.”*

Lawrence là tay cắt phim chính cho bộ phim chúng tôi: một thanh niên lùn, cơ bắp, trông cáu tiết, tầm trạc tuổi tôi, luôn khoác lên khuôn mặt cái vẻ nhăn nhó thể hiện sự kinh tởm. Chúng tôi đã kết bạn, chủ yếu là vì anh ta đã đọc một truyện của tôi ở một tờ tạp chí, và gầm gừ giọng bực bội rằng anh ta thích truyện đó. Anh ta đi chân hơi khập khiễng mà tôi lẽ ra không bao giờ nhận ra; nhưng sau vài phút chuyện trò, anh ta bất thần bảo tôi rằng anh ta có một cái chân giả. Cái chân này anh nhắc đến với tên gọi “mẫu cụt của tôi”. Chân anh bị cắt cụt sau vụ tai nạn xe hơi, mà trong vụ đó vợ anh đã chết chỉ một tháng sau khi họ kết hôn.

“Chúng tôi vừa có thời gian phát hiện ra rằng chúng tôi không thể chịu đựng nhau,” anh bảo tôi, giận dữ quan sát khuôn mặt tôi để xem thử tôi có bị sốc không. “Tôi đang lái xe lúc đó, tôi cho là mình thực sự muốn giết chết cô ta.”

“Tôi không biết anh hình dung mình sẽ làm cái quái quỷ gì ở đây,” anh nói, sau đó một chút. “Bán linh hồn mình, tôi cho là thế? Tất cả cây bút các anh đều có một thái độ lãng mạn chết bầm. Anh nghĩ điện ảnh không xứng tầm anh. Đừng có mà tin. Anh không xứng tầm điện ảnh đấy. Chúng tôi không cần bất kì con điểm lãng mạn nào của thế kỉ 19. Chúng tôi cần những kĩ thuật viên. Cảm ơn Chúa, tôi làm nghề cắt phim. Tôi hiểu công việc của mình. Thực tế, tôi giỏi món này bỏ mẹ đấy. Tôi không đối xử phim như thể nó là một mẫu ruột của mình. Toàn bộ chuyện này đều là lỗi của Chatsworth. Ông ta cũng



quá ư lãng mạn. Ông ta sẽ thuê những kẻ như anh. Nghĩ ông ta là Lorenzo Tráng lệ<sup>[40]</sup>... Tôi cá là anh ghét môn toán? Ừm, để tôi nói anh biết chuyện này. Điện ảnh không phải kịch, nó không phải văn chương - nó là toán học thuần túy. Dĩ nhiên, anh sẽ chẳng bao giờ hiểu điều đó đâu, chừng nào mà anh còn sống.”

Lawrence lấy làm khoan khoái tốt bụng khi chỉ ra cho tôi thấy nhiều khuyết điểm của hãng phim. Chẳng hạn không có nhà kho hàng hoàng nào để chứa đạo cụ. Máy bối cảnh phải được tháo ra ngay khi dùng xong; người ta bỏ phí vật liệu kinh khủng. Và rồi, Bulldog chứa quá nhiều kẻ vô tích sự. “Chúng ta có thể làm việc tốt hơn với hai phần ba số nhân viên hiện tại. Tất cả mấy tay trợ lý đạo diễn này, cứ rộn ràng và giẫm vào chân nhau... Họ thậm chí còn có người gọi là đạo diễn lời thoại. Anh tưởng tượng được không? Một tay lố lãng đáng thương ngồi đây đó trên cái mông béo của hắn và bảo ‘Vâng’ bất kì khi nào có ai nhìn hắn.”

Tôi bật cười. “Đó là thứ tôi sắp làm.”

Nhưng Lawrence không chút lúng túng. “Lẽ ra tôi phải biết vụ đó,” anh cười với vẻ chán ghét. “Anh quả là đúng típ đó. Khéo cư xử ra phết đấy.”

Sự khinh miệt cực điểm của anh ta dành cho Tổ Kịch bản, có tên gọi chính thức là Chái nhà G. Lô đất sau của Imperial Bulldog thoải dốc về phía con sông. Chái nhà G ban đầu là một nhà kho. Nó làm tôi nhớ đến một văn phòng luật sư trong một tiểu thuyết của Dickens. Có nhiều kệ giăng đầy mạng nhện, hàng hàng lớp lớp kệ, đứng cao đến tận mái nhà, và không đâu có một kẽ nứt đủ rộng để thọc ngón tay út vào. Những hàng kệ thấp hơn phần lớn để kịch bản; những kịch bản được sao ra làm hai, ba bản, những đề cương, những bản phác thảo thô, mọi mẫu báo mà bất kì cây bút Bulldog nào từng viết tháu lên đó. Lawrence bảo tôi rằng bọn chuột đã gặm được mấy đường hầm dài xuyên qua đóng giấy đó, từ đầu này đến đầu kia. “Chúng phải bị đổ ra sông Thames,” Lawrence nói thêm, “nhưng Cảnh sát Đường sông sẽ tố bọn tôi về việc thải chất độc ra sông.”

Và rồi ở đó có nhiều sách. Đây là những cuốn tiểu thuyết và những vở kịch mà hãng đã mua để đưa vào phim. Dù sao, đó là điều mà họ phải làm. Liệu Bulldog có bao giờ xét đến việc làm phim về

*Thời gian biểu Hỏa xa Bradshaw cho năm 1911?*Ờ, có lẽ vụ đó ban đầu phát xuất từ Tổ Nghiên cứu. “Nhưng liệu anh sẽ giải thích với tôi,” Lawrence nói, “về lí do tại sao chúng ta có hai mươi bảy bản *Nửa giờ với một kính viễn vọng*, mà một trong số đó lấy trộm từ Thư viện Công cộng Woking?”

Tôi lấy làm ngạc nhiên khi Lawrence ưng thuận Bergmann và nể phục ông ta. Anh đã xem một số phim mà Bergmann đạo diễn ở Đức, và dĩ nhiên việc này làm Bergmann thích thú, mặc dù ông ta sẽ chẳng bao giờ thừa nhận điều ấy. Thay vào đó, ông ta khen ngợi tính cách của Lawrence, gọi anh chàng là “*ein anstaendiger Junge*”<sup>[41]</sup>. Bất kì khi nào họ gặp nhau, Bergmann đều gọi anh ta là “Thầy”. Sau một thời gian, Lawrence bắt đầu đáp lại. Thế là Bergmann, vốn dĩ chưa từng bị vượt mặt, bắt đầu gọi Lawrence là “Bậc thầy vĩ đại”. Lawrence chuyển sang gọi tôi là “Ngài Đạo-diễn-Lời-thoại”. Tôi gọi anh ta là “Bậc-thầy-Cắt-phim.”

Tuy vậy, tôi cẩn trọng không cho Bergmann biết về những chính kiến của Lawrence. “Toàn bộ mớ vô nghĩa về phát-xít và cánh tả này,” Lawrence nói, “thật là cổ lỗ bỏ bà. Người ta tán dương giới lao động. Vụ đó làm tôi phát bệnh. Giới lao động chỉ là bọn cừu. Luôn là thế. Luôn sẽ thế. Họ chọn theo lối đó, và tại sao không chứ? Đó là đời họ. Và họ né tránh được nhiều cơn nhưc đầu... Thử xét đám lao động ở chỗ này. Họ biết gì hay quan tâm gì ngoại trừ việc nhận séc lương? Nếu có rắc rối nảy sinh bên ngoài công việc thiết thân của họ, họ sẽ mong người khác quyết định giùm. Cũng khá đúng, từ quan điểm của họ. Một đất nước phải được cai quản bởi một cộng đồng thiểu số nào đó. Có điều, chúng ta phải rũ bỏ bọn chính khách ủy mị khốn kiếp này. Tất cả các chính khách đều là bọn tài tử. Cứ như thế ta sẽ trao hãng phim này cho Tổ Công chúng. Những người duy nhất thực sự quan trọng là những tay kĩ thuật viên. Họ biết điều họ muốn.”

“Và họ muốn gì?”

“Họ muốn tính hiệu quả.”

“Thế là sao?”

“Hiệu quả là làm việc cho ra làm việc.”

“Nhưng dù vậy, sao anh phải làm việc? Đâu là nguồn khích lệ?”

“Nguồn kích lệ chính là chống lại tình trạng vô chính phủ. Đó là tất cả những gì Con người sống để đạt được. Đòi lại cuộc sống từ mớ rối ren tự nhiên. Làm nên những khuôn hình.”

“Những khuôn hình cho cái gì?”

“Cho chính chúng thôi. Nhằm tạo ra ý nghĩa. Còn gì khác nữa chứ?”

“Còn về các thứ không lắp vừa những khuôn hình của anh?”

“Loại bỏ chúng.”

“Ý anh là, giết người Do Thái?”

“Đừng tìm cách gây sốc cho tôi bằng những phép loại suy làm lạc úy mị chết tiệt của anh. Anh hiểu quá rõ ý tôi là gì mà. Khi người ta chối từ việc lắp vừa khuôn, họ tự loại bỏ mình. Đó đâu phải lỗi của tôi. Hitler không tạo ra các khuôn hình. Hắn chỉ là một kẻ cơ hội. Khi anh tạo nên các khuôn hình, anh không ngược đãi. Khuôn hình không phải con người ta.”

“Giờ thì ai là kẻ cổ lỗ đây? Điều đó nghe tựa như Nghệ thuật vị Nghệ thuật.”

“Tôi chẳng quan tâm nó nghe giống cái gì... Dù gì thì kĩ thuật viên là những nghệ sĩ thực thụ duy nhất.”

“Mọi sự với anh đều ổn cả khi tạo nên những khuôn hình bằng hành vi cắt phim của anh. Nhưng có ích gì khi anh phải làm việc cho những bộ phim như *Hoa tím ngày xưa*?”

“Đó là mối lo của Chatsworth, và của Bergmann, và của anh. Nếu bọn được gọi là nghệ sĩ các anh cư xử giống kĩ thuật viên và hợp tác cùng nhau, ngưng đóng vai mấy tay dân chủ, thì các anh sẽ khiến công chúng tiếp nhận loại phim ảnh mà các anh muốn. Loại kinh doanh quanh phòng vé kiểu này chỉ là một thứ hư cấu mang màu dân chủ ủy mị. Nếu các anh đồng lòng từ chối làm mọi thứ ngoại trừ phim trừu tượng, cho là vậy đi, thì công chúng sẽ đến xem mấy phim đó, và thích chúng... Ấy thế, nói thì có ích gì. Các anh sẽ chẳng bao giờ có gan. Các anh thà cứ than van về chuyện dĩ dĩm, và cứ làm tiếp *Hoa tím ngày xưa*. Đó là lí do tại sao trong tâm can, công chúng coi thường các anh. Họ biết thừa là họ giật dây được các anh. Duy

có một điều: đừng có mà đem mấy thứ bi ai kiểu nghệ sĩ các anh đến chỗ tôi, bởi tôi không hứng thú.”

\*

CHÚNG TÔI bắt đầu quay phim vào tuần cuối của tháng Một. Tôi gán một ngày đại khái cho thời điểm này vì đó gần như là thứ cuối cùng mà tôi có thể nhớ ra. Chuyện tiếp theo thật quá ư lộn xộn trong trí nhớ tôi, quá ư đổi dời, quá ư rút gọn, đến độ tôi chỉ có thể miêu tả nó theo lối tổng hợp. Hồi ức của tôi về nó không theo chuỗi. Nó chỉ toàn là mảnh vụn.

Bên trong phim trường lớn trông như kho vựa, với bốn vách tường bọc đệm, trần trụi và cao, đủ to để chứa một khinh khí cầu, không có ngày hay đêm: chỉ có những khoảng thời gian hoạt động và tĩnh lặng đan xen nhau không theo quy luật nào. Đứng bên dưới nền trời là mấy cái xà nhà và sàn treo, từ đó, những chiếc đèn chớp chiếu xuống thứ ánh sáng lạnh lẽo tựa như các tinh cầu, là khối kiến trúc các bối cảnh vốn rời rạc, bị tháo dỡ chỗ này chỗ kia; các cổng tò vò, các phân mảnh của các ngôi nhà, các ngọn đèn bằng gỗ và vải bạt, các phong ảnh to lớn, các mặt tiền trên đường phố; mang hơi hướm Pompeii, nhưng hoang lương hơn, quái đản hơn, bởi theo nghĩa đen, đây là một cõi nửa chừng, một xứ sở các hình ảnh phản chiếu, một thị thành vốn đã mất đi chiều kích thứ ba. Chỉ mỗi mớ bóng bong dây cáp điện nặng nề là hữu hình, và dễ làm bạn vấp khi bước qua trên sàn nhà. Những bước đi của bạn gây ra tiếng ồn thiếu tự nhiên, bạn thấy mình nhón chân mà đi.

Ở một góc nọ, giữa đống tàn tích này, có sự sống. Một bối cảnh duy nhất được chiếu sáng rực. Từ đằng xa, nó trông như một điện thờ, và những hình thù đứng quanh nó có thể là những tín đồ. Nhưng nó chỉ là căn phòng khách trong nhà Toni, trông hoàn chỉnh với những món nội thất hợp thời đại, những tấm màn có màu vui mắt, một cái chuồng chim hoàng yến và một cái đồng hồ cóc-cu. Mấy gã đang thực hiện những khâu cuối cùng để hoàn thiện căn nhà búp bê duyên dáng giống thật này, với cùng một vẻ thần nhiên, nghiêm

ngiht mà bất kì tay thợ mộc và thợ điện nào cũng có thể biểu lộ khi xây một cái ga ra.

Ở giữa bối cảnh này, nhấn nại và vô danh như bọn ma nơ canh của thợ may, là đôi nam nữ diễn viên thế chỗ cho Arthur Cromwell và Anita Hayden. Ông Watts, một người đàn ông hói gày với cặp mực kính viền vàng, cứ đi đi lại lại không yên, nhìn hai diễn viên kia từ nhiều góc khác nhau. Cái kính một mắt gương lam lũng lảng nơi dây ruy băng quanh cổ ông ta. Ông liên tục nâng nó lên để quan sát hiệu ứng chung của ánh sáng chiếu vào; và cử chỉ này quái lạ thay lại giống như cử chỉ của một tay chưng diện thời Nhiếp chính<sup>[42]</sup>. Cảnh ông ta là Fred Murray, tóc đỏ và mang giày cao su. Fred ở vị trí mà người ta gọi là “sếp”, trong từ lóng hăng phim. Theo lối ứng xử của chúng tôi, ông Watts không thể hạ cố ra lệnh trực tiếp. Ông ta thầm thì lệnh của mình cho Fred nghe và Fred, như thể dịch nó sang tiếng ngoại quốc, thét lên chỗ đám người đang làm đèn trên sàn treo, phía trên cao.

“Đặt một miếng lụa lên khẩu súng trường đó... Xoay mấy vòng ở số bốn... Kết liễu nó đi.”

“Tôi sẵn sàng,” ông Watts rất cuộc cũng lên tiếng.

“Được rồi,” Fred Murray thét vào đám trợ lí. “Thu chúng lại.” Mấy công tồ vò tắt đèn và đèn trong nhà bật lên. Bối cảnh mất đi vẻ quyến rũ kiểu điện thờ. Mấy diễn viên phụ rời vị trí. Có một bầu không khí chùng xuống, như thể chúng tôi sắp sửa bắt đầu lại mọi thứ từ đầu.

“Giờ thì, ta đã gần sẵn sàng chưa?” Đây là Eliot, trợ lí đạo diễn. Anh ta có cái mũi nhọn dài và một chất giọng của dân học trường công lập. Anh ta cầm theo một bản sao của kịch bản, giống như vật tượng trưng cho chức trách, trên tay mình. Cung cách anh ta thật hống hách, nhưng e dè và thiếu tự tin. Tôi thấy tiếc thương cho anh ta. Công việc làm cho anh ta trở nên khó ưa. Anh ta phải nhặng xị và giữ mọi sự luôn hoạt động; và anh ta không biết cách làm điều ấy mà không tỏ vẻ hung hăng. Anh ta không biết cách nói chuyện với những người đàn ông lớn tuổi hơn, hoặc với mấy người ở hậu đài. Anh ta ý thức được về giọng nói the thé, có học thức của chính mình, cổ áo sơ mi của anh có quá nhiều bột hồ dính vào.

“Trì trệ vậy là sao?” Eliot cất giọng than vãn với cả thế giới. “Anh thì sao, Roger?”

Roger, người ghi âm, làm bằm chửi thề. Anh ghét bị hối thúc. “Có chút trở ngại ở cái micrô này,” anh giải thích, với sự kiên nhẫn cay nghiệt. “Đây là một cảnh hết sức sống động... Dời cái tay cầm vòng sang trái thêm chút đi, Teddy. Ta sẽ phải dùng một cái chậu hoa.”

Cái tay cầm di dời, lúng lẳng cái micrô, tựa như một cần câu. Teddy, người làm việc đó, bằng ngang các bối cảnh và giấu cái micrô thứ nhì đằng sau một món đồ sứ trên bàn.

Trong khi ấy, ở đâu đó đằng hậu cảnh, tôi nghe tiếng Arthur Cromwell kêu: “Gã Isherwood vô giá đâu rồi?” Arthur thủ vai cha của Toni. Ông ta là một gã đẹp trai to lớn từng là thần tượng của bao cô gái - kiểu mẫu gừng càng già càng cay. Ông muốn tôi nghe ông đọc phần thoại của mình. Khi ông quên câu nào, ông búng tay, không hề mất kiên nhẫn.

“Chuyện gì thế, Toni? Chưa đến giờ đi tới Prater à?”

“Không phải con chuẩn bị tới Prater hôm nay à?” Tôi nhắc.

“Không phải con chuẩn bị tới Prater hôm nay à?” Nhưng Arthur có cái khúc mắc bí ẩn nào đó của diễn viên khi đụng câu này. “Hơi chút khó nói, phải không? Nghe câu đó hơi lạ tai... Nói ‘Sao con không đến Prater’ thì sao?”

“Được rồi.”

Bergmann kêu, “Isherwood!” (Kể từ lúc chúng tôi làm việc trong hãng phim, ông ta luôn kêu tôi bằng họ ở chốn công cộng.) Ông bước ra khỏi khu bối cảnh với đôi tay để sau lưng, thậm chí không liếc quanh để xem tôi có đi theo không. Chúng tôi đi qua mấy cánh cửa đôi và ra chỗ thoát hiểm hỏa hoạn. Mọi người đều lui ra chỗ thoát hiểm hỏa hoạn khi họ muốn nói chuyện và hút thuốc, bởi không được phép hút thuốc bên trong tòa nhà. Tôi gật đầu với người giữ cửa, người đang đọc tờ *Daily Herald* qua cặp kính kẹp mũi. Anh ta là một người hết sức hâm mộ nước Nga Xô viết.

Đứng trên bệ sắt nhỏ, chúng tôi có thể thoáng thấy dòng sông xám lạnh phía bên kia các mái nhà. Không khí có mùi ẩm và tươi

mát, sau khi từ trong nhà ra, và có cơn gió thoảng quấy rầy mái tóc rậm rạp của Bergmann.

“Cảnh đó thế nào? Chuyện sẽ ổn cả như thế này chứ?”

“Vâng, tôi nghĩ vậy.” Tôi tìm cách nói nghe có vẻ thuyết phục. Tôi thấy lười biếng sáng nay, và không muốn gặp rắc rối nào. Cả hai chúng tôi kiểm tra các bản sao kịch bản; hoặc ít nhất thì tôi cũng vờ làm thế. Tôi đã đọc nó nhiều đến mức từ ngữ trong đó đã mất hết nghĩa.

Bergmann nhăn nhó và làu bàu: “Tôi nghĩ, có lẽ, liệu ta có thể tìm ra thứ gì đó. Kịch bản này có vẻ quá sức trống trải, quá sức tồi... Toni không đời nào lại nói: ‘Con không thể bán hoa violet của ngày hôm qua; chúng không tươi.’”

“Con không thể bán hoa violet của hôm qua; chúng héo nhanh quá.”

“Tốt. Tốt... Viết câu đó vào.”

Tôi viết câu này vào kịch bản. Eliot xuất hiện chỗ cánh cửa. “Đã sẵn sàng duyệt ngay giờ, thưa ông.”

“Ta đi thôi.” Bergmann dẫn lối quay lại bối cảnh, với Eliot và chính tôi theo sau - một vị tướng có lính theo tháp tùng. Ai cũng nhìn chúng tôi, tự nhủ liệu có gì quan trọng đã được quyết chưa. Có một niềm thỏa ý ấu trĩ trong chuyện bắt nhiều người đến thế phải chờ.

Eliot tới chỗ cửa phòng thay đồ di động của Anita Hayden. “Cô Hayden,” anh nói, giọng rất e dè, “cô vui lòng ra ngay giờ nhé? Chúng tôi đã sẵn sàng.”

Trông như một bé gái hay hờn trong bộ váy ngắn điểm hoa, đeo tạp dề và bận váy lót dài có diềm xếp nếp, Anita hiện ra và bước lên bối cảnh. Giống với hầu như tất cả những người nổi tiếng, cô trông nhỏ hơn một cỡ so với những tấm ảnh chụp mình.

Tôi tiến đến chỗ cô, sợ rằng việc này sẽ gây khó chịu. Tôi cố cười toe. “Xin lỗi! Chúng tôi lại thay đổi một câu thoại.”

Nhưng vì lẽ nào đó, Anita lại có tâm trạng tốt.

“Cục súc!” Cô nàng thốt lên, giọng đưa đẩy. “Ờ, đi thôi, ta hãy nghe điều tệ nhất nào.”

Eliot huýt sáo. “Đằng kia yên lặng! Yên hết! Tổng duyệt đây! Đền xanh!” Câu lệnh cuối cùng dành cho người giữ cửa, người sẽ bật tấm biển phía trên cửa vào trường quay: “Diễn tập. Hãy yên lặng bước vào.”

Sau rốt chúng tôi đã sẵn sàng. Buổi diễn tập bắt đầu.

Toni đang đứng một mình, trầm tư nhìn ra ngoài cửa sổ. Đây là ngày sau cuộc gặp của cô với Rudolf. Và giờ cô vừa nhận một bức thư nói lời tình ái và lời tạ từ, với câu chữ đầy bí ẩn, bởi anh không thể cho cô biết toàn bộ sự thật: rằng anh là Thái tử và rằng anh bị triệu hồi về lại Borodania. Thế là Toni tan nát cõi lòng và thấy hoang mang. Đôi mắt cô đăm lẹ. (Phần này trong cảnh được thực hiện bằng một cú quay cận cảnh.)

Cánh cửa mở. Cha Toni bước vào.

Người cha: “Chuyện gì thế, Toni? Sao con không ở Prater?”

Toni (bịa ra một cái có): “Con... con không có hoa.”

Người cha: “Con bán hết hoa hôm qua rồi à?”

Toni (với cái nhìn xa xăm trong đôi mắt, cho thấy câu trả lời của cô chỉ mang tính biểu trưng): “Con không thể bán hoa violet của hôm qua. Chúng héo nhanh quá.”

Cô bắt đầu khóc, và chạy ra khỏi phòng, xô cánh cửa cái rầm. Cha cô đứng nhìn theo, lòng ngạc nhiên tột cùng. Đoạn ông nhún vai và nhăn mặt, nhăn đến mức như bảo rằng cơn xung động của người phụ nữ đó vượt ra ngoài nhận thức của ông.

“Cắt.” Bergmann nhòem nhanh dậy khỏi chiếc ghế và tới chỗ Anita. “Để tôi nói cô điều này, thưa cô. Cái cách cô xô cửa mở thật tuyệt. Toàn bộ động tác đó quá sức tuyệt. Cô trao cho cử động đó một tầm quan trọng đậm nét sân khấu mà so với nó thì cuộc đời sát Rasputin chỉ là một bữa ăn sáng nhanh.”

Anita mỉm cười nhã nhặn. “Xin lỗi, Friedrich. Tôi *cảm thấy* pha đó không đúng.” Cô ta *đúng là* đang có tâm trạng tốt.

“Để tôi cho cô thấy, một lần...” Bergmann đứng cạnh bàn. Mũi ông run rẩy, mắt ông lóng lánh; ông là một cô gái trẻ đẹp đang chực khóc. “Con không thể bán hoa violet của hôm qua... Chúng héo...” Ông chạy ra khỏi phòng, khuôn mặt quay đi. Có tiếng đấm sầm, đằng



sau phong cảnh, và một tiếng lẩm bẩm “*Verflucht!*”<sup>[43]</sup> Ông hẳn vấp vào một trong số mớ dây cáp. Một khắc sau, Bergmann tái xuất hiện, miệng cười toe, có chút hụt hơi. “Cô hiểu ý tôi sao rồi chứ? Nhẹ nhàng thôi. Đừng tông nó quá dữ dội.”

“Vâng,” Anita gật đầu vẻ nghiêm trang, chiều theo ý ông. “Tôi *nghĩ* là mình hiểu.”

“Được rồi, cưng à,” Bergmann vỗ cánh tay cô. “Chúng ta quay cảnh đó một lần nữa.”

“Timmy đâu?” Anita kêu đòi, bằng giọng chán chường, du dương. Tay trang điểm tới học tốc. “Timmy yêu dấu, khuôn mặt tôi ổn cả chứ?”

Cô chìa khuôn mặt cho anh ta, thần sắc lãnh đạm như một người đưa ra chiếc giày cho người đánh giày; cái mặt nạ xinh xắn đến khắc khoải này vốn là công việc của cô, nguồn thu nhập của cô, cần cẩu của cô. Timmy chấm chấm lên đó thật thiện nghệ. Cô lạnh lùng liếc nhìn bản thân mình, không tự phụ, trong cái gương bỏ túi của anh ta. Viên trợ lí của người quay phim đo đạc khoảng cách từ ống kính đến mũi cô, bằng thước dây.

Một cậu trai tên George hỏi cô gái tổ chức kịch bản về số lượng cảnh quay. Con số phải được ghi bằng phấn trên tấm bảng mà anh ta sẽ cầm trước máy quay, trước khi làm cú quay.

Roger gọi từ phòng âm thanh: “Vào xem cái này đi, Chris. Tôi cần một cái có.” Anh thường nói thế, giọng bỡn cợt, nhưng với vẻ bức tức được che đậy phần nào, mà chủ yếu để chống đối Eliot. Roger bức tức trước bất kì lời phê bình nào về việc ghi âm. Anh rất tận tâm về công việc của mình.

Tôi vào phòng âm thanh, trông như buồng điện thoại. Eliot bắt đầu hét giọng hống hách: “Phải! Sẵn sàng chứ, thưa ông? Sẵn sàng chứ ông Watts? Cho chuông nào. Cửa! Đèn đỏ!” Rồi bởi một số người vẫn còn di chuyển đây đó, “Yên lặng! Đang quay đấy!”

Roger cầm tai nghe lên và cắm vào buồng máy quay có ghi âm, vốn nằm trong một phòng trưng bày, nhìn ra tầng nhà. “Sẵn sàng chạy chưa, Jack?” anh hỏi. Hai tiếng bụp: tín hiệu ổn thỏa.

“Ta xong hết chưa?” Eliot hỏi. Rồi, sau một lúc, “Cho chúng khởi động.”

“Chạy,” cậu trai ở bảng công tắc bảo anh ta.

George bước tới và cầm tấm bảng giờ lên trước máy quay.

Roger phát hai tiếng bụp vào máy quay ghi âm. Hai tiếng bụp đáp lại. Roger phát hai tiếng bụp để báo Bergmann biết Âm thanh đã sẵn sàng.

Clark, cậu trai lo cái bảng đập, cất giọng to, “104, lần một.” Cậu ta đập cái bảng đập.

Bergmann, ngồi miệng cười toe trên ghế, xì tiếng qua kẽ răng: “Máy quay!”

Tôi quan sát ông ta, xuyên suốt cảnh quay đó. Thật không cần thiết nhìn vào bối cảnh; toàn bộ cảnh phản chiếu trên mặt ông ta. Ông ta không bao giờ rời mắt khỏi các diễn viên dù chỉ một khắc. Ông ta dường như kiểm soát mọi cử chỉ, mọi giọng điệu, bằng cách vận dụng thật nhuần nhuyễn năng lực thôi miên. Mỗi ông cử động, mặt ông giãn ra co lại, cơ thể ông xộc tới trước hoặc lui trở lại chỗ ngồi, đôi tay ông giơ lên hạ xuống để đánh dấu những pha hành động. Lúc thì ông đang dỗ ngọt Toni từ chỗ cửa sổ, lúc thì đang cảnh báo đừng nên quá hấp tấp, lúc thì đang khích lệ cha cô, lúc thì đang đòi biểu cảm thêm nữa, lúc thì e sợ sẽ lỡ mất khoảng tạm dừng, lúc thì hào hứng với cái nhịp độ, lúc thì lại âu lo, lúc thì thật cảnh giác, lúc thì thấy an tâm, lúc thì thấy xúc động, lúc thì thấy hài lòng, lúc thì thấy rất hài lòng, lúc thì cẩn trọng, lúc thì thấy thích thú. Sự tập trung của Bergmann thật tuyệt diệu ở tính duy nhất trong mục đích của nó. Đó là hành vi sáng tạo.

Khi mọi sự xong xuôi, ông thở dài, như thể vừa tỉnh giấc. Giọng nhẹ nhàng, đằm thắm, ông thở ra từ “Cắt”.

Ông xoay sang người quay phim. “Sao rồi?”

“Ổn, thưa ông, nhưng tôi muốn làm lại.”

Roger phát hai tiếng bụp.

“Âm thanh ổn, thưa ông,” Teddy nói.

Joyce, cô gái tổ chức kịch bản, kiểm tra đoạn phim cùng với người quay. Roger thò đầu khỏi buồng. “Teddy, anh làm ơn đi vòng

tới cô Hayden chút nhé? Tôi sợ cái máy quay chết tiệt đó.”

Vấn đề về tiếng ồn máy quay thế này là điều xảy ra luôn luôn. Để ngăn ngừa tiếng động ấy, máy quay được trùm trong một tấm chắn, khiến nó trông như một con chó cưng mặc tấm áo mùa đông. Dầu vậy, tiếng ồn vẫn còn đó. Bergmann không bao giờ quên phản ứng với thứ tiếng ấy. Đôi khi ông chửi thề, đôi khi ông cáu bẳn. Tuy vậy sáng nay, ông đang có tâm trạng diễn hề. Ông đến chỗ máy quay và chòang đôi cánh tay ôm lấy nó.

“Anh bạn già thân mến của tôi ơi, chúng tôi đã bắt anh làm việc quá cực nhọc! Thật quá đổi nhẫn tâm! Ông Chatsworth nên phát cho anh tiền trợ cấp, rồi đưa anh đến chỗ cánh đồng để mà gặm cỏ cùng với bầy ngựa đua đã giải nghệ.”

Ai nấy đều bật cười. Bergmann khá nổi danh ở nơi này. “Ông ta là kiểu người mà tôi gọi là diễn viên hài ăn khách,” người giữ cửa cho tôi hay. “Bộ phim này sẽ hay, nếu nó hài hước bằng nửa ông ta.”

Ông Watts và người quay phim đang bàn bạc về cách tránh cái bóng micro. Bergmann gọi đó là “Nguyên tội của phim thu âm trực tiếp”. Vào những dịp hiếm hoi, tự cái micrô bằng cách nào đó lọt vào được cảnh quay, mà không ai chú ý đến. Có một điều gì đó thật âm hiểm về vụ này, tựa như Con Quạ của Poe vậy. Nó luôn ở đó, lắng nghe trong thầm lặng.

Một tiếng bụp dài từ buồng máy quay ghi âm. Roger đeo tai nghe vào và báo cáo, “Máy quay ghi âm đang nạp lại, thưa ông.” Bergmann buông tiếng làu bàu và đi vào một góc để đọc thơ cho Dorothy. Giữa toàn bộ mớ hỗn loạn này, ông vẫn có thời giờ làm một bài, gần như mỗi ngày. Fred Murray đang la lối chỉ đạo việc chỉnh lại các loại đèn khác nhau trên thanh ray đèn và khung giàn; đèn *tweet*, đèn *snook*<sup>[44]</sup> và đèn quét nhỏ. Joyce đang gõ bản tường trình cho phần tổ chức kịch bản, trong đó có văn bản chính xác cho từng cảnh, khi được diễn, với các chi tiết cho đoạn phim, thời gian trên phim, số giờ làm việc, vân vân...

“Nào,” Eliot la lên. “Ta chưa sẵn sàng sao?”

Roger gọi lên buồng máy quay, “Làm lại, Jack.”

Teddy để ý thấy Eliot vô tình đứng trước cửa sổ của Roger, chần chừ nhìn của chúng tôi vào bối cảnh. Anh ta nhếch môi vẻ hiềm độc, và nói, rõ ràng nhại theo giọng nhiều sự cùng tột của Eliot: “Làm ơn tránh chỗ cái buồng!” Eliot đỏ mặt và dịch sang bên, giọng lầm bầm, “Xin lỗi.” Roger nháy mắt với tôi. Teddy, rất hài lòng với chính mình, đu đưa cái giá micrô, đồng thời huýt gió, và cảnh báo đoàn phim: “Cẩn thận cái đầu, mấy anh hùng của tôi ơi!”

Nhìn chung Roger để tôi rung chuông kêu yên lặng và phát tín hiệu hai tiếng bụp. Đó là một trong những cơ hội hiếm hoi tôi kiếm được để xứng đáng với đồng lương của mình. Nhưng lần này, tôi cứ lờ đờ. Tôi nhìn Bergmann đang kể gì đó buồn cười cho Fred Murray, và tự hỏi đó là chuyện gì. Roger phải tự mình phát tín hiệu. “Tôi lấy làm tiếc khi thấy phong độ thường lệ của anh đã giảm sút, Chris,” anh ta bảo tôi. Và anh ta nói thế, với Teddy, “tôi đã nghĩ chuyện cấp cho Chris chứng chỉ, nhưng giờ tôi phải nghĩ lại thôi.”

Những thành ngữ hàng hải của Roger có từ thời anh ta là người trực đài phát thanh trên một thương thuyền. Anh vẫn còn những đặc điểm của người đi tàu, ở những động tác nhanh nhẹn, ở tính tận tâm, ở khuôn mặt phóng khoáng, hồng hào, cảnh giác. Anh nghiên cứu mấy tờ tạp chí du thuyền trong buồng, ở quãng giữa hai lần quay.

“Yên lặng! Ổn định lại. Sẵn sàng chứ? Chạy máy.”

“Đang chạy.”

“104, lần hai.”

“Máy quay...”

“Cắt.”

“Ổn, thưa ông.”

“Âm thanh ổn, ông Bergmann.”

“Được rồi. Ta in cái này.”

“Ông sẽ làm lại chứ, thưa ông?”

“Ta quay nó lần nữa, thật nhanh.”

“Được. Làm đi, ngay. Ta hãy hoàn thành xuất sắc lần quay này.”

Nhưng lần quay thứ ba này hỏng bét. Anita bị trật một câu thoại. Ở giữa lần quay thứ tư, máy quay kẹt. Lần quay thứ năm ổn thỏa, và

được in ra. Buổi sáng dài, nhàn rãi, mỗi mệt của tôi đã xong, và đến giờ ăn trưa.

\*

CÓ BA NƠI để chọn ăn. Imperial Bulldog có căng tin riêng tại cơ ngơi này; nhưng chỗ ấy chật ních các nhân viên hãng phim, thư kí, diễn viên quần chúng đến mức bạn khó lòng tìm được chỗ ngồi. Tiếp theo có một quán rượu, ngay bên kia đường, nơi có thức ăn khá ngon. Đây là chỗ nghỉ dưỡng của giới trí thức: nhà văn, người cắt phim, nhạc sĩ và thành viên của Tổ Mĩ thuật. Tôi luôn tìm cách thuyết phục Bergmann đến đó; bởi chúng tôi lúc nào cũng ăn cùng nhau. Nhưng thường thì ông ta cứ đòi tới chỗ thứ ba, một khách sạn lớn ở quận South Kensington, nơi ăn uống của giới giám đốc điều hành và đạo diễn của hãng phim. Bergmann đến khách sạn này vì một nguyên tắc nhất định: “Ta phải phô bày cái tôi của mình,” ông bảo tôi. “Bọn thú mong chờ gặp người huấn luyện chúng.” Ông có một giả thuyết nửa đùa nửa thật rằng những thế lực của Bulldog muôn đời lập mưu chống lại ông, và rằng, nếu ông không xuất đầu lộ diện, bằng lẽ nào đó họ sẽ tính được cách trừ khử ông hoàn toàn.

Khách sạn có một phòng ăn hoành tráng, món ăn thì đậm chất Lục địa và dờ tẻ. Bergmann sẽ bước vào đó bằng tâm trạng dữ dội nhất, oai vệ nhất, đôi mày của ông rúm xuống vẻ dễ sợ, bắn những ánh nhìn gay gắt ra hai bên trái phải. Bắt gặp những ánh mắt của đồng nghiệp, ông sẽ cúi chào vẻ cứng nhắc, nhưng hiếm khi cất tiếng. Chúng tôi có một bàn nhỏ cho riêng mình; trừ khi, như đôi lúc vẫn xảy ra, chúng tôi được mời ngồi cùng một nhóm Bulldog nào đó.

Tôi phản đối khách sạn này, ngoại trừ lí do nó chán, chủ yếu là vì giá cả ở đó. Việc kiếm quá nhiều tiền đã khiến tôi trở nên hà tiện một cách quái lạ, và tôi miễn cưỡng lắm mới tiêu tiền vào đồ ăn. Nên tôi bắt đầu ăn càng lúc càng ít đi, bảo rằng mình không đói. Khi gọi chỉ một đĩa xúp hoặc một cái bánh ngọt, tôi đã cắt giảm được hóa đơn của mình xuống còn hai shilling một ngày.

Cả Bergmann lẫn mọi người khác dường như đều không thấy chuyện này là đáng kể. Nhiều người trong số họ có hệ tiêu hóa kém, bởi công việc của họ toàn ngồi một chỗ, và nhiều người ăn kiêng. Nhưng có một anh bồi bàn bé nhỏ, vì lẽ nào đó, đã gây cho tôi niềm thương mến. Chúng tôi luôn trao đổi với nhau vài lời khi tôi bước vào. Một hôm, khi tôi đang ngồi trong một nhóm nhiều người và, như thường lệ, gọi món rẻ nhất trong thực đơn, anh ta xuất hiện đằng sau ghế tôi và thì thầm: “Sao anh không kêu Tôm hùm Newburg? Các quý ông kia đã gọi món ấy. Đủ để thêm một con nữa. Tôi sẽ không tính tiền anh đâu.”

\*

SAU CƠN NÁO NHIỆT buổi sáng ấy, buổi chiều của chúng tôi bắt đầu trong một tâm trạng thư thái, nhàn nhã. Chúng tôi đã chuyển sang một phim trường khác, nơi đó một bối cảnh mới đã được dựng lên: phòng ngủ của Toni. Cảnh đầu được quay là cảnh ngay trước lúc thư của Rudolf tới. Toni đang nằm trên giường, thiếp ngủ, với nụ cười nở trên môi. Cô đang mơ về người tình của mình và về cuộc gặp lãng mạn ngày hôm qua. Bên ngoài trời đang là một buổi sáng xuân rực rỡ. Toni cựa mình, tỉnh giấc, vươn người, nhảy ra khỏi giường, chạy tới đầu kia căn phòng, mở toang cửa sổ, hít vào hương hoa, lòng đầy hứng khởi, và cất lên bài hát chính của bộ phim.

Chúng tôi có thể nghe thấy tiếng Anita đang tập hát lúc này, với Pfeffer chơi dương cầm, đầu đó đằng sau bối cảnh:

*Xuân tình giấc,  
Đông đã tàn,  
Băng đã tan,  
Bọn ếch nhảy nhót,  
Buổi sáng trong xanh như đôi mắt anh,  
Và trên trời,  
Em nghe tiếng chim chiền chiện  
Hót...*

Anita ngưng bật, “Khốn kiếp, tôi lại lỡ nhịp rồi. Xin lỗi cưng. Ta hãy thử lại lần nữa.”

*Xuân tình giấc,  
Đông đã tàn,  
Băng đã tan,  
Bọn ếch nhày nhót...*

Trong lúc đó, những tay thợ mộc, phớt lờ Nghệ thuật một cách đĩnh đạc, đang đập búa và đục đẽo đằng xa ở ngưỡng cửa sổ phòng ngủ. Nhưng George, một tay lãng mạn, ngâm nga theo điệu nhạc và mơ màng mỉm cười khi cậu viết lên tấm bảng của mình. George là một chàng trai người Ireland ưa nhìn, mang thái độ tự phụ hết sức thơ ngây. Cậu tán tỉnh Dorothy, Joyce và bất kì diễn viên quần chúng nào quyến rũ lân la gần bối cảnh. Rõ ràng cơn mộng tưởng của cậu còn muốn có cả Anita. Joyce thích cậu; Dorothy không lấy làm ấn tượng. “Bọn nhóc tuổi cậu ta gây rắc rối phiền phức,” cô bảo tôi thế. “Tôi thích một người đàn ông lão luyện, nếu anh hiểu ý tôi.”

*Những đóa hoa  
Năm ngoái thật tươi,  
Nhưng ai mà quan tâm  
Đến ngày hôm qua?*

George rảo bước đến chỗ Roger, Teddy và tôi, miệng cười toe và giọng ngâm nga. Khi Anita đến chỗ điệp khúc, cậu hòa vào, sao cho họ như hát song ca từ xa:

*Những đóa hoa hẩm đã tàn, và dù vậy  
Một đóa em không quên được:  
Violet chốn Prater.*

Roger và Teddy vỗ tay ra vẻ mỉa mai. George cúi đầu, tự mãn nhận lấy tràng vỗ tay, hơi quá cường điệu.

“Các anh biết đó,” cậu thổ lộ với chúng tôi, cùng nụ cười chất phác, “em thích cái thứ lỗi thời đó. Nó làm em hứng.”

“Cô Tình nhân Lớn hôm nay sao rồi?” Teddy hỏi cậu. “Và món hàng bé nhỏ mà tôi thấy cậu đi cùng ở căng tin là ai thế?”

George cười đặc ý: “Chỉ là một người bạn của em.”

“Cô ấy nhìn trẻ trung đủ để làm bà ngoại em đó, đồ ông già hư đốn.”

“Nhà trẻ của chúng ta không còn an toàn nữa rồi,” Roger nói. “Tôi sẽ phải lau khẩu súng etpigôn của gia đình... Điều đó làm tôi nhớ, Teddy, bé trai của tôi ơi: khi nào chúng tôi được nghe tiếng chuông đám cưới?”

Teddy đỏ mặt, và trở nên nghiêm nghị ngay tức thì. Cuộc đính hôn của anh ta với một cô gái trong Tổ Mĩ thuật là một chủ đề hài hước chuẩn mực nơi hãng phim.

“Thực sự thì,” anh nghiêm giọng bảo chúng tôi, “Mary và tôi đã nói về chuyện đó hồi tối qua. Chúng tôi đã đồng ý chờ một thời gian. Tôi muốn làm việc đến khi có công việc tốt hơn. Trong năm năm...”

“Năm năm!” Tôi quả bị sốc. “Nhưng Teddy, bất kì điều gì cũng có thể xảy đến trong năm năm. Giả sử có chiến tranh thì sao?”

“Cũng như nhau thôi,” Teddy đáp giọng dửng dưng. “Một thằng đàn ông phải có khả năng chu cấp một mái ấm đàng hoàng cho vợ hần.”

Teddy là như thế. Rõ ràng anh ta sẽ thực sự chờ đợi, nếu Mary cho phép. Anh ta là một chàng trai kiên định, vô cùng vững vàng. Tôi có thể thấy anh ta ở tuổi bốn mươi, năm mươi, sáu mươi, vẫn cứ như vậy. Anh ta dành dụm tiền, và chơi rugby vào chiều thứ Bảy hàng tuần. Mỗi tuần một lần, anh và Fred Murray đi xem Đấu vật hỗn hợp ở các nhà tắm hơi địa phương. Hai người họ đều là người hâm mộ nồng nhiệt, và bỏ nhiều thời gian bàn cãi về những phẩm tính của các đô vật mà hai người yêu thích, là Norman Đồ tể và Kim Ưng.

*Những đóa hoa hần đã tàn, và dù vậy*

*Một đóa em không quên được:*

*Violet chốn Prater.*

Đám thợ mộc vẫn còn làm cái cửa sổ. Bergmann vẫn ở dưới cầu thang trong buồng chiếu phim, nhìn vào các bản phim thô: những bản in phim quay hôm qua. Có lẽ chúng tôi sẽ chưa thể bắt đầu trong



ít nhất một giờ nữa. Tôi tự mình đi loanh quanh để xem chuyện gì đang xảy ra ở những trường quay khác.

Ở Trường quay số 1, họ đang dựng bối cảnh nhà hàng lớn của chúng tôi. Đây là cảnh cuối cùng của phim. Chính tại đây, theo phiên bản đã sửa lại của Chatsworth, Toni thực hiện đòn báo thù đối với Rudolf bằng cách vờ làm tình nhân của gã Nam tước Goldschrank khét tiếng. Gã Nam tước, một lão già ngưỡng mộ cô nàng, không thể chối từ cô nàng điều gì, và thực ra khá miễn cưỡng đồng ý giúp cô trong âm mưu này. Toni thực hiện pha lộ diện gây chấn động, trong vòng tay Nam tước, ở đầu cầu thang, trong ánh sáng chói lóa của những viên kim cương đi mượn. Rudolf cũng ở đó, nhảy dựng lên và đâm ngang miệng gã Nam tước. Một cuộc đấu tay đôi được xếp đặt, ngay lập tức; mặc cho tính nhút nhát của gã Nam tước và những lời phân trần bất thành. Gã Nam tước, với tư cách bên bị thương, sắp sửa thực hiện cú ra đòn đầu tiên, và Rudolf ra điều bộ anh hùng, khi Bá tước Rosanoff chạy ào đến và lao mình vào giữa hai người, kêu lên: “Giết tôi đi, nhưng đừng cả gan mà làm hại Bệ hạ!” Bởi lẽ người chú xảo quyệt đã bị lật đổ, Nhà vua thông tỏ mọi sự và gửi lời phúc lành, con đường mở ra cho Rudolf quay về Borodania với Toni là cô dâu của mình.

Ở thì dấu sao phần nhạc cũng khá hay. Ở Trường quay số 3, Eddie Kennedy đang đạo diễn phim *Mùng 10 là hôm trăng mật*. Ông ta là một gã mặt đỏ, năng động, với đôi mắt lồi và giọng nói khò khè, người chuyên về thể loại hoạt kê kiểu Mĩ, đầy những câu thoại cục súc và nông cạn. Trải qua một năm ở Hollywood, ông được xem là một chuyên gia. Và ông đảm bảo mình diễn tròn vai. Ông chỉ mặc mỗi áo sơ mi, nón đội đầu, và một chiếc xì gà dạng nhai lòi ra nơi khóe miệng lớn. Ông gọi các nam diễn viên là “nhóc” và nữ diễn viên là “bé” hay “cục cứng”. Ông làm việc rất nhanh, với thái độ quyết đoán ghê gớm, la hét, chửi rủa, hiếp đáp, và tạo không khí hài hước tích cực cho mọi người. Tôi đứng đó một hồi thật lâu, quan sát tay diễn viên hài ấy gắng sức cứu một quý bà mập mạp thoát khỏi cái bồn tắm Thổ Nhĩ Kỳ kiểu di động. Tay trợ lí đạo diễn kiêu hãnh bảo tôi rằng bộ phim sẽ đóng máy vào cuối tuần này, sớm năm ngày so với lịch trình.

Tôi trở về bối cảnh của chúng tôi, thấy Bergmann đã quay lại và Anita đã lên giường, nằm dưới một đồng đèn, đang chờ cú quay cận cảnh. Roger đang nói chuyện với Timmy, tay trang điểm, và Clark.

“Chào Chris,” Roger chào tôi. “Anita này kêu anh đấy.”

“Cô nàng kêu?”

“Bảo rằng cô ấy muốn anh vào đó và giữ cho cô ấy ấm áp. Cô ấy cô đơn.”

“Sao một trong các quý ngài bọn anh không làm ơn cho cô ta đi?”

“Tôi chẳng bận lòng,” Clark bảo. Cậu ta có ý đó thật. Cậu ta là một chàng trai mảnh khảnh dáng cao với đôi mắt của chồn sương và một cái miệng nhỏ đến khó ưa.

“Cô nàng kết hôn rồi, phải không?” Roger hỏi.

“Từng kết hôn,” Timmy nói, “với Oliver Gilchrist. Họ li dị rồi.”

“Tôi không trách anh ta. Sống với cô nàng như sống với quỷ ấy. Tôi biết kiểu người đó,” Roger nhại giọng. “‘Không phải giờ, cưng à. Em bị nhức đầu quá, và tóc em bị quăn.’ Rồi cô nàng nói với mấy cô bạn của mình: ‘Mọi đàn ông đều muốn cùng một thứ. Họ đúng là bọn cục súc.’”

Timmy đảo mắt, và hát, giọng thì thầm:

*Cũng như nhau thôi,  
Em cá là thế  
Anh không chơi khó được em:  
Violet chốn Prater.*

“Giờ thì mọi người sẵn sàng chưa?” Eliot hét lên, đưa mắt nhìn chúng tôi với vẻ chê trách. “Ta bắt đầu nào.”

Chúng tôi tản ra đến vị trí của mình.

Cú quay cận cảnh tốn gần hai giờ. Watts cứ om sòm luôn về chuyện đèn đóm. Máy quay thì kẹt. Anita bắt đầu hờn dỗi. Arthur Cromwell đang cáu. Anh ta có một cuộc hẹn. Sao họ không quay cảnh của anh ta trước tiên? (Nó thuộc cảnh cuối, khi cha của Toni về nhà muộn và thấy cô chưa về.) “Tôi nghĩ tôi có quyền được cân nhắc đến chứ,” anh ta bảo tôi, giọng rầu rĩ. “Xét ra thì tôi cũng là ngôi sao mười lăm năm nay rồi.”

Đang giữa cảnh quay thì Ashmeade ghé thăm chúng tôi, đi cùng ông Harris. Họ có nghe nói đến một nơi ở Essex mà chúng tôi có thể quay một số ngoại cảnh để lấy làm cảnh Prater. Chẳng phải Bergmann sẽ muốn xuống đó cùng Harris vào cuối tuần sau và dòm ngó nơi ấy?

Nhưng Bergmann là người kiên định. Ông nở nụ cười vừa vô cảm vừa tinh tế: “Một ngày Chủ nhật không có Harris chính là tín ngưỡng của tôi.”

Harris không thể buộc lòng lấy đó làm xúc phạm, thế là ông ta và Ashmeade đành phải bật cười; nhưng họ không hài lòng. Bergmann ghét Harris, và Harris biết thế. (Lúc nói chuyện riêng, Bergmann gọi ông ta là “kẻ bó buộc nghệ thuật”.) Ashmeade và Harris lui ra, lòng hoang mang.

Lúc 5 giờ, có tin đồn là chúng tôi sẽ phải làm thêm giờ. Người của công đoàn được trả tiền tăng ca, nhưng họ cảm râm, giống những người còn lại chúng tôi. Clark đặc biệt gay gắt; đây là cuộc hẹn hò thứ ba với cô bạn gái mà anh phải hủy. “Bộ phận của Eddie Kennedy,” anh than phiền, “chưa từng làm tăng ca kể từ lúc bộ phim bắt đầu. Cái ta cần là tổ chức quy củ hơn.” Teddy, người rất trung thành với Bergmann, thấy chuyện này đang đi quá xa. “Hài kịch hình thể là thứ khác,” anh chỉ ra. “Anh đâu thể đẩy gấp rút khi làm thứ cao cấp này. Nó phải mang chất nghệ thuật.”

Tôi đến chỗ điện thoại và quay số nhà mình.

“Alô.”

“Ồ, Christopher... Gọi thế này tức là con sẽ lại không về nhà ăn tối phải không?”

“Con e là thế.”

“Và nhà đang ăn bánh cá đó!”

Sau cảnh quay cận cảnh, là cảnh quay bám đối tượng, vốn sẽ cần thời giờ chuẩn bị. Giàn trượt, cái mà máy quay sẽ được đặt trở vào trước khi Toni di chuyển tới cửa sổ phòng ngủ, là thứ kiểu gì cũng phát ra những tiếng cọt két ồn ào, có thể lọt vào micrô. Nó phải được tra dầu và chạy thử. Roger và tôi ra chỗ lối thoát hiểm hỏa

hoạn để làm một điều thuốc. Lúc này trời khá tối, nhưng không lạnh. Tấm biển Bulldog điện tử rọi một thứ ánh sáng đỏ vào góc tòa nhà.

Roger đang có cảm giác ứ đọng.

“Tôi không hiểu sao mình lại bám vào việc này,” anh bảo tôi. “Lương thì ổn. Nhưng nó chẳng dẫn tới đâu cả... Tháng tới tôi ba mươi tư tuổi rồi. Biết tôi dành các buổi tối làm gì không, Chris? Thiết kế một con thuyền. Tôi đã tính toán hết thủy, thậm chí tính tới phần đồ đạc trong khoang thuyền nữa. Đóng một con thuyền cũng không tốn nhiều tiền. Tôi đã dành dụm được một ít.”

“Anh sẽ làm gì với nó?”

“Cứ giống thuyền đi thôi.”

“Ờ, sao anh không làm?”

“Tôi không biết... Nơi nào cũng như nhau hết, thật đấy. Tôi đã đi đây đó.”

“Anh chưa từng nghĩ chuyện kết hôn à?”

“Ờ, tôi cũng thử nghĩ chuyện đó. Lúc tôi còn bé... Cô ấy đã chết.”

“Tôi xin lỗi.”

“Nó chẳng phải điều tuyệt diệu ghê hồn gì đâu. Dù vậy cô ấy là cô gái tốt... Anh biết đó, đôi khi tôi tự hỏi toàn bộ chuyện này có ý nghĩa gì. Tại sao không kết thúc nó trong yên bình?”

“Tất cả chúng ta đều nghĩ thế. Nhưng chúng ta không làm vậy.”

“Chắc chắn anh không ngốc đến mức hình dung sẽ có gì sau đó chứ?”

“Có lẽ. Không, tôi cho là không... Tôi không nghĩ nó sẽ tạo nên nhiều khác biệt.”

Giờ thì chúng tôi đã tới bậc cuối. Roger đột nhiên rạng rỡ: “Anh biết cái gì là những thứ tuyệt nhất đời tôi không, Chris? Mấy cuộc lang chạ ngon lành bất thần xuất hiện.”

Và anh kể tôi nghe câu chuyện về một người đàn bà đã kết hôn mà anh từng gặp trong một khách sạn ở Burton-on-Trent.

Lúc 7 giờ 30 phút, một chàng trai từ căng tin mang trà và sandwich lên. Ăn cùng nhau như thế này dường như nâng tinh thần của cả nhóm. Anita đã xong cảnh phim của mình cùng một cận cảnh

khác, và đã về nhà; cô nàng có thể rất có tinh thần hợp tác nếu cảnh quay hợp với mình. Cảnh của Arthur Cromwell không chiếm nhiều thời lượng. Sau tất cả, chúng tôi sẽ xong xuôi lúc 9 giờ.

Lawrence Dwight từ phòng cắt phim đi ra để quan sát chúng tôi.

Anh ta đang cau có, như thường lệ, nhưng tôi có thể thấy rằng anh ta đang hài lòng về bản thân. Anh ta đã có một ngày tốt lành.

“Chào buổi tối, Ngài Bạc-thầy-Cắt-phim. Các khuôn hình sao rồi?”

“Các khuôn hình trông ngon lành hơn thứ các anh xứng đáng có,” Lawrence nói, “nếu xét đến cái mớ rác anh gửi cho chúng tôi. Tôi sẽ làm cho các anh một bộ phim nhỏ xinh xinh, mà các anh sẽ lãnh hết mọi công trạng.”

“Anh tử tế đến phát khiếp đấy.”

Bergmann đang đi đi lại lại trong nhà, như thường làm trước một cú quay. Ông đến ngay chỗ chúng tôi và đứng một đổi, nhìn khuôn mặt chúng tôi bằng đôi mắt lơ ngơ, phiền muộn, u tối. Đoạn ông bắt đầu xoay người và đi chỗ khác như đang bị thôi miên vậy.

“Tiếp nào, bây giờ,” Eliot hét. “Ta làm việc thôi. Chúng ta đâu có muốn ở đây nguyên đêm.”

“Anh ta đang lãng phí tài năng của mình,” Lawrence nói. “Thật là một cô công nữ lí tưởng!”

“Hết sức im lặng nào!”

Khoảng 9 giờ kém 10 phút, mọi sự xong hết. Chúng tôi đã quay khoảng sáu trăm thước phim. Phần việc bữa nay tương ứng bốn phút và ba mươi giây của bộ phim hoàn chỉnh.

“Anh tính làm gì tối nay?” Lawrence hỏi.

“Chẳng gì đặc biệt. Sao thế?”

“Ta đi xem phim đi.”

\*

“BÁC SĨ BERGMANN tội nghiệp,” mẹ tôi nói, khi tôi xuống nhà ăn sáng một buổi sáng nọ, vào giữa tháng Hai. “Mẹ e là ông ấy sẽ rất lo

lãng cho gia đình mình.”

“Mẹ nói vậy là sao?”

“Họ vẫn còn ở Vienna, phải không? Có vẻ ngay lúc này ở đó mọi thứ đang vô cùng rối ren.”

Tôi cầm tờ báo. Chữ “Nước Áo” từ các tí báo nhảy ra. Tôi kích động đến mức không đọc được cho đảng hoàng. Mắt tôi bắt lấy các mẫu câu, các tên riêng: “Ở Linz, sau cuộc giao tranh dữ dội... Fey... Starhemberg... thiết quân luật... hàng trăm vụ bắt bớ... tổng đình công thất bại... Các công nhân Vienna vây quanh... đi săn lũ linh cầu cánh tả, Dollfuss tuyên bố...”

Tôi thả tờ báo, chạy vào phòng lớn, và quay số Bergmann. Giọng ông ta trả lời ngay khi chuông bắt đầu reo. “Alô, vâng...”

“Alô, Friedrich à.”

“Ồ... Chào Christopher.” Ông nghe có vẻ mệt mỏi và thất vọng. Rõ ràng rồi, ông đang chờ cuộc gọi khác.

“Friedrich, tôi vừa đọc tin tức...”

“Vâng.” Giọng ông không biểu lộ điều gì.

“Tôi có thể giúp gì được không?”

“Chúng ta không thể làm bất kỳ điều gì, con ta à.”

“Ông có muốn tôi ghé qua?”

Bergmann thở dài. “Được lắm. Vâng. Nếu anh muốn.”

Tôi gác máy và gọi taxi. Trong lúc chờ xe, tôi vội vàng nuốt chút bữa sáng. Mẹ và Richard nhìn tôi trong im lặng. Bergmann đã trở thành một phần của đời họ, mặc dù họ mới gặp ông có một lần, chỉ vài phút, vào hôm mà ông đến nhà kiểm tôi. Đây là một cuộc khủng hoảng gia đình.

Bergmann đang ngồi ở phòng khách lúc tôi đến, đối diện cái điện thoại, hai tay ông chống đỡ cái đầu. Tôi thấy sốc trước diện mạo của ông. Ông trông hết sức mệt mỏi và già nua.

“*Servus*,” ông nói. Ông không ngược mắt lên. Tôi thấy ông đã khóc.

Tôi ngồi xuống cạnh ông và choàng tay qua ông. “Friedrich... Ông đừng lo. Họ sẽ ổn cả thôi.”

“Tôi đã tìm cách nói chuyện với họ.” Bergmann bảo tôi, giọng mệt lử. “Nhưng không thể được. Không liên lạc được. Vừa mới nãy tôi gửi điện tín. Nó sẽ trễ nhiều giờ. Nhiều ngày, có lẽ vậy.”

“Tôi chắc chắn họ sẽ ổn cả thôi. Xét ra thì Vienna là thành phố lớn. Cuộc giao tranh xảy ra ở những khu cục bộ, báo chí nói vậy. Có lẽ nó sẽ không kéo dài lâu.”

Bergmann lắc đầu: “Đây chỉ mới là khởi điểm. Giờ thì chuyện gì cũng có thể xảy đến. Hitler đã có thời cơ của hắn. Sau vài giờ nữa, có thể có chiến tranh.”

“Hắn sẽ không dám thế. Mussolini sẽ ngăn hắn. Ông không đọc những gì phóng viên tờ *Times* ở Roma viết về...?”

Nhưng ông không nghe thấy tôi. Toàn bộ thân người ông đang run lên. Ông bắt đầu khóc, trong vô vọng, dùng đôi tay che mặt mình lại. Sau một hồi, ông thở hắt ra: “Tôi rất sợ...”

“Friedrich, đừng. Xin đừng.”

Sau một lúc, ông hồi phục được đôi chút. Ông ngẩng lên. Ông đứng dậy, và bắt đầu đi quanh phòng. Có một quãng im lặng dài.

“Nếu tới tối nay tôi không nghe thấy tin tức gì,” ông nói với tôi, một cách đột ngột, “thì tôi phải tới chỗ họ.”

“Nhưng, Friedrich...”

“Tôi còn làm được gì khác chứ? Tôi không có lựa chọn.”

“Ông sẽ không giúp họ được đâu.”

Bergmann thở dài: “Anh không hiểu. Làm sao tôi có thể để họ một mình vào lúc thế này? Họ đã chịu đựng quá nhiều rồi... Anh rất tốt bụng, Christopher. Anh là người bạn duy nhất của tôi ở đất nước này. Nhưng anh không hiểu được đâu. Anh luôn được an toàn và được che chở. Mái ấm của anh chưa từng bị đe dọa. Anh không thể biết được cảm giác khi làm một kẻ lưu vong, một kẻ lạ muôn đời... Tôi cực kì hổ thẹn trước việc mình đang ở đây, trong cảnh an toàn.”

“Nhưng họ sẽ không muốn ông ở cùng họ. Ông không nhận ra rằng, họ hẳn thấy mừng khi ông an toàn? Ông thậm chí có thể gây phương hại cho họ. Xét ra, nhiều người hẳn đã biết về chính kiến của ông. Ông có thể bị bắt.”

Bergmann nhún vai: “Toàn bộ chuyện đó không hề gì. Anh không hiểu được đâu.”

“Bên cạnh đó,” tôi nói tiếp mà lòng thiếu xét đoán, “họ sẽ không muốn ông rời bỏ bộ phim.”

Toàn bộ cơn buồn lo dồn nén của Bergmann kịch phát: “Bộ phim! Tôi ị vào bộ phim đó! Thứ bần thiêu vô tâm! Thứ trá ngụy tồi tàn! Làm một bộ phim như vậy vào lúc thế này dứt khoát là điều vô tâm. Nó là tội ác. Nó dứt khoát là thứ trợ lực cho đám Dollfuss, và Starhemberg, và Fey cùng thảy mọi băng đảng của chúng. Nó che đậy nỗi nhức nhối dơ bẩn của bệnh giang mai bằng những chiếc lá hồng, bằng những cánh hoa violet ngụy thiện phản động. Nó dối trá và tuyên bố rằng con sông Danube xinh đẹp có màu lam, khi mà nước sông đã đỏ một màu máu... Tôi bị trừng phạt bởi đã phụ trợ cho sự dối trá này. Tất cả chúng ta đều sẽ bị trừng phạt...”

Điện thoại reo. Bergmann tóm lấy nó. “Vâng, alô. Vâng...” Mặt ông tối sầm. “Hãng phim gọi,” ông bảo tôi. “Anh nói chuyện với họ đi.”

“Alô, anh Isherwood à?” Giọng nói của viên thư kí của Chatsworth, rất rạng rỡ. “Ôi trời, sáng nay anh dậy sớm thế! Ờ, thật tuyệt - bởi ông Harris có chút lo âu. Ông ấy không chắc về một số chi tiết ở bối cảnh tiếp theo. Có lẽ các anh có thể tới sớm chút và bàn bạc một số chuyện trước khi bắt đầu làm việc nhỉ?”

Tôi dùng tay bịt ống nghe. “Ông có muốn tôi bảo họ là ông không khỏe?” Tôi hỏi Bergmann.

“Chờ tí... Khoan... Không. Đừng nói thế.” Ông thở dài thườn thượt. “Ta phải đi thôi.”

Bữa nay là một ngày tồi tệ. Bergmann trải qua ngày này mà người cứ ngơ ngơ ngẩn ngẩn, và tôi nhìn ông lòng buồn lo, sợ một cơn bệt phát nữa. Trong lúc quay, ông ngồi như một bù nhìn, dường như không quan tâm chuyện gì xảy ra. Trừ khi Roger hay người quay phim bảo “Không”, cảnh quay sẽ được in; và chúng tôi cứ đều đều làm tiếp cảnh kế.

Mọi người trong nhóm có phản ứng trước tâm trạng của ông. Anita gầy rối. Cromwell diễn quá trớn, Eliot nặng xì theo kiểu ngốc nghếch, mấy tay thợ điện thì biếng nhác. Ông Watts phí thời giờ cho



mấy cái đèn. Chỉ Roger và Teddy làm việc hiệu quả, thầm lặng và chu đáo. Tôi đã tìm cách giải thích cho họ hiểu Bergmann đang có cảm giác thế nào. Lời bình duy nhất của Teddy là, “Thật xúi quẩy”. Nhưng anh ta có ý thế thật.

Buổi tối, ngay khi chúng tôi sắp xong việc, một bức điện tín từ Vienna tới: “Đừng ngớ ngẩn, Friedrich thân yêu. Anh biết báo chí hay phóng đại ra sao mà. Inge vẫn đang trong kì nghỉ trên núi với bạn. Em vừa làm cái bánh. Mẹ bảo nó ngon lắm và gửi lời yêu thương. Hôn anh nhiều.”

Bergmann đưa nó cho tôi xem, mỉm cười, cùng những giọt nước mắt. “Bà ấy thật tuyệt,” ông bảo. “Rõ là tuyệt.”

Nhưng giờ nổi phiền muộn cá nhân ông nhường lối cho cơn buồn lo và tức giận về chính trị, vốn tăng lên từng ngày. Suốt ngày thứ Ba và thứ Tư, cuộc tranh đấu cứ tiếp diễn. Không theo trật tự rõ rệt nào, không ai lãnh đạo, bị chia tách và cô lập thành những nhóm nhỏ, các công nhân tiếp tục chiến đấu. Họ còn có thể làm gì khác? Nhà họ, những khu chung cư lớn hiện đại, được cả châu Âu nể phục như công trình kiến trúc đầu tiên của một thế giới mới và tốt đẹp hơn, giờ đây được cánh báo chí miêu tả là “những pháo đài đỏ”; và pháo binh chính quyền bắn họ tan thành từng mảnh. Giới lãnh đạo cánh tả sợ hãi tình thế cấp bách này, đã chu cấp nhiều kho súng đạn bí mật; nhưng giờ tất cả nhà lãnh đạo đều bị bắt, hoặc đang trốn. Không ai biết vũ khí được chôn nơi đâu. Trong vô vọng, người ta đào xới các khoảnh sân và các tầng hầm, và không tìm thấy gì. Dollfus dùng trà cùng Sứ thần Tòa thánh. Starhemberg thấy bốn mươi hai xác chết phơi ra trong tòa nhà Goethehof bị chiếm giữ, và bình luận: “Quá ít ỏi!” Berlin nhìn vào, thỏa lòng thỏa dạ. Toán kẻ thù khác đang bị tiêu diệt; và đôi bàn tay Hitler vẫn sạch sẽ.

Bergmann hăm hở nghe mọi tin được loan phát, mua mọi ấn bản đặc biệt. Trong suốt hai ngày đầu tiên này, lúc công nhân hãy còn cầm cự, tôi biết ông đang hi vọng hão huyền. Có lẽ cuộc giao tranh đường phố sẽ phát triển thành một cuộc cách mạng. Có lẽ giới Lao động quốc tế sẽ buộc các cường quốc can thiệp. Chỉ có một cơ may nhỏ nhoi - một phần một triệu. Và rồi chẳng có cơ may nào cả.

Bergmann phát phần trong cơn tuyệt vọng. Ông muốn biên thư cho cánh báo chí bảo thủ, phản đối cái giọng trung lập có chủ tâm của họ. Những bức thư được viết ra, nhưng tôi phải thuyết phục ông đừng gửi chúng. Ông không có luận cứ nào. Các tờ báo đang cực kì công bình, theo chuẩn mực của riêng họ. Các vị đâu thể mong chờ điều gì khác.

Tới đầu tuần tiếp theo, mọi sự chấm dứt, ngoại trừ đòn trả thù của chính quyền đối với tù nhân của họ. Các khu chung cư của công nhân bị buộc phải treo cờ trắng. Chung cư Engels Hof bị đổi tên thành Dollfuss Hof. Toàn bộ nam giới trên mười tám mà đến từ chung cư Schlinger Hof đều ở trong tù, bao gồm người bệnh và người tàn tật. Nạn khủng bố được tiết chế, bởi một luật mới đã chấm dứt việc cấp tiền thất nghiệp cho những ai bị bắt. Trong lúc đó, Phu nhân Dollfuss đi quanh các gia đình công nhân, phát bánh. Dollfuss buồn một cách chân thành: “Tôi hi vọng máu chảy trên vùng đất chúng ta sẽ làm người dân sáng mắt ra.”

Những trung tâm phản kháng khác, ở Graz, Steuer và Linz, thầy đều bị nghiền nát. Bauer, Deutsch và nhiều người khác tháo chạy sang Tiệp Khắc. Wallisch sau khi bị bắt gần biên cương, đã bị treo cổ ở Loeben, trong một khoảnh sân đèn sáng rực, đồng thời các bạn tù cánh tả của ông nhìn vào. “Tự do muôn năm!” Ông la lên. Tay đao phủ và những trợ lí của hắn đã đẩy ông ra khỏi giá treo và giữ chặt đôi chân ông đến khi ông nghệt thở.

\*

BERGMANN ngồi trên chiếc ghế đối diện bối cảnh, vẻ dễ sợ và thình lạng, như một vong hồn đi trách tội. Một sáng nọ, Eliot liều hỏi ông chuyện ông thấy cảnh quay kia ra sao.

“Tôi yêu cảnh quay đó,” Bergmann bảo anh ta, vẻ man rợ. “Tôi yêu cú quay đó. Nó ghê rợn không sao nói nên lời. Nó là cực độ của sự bản thủ. Suốt đời mình tôi chưa từng thấy thứ gì ngu ngốc đến thế.”

“Ông muốn quay nó lại chứ, thưa ông?”

“Vâng, đương nhiên rồi. Ta hãy quay lại. Chắc là ta có thể đạt được thứ tồi hơn nữa. Tôi ngờ lắm. Nhưng ta hãy thử.”

Eliot cười vẻ lo sợ, cố gắng xem chuyện này như một trò đùa.

“Thế sao?” Bergmann đột nhiên chỉ trích anh ta. “Anh thấy chuyện này vui à? Anh không tin tôi à? Được lắm - để tôi xem anh tự mình đạo diễn cảnh này.”

Eliot trông sợ hãi. “Tôi không thể làm chuyện đó, thưa ông.”

“Ý anh là anh từ chối làm chuyện đó? Anh nhất định từ chối? Đó là ý anh muốn nói?”

“Không, thưa ông. Dĩ nhiên không. Nhưng...”

“Anh thích tôi đi nhờ Dorothy đạo diễn cảnh này à?”

“Không...” Eliot, chàng trai tội nghiệp, gần như sắp khóc.

“Vậy thì tuân theo tôi!” Bergmann quát anh ta. “Hãy làm những gì tôi ra lệnh!”

Suốt tuần đó, ông dường như bị quỷ nhập. Ông tìm cách gây lộn với mọi người, thậm chí với cả người trung thành như Teddy và Roger. Chúng tôi chuyển sang một bối cảnh khác nhỏ hơn - một căn phòng trong cung điện Borodania. Harris có mặt lúc Bergmann thăm xét bối cảnh này. Tôi biết sẽ có rắc rối xảy ra.

Bergmann tìm ra lỗi ở mọi thứ. “Ờ cái *chuồng ngựa* nào,” ông hỏi Harris, “mà anh có mấy tấm màn này?” Rồi ông phát hiện một trong số các cánh cửa không mở được.

“Xin lỗi, thưa ông,” người thợ mộc giải thích, “chúng tôi không nhận được lệnh là nó phải được làm giống thực tế.”

Bergmann tức tối thờ phì phò. Ông đi lên chỗ cánh cửa và cho nó một cú đá mạnh bạo. Chúng tôi nhìn, tự hỏi điều gì đang xảy ra. Đột nhiên, ông quay ngoắt sang chúng tôi.

“Và các anh đứng hết ở đó,” ông hét, “tươi cười vào mặt tôi như mấy con khỉ cứng đầu, bại hoại.”

Ông ào ra. Chúng tôi tránh ánh nhìn của nhau. Thật nực cười, dĩ nhiên rồi. Nhưng cơn chấn nộ của Bergmann quá chân thật, và vì lẽ nào đó mà thật xúc động, đến mức không ai muốn bật cười.

Một khắc sau, cái đầu bù xù của ông thò vào trong cửa sổ của bối cảnh, như một gã Punch tức tối.

“Không!” Ông gào. “Không phải mấy con khi! Là mấy con lừa!”

Có lẽ điều đáng ra tốt hơn cả là hét lại vào mặt ông ta, cho ông có được một trận cãi cọ giải tỏa lòng mình. Nhưng không ai trong số chúng tôi làm điều ấy. Có người lấy làm thương hại ông, có người hờn dỗi và thấy bị xúc phạm, có người thấy ngượng, có người thấy sợ. Tôi hơi sợ ông, chính tôi đấy. Số khác cho rằng tôi có thể lo liệu được cho ông; nhưng họ nghĩ sai hết sức. “Anh nói chuyện với ông ta đi, Chris,” Teddy bảo tôi thế. Và ngay lập tức anh nói thêm, với sự thấu hiểu đáng ngạc nhiên: “Nói với ông ta bằng tiếng Đức đi. Như thế sẽ khiến ông ta thấy giống ở nhà hơn.”

Nhưng tôi phải nói gì đây? Cố gắng bào chữa cho những cơn bột phát của Bergmann với chính ông chỉ khiến cho mọi thứ thêm tệ. Tôi biết chỉ năm phút sau ông sẽ xấu hổ vì những cơn bột phát này. Tôi chỉ tránh cơn phẫn nộ của ông bằng cách giữ mình ở thật gần ông. Dù ông hiếm khi chú ý tới tôi, nhưng ông cần sự hiện diện của tôi, như một người đàn ông cô đơn cần con chó của mình vậy. Tôi chẳng thể giúp gì, ngoại trừ duy trì mối tiếp xúc giữa chúng tôi.

Tôi ở cùng ông gần như mọi buổi tối, đến khi ông mỏi mệt phải đi ngủ và nằm bất động. Tôi không nghĩ ông ngủ nhiều. Lẽ ra tôi nên đề nghị ở qua đêm trên trường kỉ trong phòng khách của ông, nhưng tôi biết ông sẽ bực tức trước đề nghị đó. Tôi không thể đối xử với ông như một kẻ tật nguyền.

Tối nọ, trong lúc chúng tôi đang ăn tối ở một nhà hàng, một người đàn ông tên Patterson xuất hiện ở bàn chúng tôi. Hắn là kí giả, phụ trách cột mạn đàm điện ảnh cho một tờ nhật báo, và dành phần lớn thời giờ đi săn tin tức quanh các hãng phim. Hắn đã ghé chỗ bộ phận chúng tôi một, hai lần trước đó, để nói chuyện với Anita. Hắn là một người mặt dày, ngu ngốc, hồ hởi, người có tính tò mò không biết đâu là hạn độ; thực tế thì hắn rất phù hợp với việc làm của hắn.

“À thì, ông Bergmann,” hắn bắt đầu giọng thành tâm, bằng trực giác chết người của một kẻ sống sượng hết sức, “ông nghĩ gì về nước Áo?”

Tim tôi thất lại. Tôi yếu ớt cố gắng gây gián đoạn và thay đổi chủ đề. Nhưng chuyện đã quá trễ. Bergmann cứng đờ người. Đôi mắt ông lóe lên. Ông cúi đầu tới trước qua bên kia bàn, với vẻ muốn kết tội.

“Anh nghĩ gì về nước Áo hả, anh Patterson?”

Tay kí giả khá chững hững, như hầu hết bọn họ, khi bạn đặt câu hỏi cho họ. “Ờ, thực ra, tôi... Nơi ấy tồi tệ, dĩ nhiên...”

Bergmann thu hết bình sinh, và xông thẳng tới tay kí giả như một con rắn. “Tôi sẽ cho anh biết anh nghĩ gì. Anh chẳng nghĩ gì sất. Chẳng có cái gì sất.”

Patterson chớp mắt. Nhưng hấn quá ngu để có thể nhận ra rằng tốt hơn nên bỏ chủ đề này. “Dĩ nhiên,” hấn nói, “tôi không giả vờ biết nhiều thứ về chính trị, nhưng...”

“Chuyện này không liên quan gì đến chính trị. Chuyện này có liên quan đến những người đàn ông và đàn bà chất phác. Không liên quan đến đám nữ diễn viên và đám gái điếm hờ hênh. Không liên quan đến mấy tấm phim. Không liên quan đến chuyện tự lãng xê. Mà đến đám người trần mắt thịt. Và anh không nghĩ gì về việc ấy. Anh chẳng quan tâm con mẹ gì cả.”

Thậm chí lúc này Patterson cũng không thực sự thấy hoảng. “Xét cho cùng, ông Bergmann à,” hấn nói giọng bao che, với nụ cười vô ý tứ, kiểu chòng ghẹo, ngớ ngẩn, “ông phải nhớ cho, đây không phải chuyện của chúng tôi. Ý tôi là ông thực sự đâu thể mong chờ người dân ở nước Anh quan tâm đến...”

Bergmann đấm xuống bàn, đến mức dao nĩa rung lên. Mặt ông chuyển màu đỏ tươi. Ông hét: “Tôi mong chờ mọi người quan tâm đấy! Những ai không hèn nhát, không ngu xuẩn, không có kiểu cách dơ bẩn! Tôi mong chờ nguyên cái hòn đảo chó chết này quan tâm đấy! Tôi sẽ cho anh biết một điều: nếu họ không quan tâm, họ sẽ bị buộc phải quan tâm. Toàn bộ đám các người. Các người sẽ bị đánh bom, bị tàn sát và bị xâm lược. Các người biết tôi sẽ làm gì chứ? Tôi sẽ ngồi kế bên, hút xì gà và cười phá lên. Và tôi sẽ bảo: ‘Vâng, nơi này tồi tệ; và tôi cóc quan tâm. Cóc quan tâm.’”

Patterson rút cuộc trông có chút sợ hãi.

“Đừng hiểu lầm tôi, ông Bergmann,” hắn nói, giọng hối hả. “Tôi hết sức đồng ý với ông. Tôi hoàn toàn ở về phía ông. Ồ, vâng... Chúng tôi thiếu quan tâm tới người khác, và đó là một thực tế... Ờ, tôi phải vọt đi đây. Thật mừng khi gặp ông. Hôm nào đấy ta sẽ có một buổi nói chuyện tử tế nhé... Tạm biệt.”

Chúng tôi còn một mình. Bergmann vẫn đang bốc khói. Ông thờ dửng dưng, nhìn tôi qua khoeé mắt. Tôi biết ông đang chờ tôi đưa ra câu bình luận.

Và tôi không thể. Đêm đó, vốn chưa từng như thế trước đây, tôi thấy cảm xúc mình bị rút kiệt. Những đòi hỏi thường trực, khắc nghiệt nơi Bergmann có vẻ đã rút cạn phần ứng cuối cùng trong tôi. Tôi không còn biết mình cảm thấy sao nữa - chỉ biết tôi có nghĩa vụ phải cảm thấy sao. Cảm xúc duy nhất của tôi, như luôn luôn ở những lúc thế này, là cơn phẫn nộ yếu ớt chống cả hai phía; chống Bergmann, chống Patterson, và chống bản thân tôi. “Tại sao họ không thể để tôi một mình?” Tôi thốt lên phẫn uất. Nhưng kẻ nghĩ đến điều này lại là cả Patterson lẫn Bergmann, người Anh lẫn người Áo, kẻ ở đảo và kẻ ở lục địa. Nó bị chia cắt, và oán ghét sự chia cắt ấy.

Có lẽ tôi đã đi đây đó quá nhiều, để tâm tư mình ở quá nhiều nơi. Tôi biết mình có nghĩa vụ cảm thấy gì, cái gì là thứ hợp mốt cho thế hệ tôi cảm nhận. Chúng tôi quan tâm đến mọi thứ: tệ phát xít ở Đức và Ý, việc chiếm cứ Mãn Châu, chủ nghĩa quốc gia của Ấn Độ, vấn đề của người Ireland, giới công nhân, người da đen, người Do Thái. Chúng tôi đã lan tỏa những xúc cảm của mình ra khắp thế giới; và tôi biết rằng xúc cảm của mình được lan tỏa rất nhạt nhòa. Tôi quan tâm - ờ phải, tôi chắc chắn có quan tâm - đến giới cánh tả ở Áo. Nhưng liệu tôi có quan tâm nhiều như vẫn nói, như tôi tìm cách tưởng tượng là có quan tâm? Không, gần như không nhiều như vậy. Tôi thấy tức giận Patterson; nhưng ít nhất hắn ta thật lòng. Chuyện quan tâm có dụng ích gì, nếu bạn không sẵn sàng hiến dâng đời mình, để chết? Ờ, có lẽ nó có chút dụng ích. Rất rất ít.

Bergmann hắn biết điều tôi đang nghĩ. Sau quãng im lặng dài, ông nói, giọng ân cần và nhẹ nhàng: “Anh mệt rồi, con ta. Đi ngủ thôi.”

Chúng tôi chia tay nhau ở cửa nhà hàng. Tôi nhìn ông đi dọc con phố, đầu ông chìm trong suy tư, đến khi ông lạc mình trong đám đông.

Tôi biết mình đã phụ lòng ông. Nhưng tôi đâu thể làm gì hơn. Chuyện này ngoài tầm sức lực tôi.

Đêm đó, tôi nghĩ, ông đã khám phá ra được những tầng sâu thăm thẳm cùng tận trong nỗi cô đơn của mình.

\*

SÁNG HÔM SAU, Ashmeade đến phim trường. Tôi tự hỏi tại sao. Anh ta dường như không có nhiệm vụ gì đặc biệt. Anh ta gật đầu với Bergmann, nhưng không kéo ông vào nói chuyện. Anh ta đứng nhìn một lúc, với một nụ cười thoáng qua bí ẩn trên đôi môi.

Hiện thời, Bergmann đi tới góc nọ, nói chuyện với Dorothy. Đây hẳn là điều Ashmeade đang đợi chờ. Anh ta xoay sang tôi.

“Ồ, Isherwood, anh có cho tôi được một phút thời giờ quý báu của anh không?”

Chúng tôi cùng nhau rảo bước ra chỗ khác, hướng đến góc kia của phim trường.

“Anh biết đó,” Ashmeade bảo tôi, bằng giọng siểm nịnh, dịu dàng, “Chatsworth rất hàm ơn anh. Thực sự thì tất cả chúng tôi đều vậy.”

“Ồ, thật sao?” Tôi cẩn trọng, phần nào ngờ vực lối mở màn này.

“Chúng tôi nhận ra,” Ashmeade chọn từng từ một, mỉm cười, như thể nó nghe hay lắm, “rằng anh đang ở tình thế khá khó khăn. Tôi nghĩ anh đã tỏ rõ bản thân có tài xử trí và lòng kiên nhẫn vô cùng. Chúng tôi cảm kích điều đó.”

“Tôi e là mình không hiểu,” tôi nói. Tôi biết chính xác lúc này anh ta đang lái chuyện đi đâu. Và anh ta biết là tôi biết. Anh ta đang tận hưởng trò chơi bé nhỏ này thôi.

“Ồ, tôi sẽ nói thẳng cho anh hay. Dĩ nhiên là chỉ giữa đôi ta thôi nhé... Chatsworth đang đâm lo lắng. Ông ấy đơn giản là không hiểu nổi thái độ của Bergmann.”

“Tệ hại thật!” Giọng tôi cáu kỉnh cực kì. Ashmeade cho tôi thấy một trong những vết mặt bất cần của anh ta.

“Ai cũng than phiền ông ấy,” anh ta nói tiếp, giọng trở nên tự tin. “Anita đã nói chuyện với chúng tôi hôm qua. Cô ấy muốn được giải phóng khỏi bộ phim này. Chúng tôi không đồng ý chuyện đó, dĩ nhiên rồi. Nhưng anh đâu thể trách cô nàng. Xét cho cùng, cô ta là ngôi sao lớn mà. Bergmann đối xử cô ấy giống như một diễn viên quen... Mà đâu chỉ Anita. Harris cũng cảm thấy y vậy. Watts cũng thế. Họ sẵn sàng chịu đựng tính khí thất thường của một đạo diễn. Nhưng cũng có giới hạn chứ.”

Tôi không nói gì. Tôi ghét chuyện phải đồng ý với Ashmeade.

“Hai người vẫn còn là bạn thân tình với nhau, phải không?” Câu nói nghe như một lời kết tội trên đũa.

“Thân hơn bao giờ hết,” tôi bảo anh ta, giọng thách thức.

“Ờ, anh không thể cho chúng tôi biết chút gì về chuyện xảy ra với ông ấy sao? Ông ấy ở đây không vui à? Sao lại có ác cảm với chúng tôi thế?”

“Chẳng có gì... Khó giải thích lắm... Anh biết ông ấy đang lo lắng về gia đình mình...”

“Ồ phải, chuyện này ở Áo... Nhưng vụ đó giờ đã xong hết rồi, phải không?”

“Trái lại đấy. Nó có lẽ vừa mới khởi đầu thôi.”

“Nhưng ý tôi là, trận chiến đã dừng lại. Và gia đình ông ấy an toàn. Ông ấy còn muốn gì nữa?”

“Này, Ashmeade,” tôi nói. “Không ích gì khi chúng ta nói về chuyện này đâu. Anh không tài nào hiểu được... Anh muốn bộ phim hoàn thành. Tôi hiểu chuyện đó. Chỉ cần kiên nhẫn, một tí. Ông ta sẽ tỉnh lại thôi.”

“Tôi hi vọng anh đúng,” Ashmeade trao cho tôi một nụ cười gượng đũa bởn. “Vụ này đang làm hãng phim tốn nhiều tiền.”

“Ông ta sẽ tỉnh lại thôi,” tôi lặp lại, giọng tự tin. “Anh sẽ thấy. Tôi đoán chắc chuyện này rồi sẽ ổn cả.”



Nhưng tôi không chắc thế. Tôi thậm chí không có hi vọng. Và Ashmeade biết vậy.

\*

TÔI KHÔNG BIẾT chính xác toàn bộ sự việc này khởi đầu ra sao. Hai ngày sau đó, tôi nghe lóm Joyce nói gì đó với Clark về Eddie Kennedy. Chuyện đó chẳng gây ấn tượng gì cho tôi nếu họ không ngừng nói và trông có vẻ mắc tội lẫn thoảng chút vui sướng khi tôi xuất hiện.

Nhiều lần trong buổi sáng đó, tôi nghe thấy tên Kennedy. Fred Murray nói tên đó. Roger đề cập tên đó khi trò chuyện với Timmy. Thái tử Rudolf rì rầm tên đó với Bá tước Rosanoff, lúc họ chờ diễn tập một cảnh phim. Họ liếc mắt về phía Bergmann, và khuôn mặt họ đã để lộ một niềm thỏa ý kín đáo.

Đoạn, trong lúc chúng tôi đang cùng nhau ở trong buồng âm thanh, Roger nói với tôi: “Tôi cho là anh đã nghe nói đến rồi? Eddie Kennedy sáng này có nhìn qua các bản phim nháp của ta.”

Trong một lúc, tôi không hiểu anh ta ý muốn nói gì.

“Ngộ đó,” tôi nói. “Chính tôi ở trong phòng chiếu mà. Tôi đâu thấy anh ta.”

Roger mỉm cười: “Dĩ nhiên anh không thấy. Sau đó anh ta mới xem chúng mà. Sau khi anh và Bergmann đi khỏi.”

“Tôi tự hỏi tại sao?”

Roger liếc nhìn tôi, như thể anh ta tưởng chắc là tôi đang vờ ngây thơ. “Chỉ có một lời giải thích duy nhất, Chris. Tự nghĩ ra đi.”

“Ý anh là - họ sẽ giao anh ta phụ trách bộ phim này?”

“Tôi không thấy còn lời giải thích nào khác.”

“Trời...”

“Anh có nghĩ là Bergmann biết không?” Roger hỏi.

Tôi lắc đầu. “Biết thì ông ta đã kể với tôi.”

“Chúa hỡi ôi, Chris, đừng bảo ông ta là tôi kể anh chuyện này đó.”

“Anh cho là tôi muốn nói về chuyện này?”

“Tôi thấy buồn cho Bergmann,” Roger nói, giọng sâu lắng. “Ông ấy đã gặp vận rủi ở nơi này. Tôi không quan tâm chuyện đôi khi ông ấy có làm ồn ào. Ông ấy là một kẻ lão luyện đứng đắn... Tôi ước gì chuyện này không phải xảy đến. Ngoài ra, Eddie đạo diễn phim này chẳng hơn gì một con bò say mèm.”

Một ý tưởng hèn nhát của tôi là: Bergmann phải nghe thấy điều này từ người khác, và không phải lúc tôi ở quanh đó. Vào bữa trưa, tôi tìm cách chuồn đi; nhưng ông ta cứ trông chừng tôi. “Đến đây,” ông ta nói, “ta sẽ ăn ở khách sạn.” Đây chính xác là điều tôi đã sợ.

Chắc chắn là tay Kennedy ở đó, ngồi cùng Ashmeade. Họ đang mài mê trò chuyện. Kennedy có vẻ đang thảo ra một kế hoạch nào đó. Hắn đã sắp dao, nĩa và muỗng thành một hình vuông, và đang minh họa một thứ gì đó bằng các hũ tiêu. Cả hai người họ đều không để ý gì tới chúng tôi; nhưng khi chúng tôi đi ngang, Ashmeade nhìn Kennedy và phá lên cười siểm nịnh, thân tình. Nhiều đạo diễn và giám đốc điều hành khác của Bulldog nhìn chúng tôi với vẻ hiếu kì. Tôi có thể cảm thấy ánh mắt họ dõi theo lưng chúng tôi.

Trong bữa ăn, Bergmann trầm tư và đầy tâm trạng. Chúng tôi hiếm khi nói chuyện. Tôi buộc bản thân phải ăn. Tôi cảm thấy như thể mình sắp nôn ra. Tôi có nên kể ông biết? Không, tôi đâu thể. Tôi chờ điều gì đó xảy ra.

Chúng tôi ăn gần xong thì Patterson, tay kí giả, bước vào.

Hắn chào mọi người, dừng lại ở từng nhóm để đùa vui và nói đôi ba câu gì đó; nhưng bằng trực giác tôi biết rằng hắn đang tiến tới bàn chúng tôi. Tôi thấy khuôn mặt hắn như thể bùng tỏa ác ý của một gã ngu ngốc nghĩ rằng mình sắp sửa ghi điểm.

“Chà, chà, ông Bergmann,” hắn bắt đầu, ngồi xuống dù không được mời. “Toàn bộ chuyện mà tôi nghe được là gì đây? Chuyện đó có thật sao?”

“Cái gì thật?” Bergmann nhìn hắn với vẻ chán ngán.

“Về bộ phim ấy. Ông thực sự buông nó ra à?”

“Buông?”

“Rút lui. Bỏ cuộc ấy.”

Trong một lúc, có vẻ như Bergmann vẫn chưa hiểu ý hắn. Rồi ông dẫn giọng: “Ai bảo anh vụ này?”

“Ồ, ờ, ông biết đó,” Patterson có vẻ rụt rè một cách ác ý, “tin đồn kiểu này này cứ lan khắp nơi.” Hắn tò mò quan sát khuôn mặt Bergmann. Rồi hắn xoay sang tôi, phô bày vẻ lo âu mà chẳng làm ai tin nổi. “Chắc là, tôi hi vọng mình không lỡ nói bậy gì?”

“Tôi không bao giờ quan tâm nhiều đến mấy chuyện phiếm ở hãng phim,” tôi thờ ơ đáp, lòng thống khổ trước nỗi ngỡ ngàng ngùng của bản thân.

Bergmann quay sang tôi, nói khá dữ tợn: “Anh cũng có nghe nói vụ này à?”

“Hắn là có nhằm lẫn gì rồi, dĩ nhiên,” Patterson giờ tỏ vẻ ác ý công khai, “nếu ông không biết gì về vụ này, ông Bergmann... Dù vậy, vụ này ngộ đấy. Tôi lấy tin từ các sếp lớn mà. Tin này chắc chắn nghe có vẻ xác thực. Eddie Kennedy được nhắc đến...”

“Ồ, chắc tin đồn chỉ đến thế thôi (trong cơn tuyệt vọng tôi tìm cách cho Bergmann một cơ hội giả vờ như ông đã biết vụ này rồi.) Vụ này dễ giải thích quá rồi. Chỉ vì anh ta đã coi các bản phim nháp của chúng tôi sáng nay... Anh biết làm sao mà mấy thứ này bị xuyên tạc rồi đó...”

Nhưng Bergmann vượt quá mọi hành vi ngoại giao.

“Kennedy coi bản phim nháp? Và tôi chẳng biết gì về vụ đó! Không biết gì! Tôi không được cho hay đấy!” Ông quay ngoắt người sang tôi, lần nữa. “Anh đã biết toàn bộ vụ này từ trước tới giờ? Anh đã toa rập cùng cái âm mưu này chống lại tôi?”

“Tôi... tôi không nghĩ nó quan trọng...”

“Không quan trọng! Ôi không! Nếu tôi bị bội phản, bị lừa và bị dối gạt, thì điều đó chẳng mấy may quan trọng! Nếu người bạn duy nhất của tôi gia nhập kẻ thù, điều đó không quan trọng!” Đột nhiên, ông xoay người lại về phía Patterson. “Ai kể anh vụ này?”

“Ờ, thực ra thì, ông Bergmann... tôi không tự tiện nói được.”

“Dĩ nhiên anh đâu tự tiện nói được! Những kẻ này trả tiền cho anh mà! Tốt lắm: tôi sẽ cho anh biết đó là ai. Ashmeade!”

Patterson cố gắng tỏ ra bí hiểm. Hắn không thành công.

“Chính là Ashmeade!” Bergmann gào, giọng đặc thẳng. “Tôi biết rồi!” Ông nói lớn đến độ những người ở bàn kế bên nhìn chăm chăm chúng tôi. “Tôi sẽ đối chất với hắn ngay về vụ dối trá trơ trẽn này!”

Ông nháy dựng lên.

“Friedrich!” Tôi nắm lấy cánh tay ông. “Khoan. Không phải lúc này.”

Giọng điệu tôi hẳn có uy trong cơn tuyệt vọng, bởi Bergmann đã do dự.

“Chúng ta sẽ nói chuyện với hắn ở hăng phim,” tôi nói tiếp. “Thế sẽ ổn hơn. Trước tiên ta hãy nghĩ thấu chuyện này đã.”

Bergmann gật đầu và ngồi xuống lại.

“Tốt lắm, ta sẽ xử lí hắn sau,” ông đồng ý, thờ dũ dội. “Trước tiên, ta phải gặp ông chủ hắn. Ngay lập tức. Sau bữa trưa.”

“Được rồi.” Ý tưởng duy nhất của tôi là làm ông dịu lại. “Sau bữa trưa.”

“Tôi e mình là kẻ mang tin dữ đến,” Patterson nói, với nụ cười tự mãn. Lúc đó, tôi thực sự thấy oán ghét hắn.

“Này,” tôi bảo, “anh không tính đi in chuyện này chứ?”

“Ờ...” Patterson trở nên kín kẽ, ngay lập tức. “Tôi sẽ phải đi xác thực vụ này, theo lẽ tự nhiên mà... Nếu ông Bergmann muốn đưa ra một phát biểu...”

“Ông ấy sẽ không nói,” tôi chặn lời hắn, giọng quả quyết.

“Tôi sẽ đưa ra lời phát biểu,” Bergmann nói. “Rõ ràng là tôi sẽ đưa ra lời phát biểu. Điều này không có gì bí mật. Hãy để toàn thế giới biết đến sự bội phản này. Tôi sẽ viết bài gửi mọi tờ báo. Tôi sẽ tiết lộ việc làm thế nào một đạo diễn ngoại quốc, một vị khách ở đất nước này, bị bội phản. Tôi xem đây là một cú đâm sau lưng rành rành. Đây là kì thị. Đây là ngược đãi. Tôi sẽ đệ đơn kiện đòi thiệt hại.”

“Tôi hết sức chắc chắn,” tôi bảo Patterson, “rằng mọi thứ sẽ được giải thích thỏa đáng. Tới tối nay anh sẽ rõ.”

Bergmann chỉ khịt mũi.

“Ờ,” Patterson nói, với nụ cười chòng ghẹo, “tôi hi vọng thế, tôi chắc chắn... Tạm biệt, ông Bergmann.” Hắn rời chỗ chúng tôi, lòng

khoan khoái. Chúng tôi thấy hẳn đi thẳng tới bàn Ashmeade.

“Thằng gián điệp dơ bẩn,” Bergmann rít giọng. “Giờ hẳn làm bản tường thuật đấy.”

Khi chúng tôi ra khỏi phòng ăn, mấy phút sau, thì Patterson, Ashmeade và Kennedy vẫn ngồi cùng nhau. Tôi giữ cánh tay Bergmann, vẻ kiên quyết, nếu cần, nhằm ngăn ông không lao tới nói chuyện với họ. Nhưng ông tự thỏa mãn bằng cách nói, rất lớn, lúc chúng tôi đi ngang: “Judas đang ở hội đồng cùng với Tư tế Thượng phẩm.”

Cả Ashmeade lẫn Patterson đều không nhìn chúng tôi, nhưng Kennedy cười toe hài lòng, và kêu lên: “Chào, Bergmann. Mọi chuyện sao rồi?”

Bergmann không trả lời.

Tôi đã hi vọng chuyến xe taxi sẽ cho ông thời gian dịu lại. Nhưng sự tình không vậy. Ngay khi chúng tôi trở về văn phòng mình ở hãng phim, ông bảo Dorothy: “Gọi ông Chatsworth, và bảo tôi đòi gặp ông ta ngay.”

Dorothy nhắc điện thoại. Cô được báo cho biết rằng Chatsworth vẫn còn ở ngoài ăn trưa. Bergmann lau bàu vẻ nguy hiểm.

Eliot bước vào.

“Tất cả đã sẵn sàng diễn tập cảnh nhà hàng, thưa ông.”

Bergmann quắc mắt nhìn anh ta. “Bữa nay không quay gì cả.”

“Không quay?” Eliot lặp lại, một cách ngu ngốc.

“Anh nghe điều tôi nói rồi đấy.”

“Nhưng, ông Bergmann, chúng ta đã bị trễ lịch rồi, và...”

“Bữa nay không quay gì cả!” Bergmann hét vào mặt anh ta. “Thế đã rõ chưa?”

Eliot rúm lại. “Ngày mai mấy giờ tôi gọi được?” anh ta đánh liều hỏi, một lúc sau.

“Tôi không biết và tôi không quan tâm!”

Tôi dùng mắt ra hiệu cho Eliot biết nên để chúng tôi yên. Anh ta ra ngoài, thờ dài đánh thượt.

“Gọi Chatsworth lần nữa,” Bergmann ra lệnh.

Nhưng Chatsworth vẫn ở ngoài. Nửa giờ sau ông ta quay về và lại đi hội nghị ngay tức thì. Một giờ sau đó, ông ta vẫn còn bận.

“Được lắm,” Bergmann nói. “Chúng ta cũng có thể chơi trò mèo vờn chuột này. Đi, ta về nhà. Tôi sẽ không quay lại đây. Chatsworth sẽ phải đến gặp tôi, và tôi cũng bận. Bảo ông ta như thế.”

Trong cơn giận điên người, ông chật vật mặc áo khoác vào. Điện thoại reo.

“Ông Chatsworth sẽ gặp ông ngay giờ,” Dorothy báo lại.

Tôi thở hắt ra nhẹ nhõm. Bergmann cau có. Ông có vẻ thất vọng.

“Đi,” ông nói với tôi.

Ở văn phòng phía ngoài của Chatsworth, cứ như vận rủi vẫn còn, lại thêm một phen trì hoãn nữa. Chuyện này khiến cơn giận của Bergmann lại có thời giờ đạt đến mức sôi sục. Ông bắt đầu lẩm bẩm một mình. Hết năm phút, ông bảo: “Trò hề này đủ rồi. Đi. Ta đi thôi.”

“Cô không thể...” tôi khản khoản giọng tuyệt vọng với cô gái tiếp tân, “cô không thể bảo ông ta là chuyện gấp lắm sao?”

Cô gái trông lúng túng. “Ông Chatsworth dặn riêng tôi là không được quấy rầy ông. Ông đang bắt dây nói chuyện với Paris,” cô nói.

“Đủ rồi!” Bergmann gào. “Ta đi thôi!”

“Friedrich! Xin chờ thêm chút nữa!”

“Anh bỏ rơi tôi à? Tuyệt diệu! Tôi đi một mình.”

“Ôi, được lắm...” Tôi miễn cưỡng đứng dậy.

Cửa trong mở ra. Chính là Ashmeade, miệng cười toe đến mang tai. “Các anh không vào đi chứ?” Hấn nói.

Bergmann thậm chí còn không liếc nhìn hấn. Khịt một tiếng đáng sợ, như một con bò mộng đang vào đấu trường, ông sai bước tiến vào phòng, đầu cúi thấp. Chatsworth đang ngồi thư thái ở bàn làm việc, với chiếc xì gà trên tay. Ông ta vung chiếc xì gà hướng về phía mấy cái ghế.

“Ngồi đi, các quý ngài!”

Nhưng Bergmann không ngồi xuống. “Trước tiên,” ông gằn như hét lên, “tôi yêu cầu ngay lập tức tên Fouche này, tên gián điệp này, phải rời khỏi phòng!”

Ashmeade cứ mỉm cười, nhưng tôi có thể thấy là hắn bị luống cuống. Chatsworth nhìn thẳng vào Bergmann sau cặp mục kính dày của ông ta.

“Đừng ngớ ngẩn thế,” ông ta nói, giọng pha trò. “Chẳng ai rời khỏi phòng nào hết. Nếu anh có gì cần nói, thì nói đi. Việc của Sandy cũng như là việc của tôi.”

Bergmann gầm gừ: “Vậy là ông bảo vệ hắn?”

“Chắc chắn rồi,” Chatsworth không rối chút nào. “Tôi bảo vệ tất cả thuộc cấp của mình. Cho đến khi họ bị sa thải. Và tôi làm cái việc sa thải đó.”

“Ông sẽ không sa thải tôi được!” Bergmann hét lên. “Tôi không cho ông cái vui thú ấy. Tôi nghỉ việc!”

“Anh nghỉ hả? Ờ, mấy đạo diễn của tôi lúc nào cũng nghỉ việc. Tất cả ngoại trừ những gã ghê tởm, xui quá chừng.”

“Chẳng hạn như ông Kennedy, ví dụ thế?”

“Eddie? Ồ, ông ta từ bỏ mọi bộ phim. Ông ta tuyệt đấy.”

“Ông nhạo tôi à?”

“Xin lỗi, bạn già. Bản thân anh đang làm trò khá buồn cười, anh biết mà.”

Bergmann tức giận đến mức không thể trả lời. Ông xoay gót và tiến ra cửa. Tôi đứng đó chưa biết làm gì, quan sát ông.

“Nghe này,” Chatsworth nói, bằng vẻ uy quyền đến mức Bergmann dừng chân.

“Tôi sẽ không nghe. Với những lời lăng mạ của ông thì không.”

“Chẳng ai lăng mạ ông cả. Ngồi xuống.”

Trước sự kinh ngạc của tôi, Bergmann làm theo. Nhìn nhận của tôi về Chatsworth cứ tăng lên qua từng thời khắc.

“Nghe tôi nói này...” Chatsworth ngắt câu bằng những lần bập xì gà. “Anh bỏ bộ phim. Anh phá hợp đồng. Được rồi. Anh biết anh đang làm gì, tôi cho là thế. Đây là vụ của anh, và của Tổ Pháp lí. Nhưng trong lúc đó, phải có người quay bộ phim trời đánh này...”

“Tôi không có hứng!” Bergmann ngắt lời. “Bộ phim không còn ý nghĩa gì với tôi nữa. Nó thuộc về tâm ý của tôi và không thuộc pháp

lý...”

“Ai đó,” Chatsworth nói tiếp, không nao núng, “phải quay bộ phim này. Và tôi phải thấy cảnh nó được quay...”

“Công việc của tôi bị do thám. Sau lưng tôi, những bản phim nháp được đưa cho thẳng ngu độn này...”

“Ta hãy thắng thần vụ này,” Chatsworth nói. “Eddie được Sandy cho xem các bản phim nháp, thật sự là không chính thức, bởi Sandy lo lắng về cái cách bộ phim tiến triển. Anh ta muốn một ý kiến bên ngoài. Tôi không biết gì về nó. Thực sự thì Sandy đang làm liều. Anh ta đang phá luật hãng phim. Tôi lẽ ra rất tức giận anh ta. Nhưng ở tình huống này, tôi nghĩ anh ta đã làm hết sức đúng... Tôi biết gần đây anh đang khó ở. Tôi biết vợ và con gái anh đang ở Vienna trong suốt thời gian xảy ra vụ ruồi bu này, và tôi rất xin lỗi. Đó là lí do tại sao tôi cứ im lặng càng lâu càng tốt. Nhưng tôi đâu thể vứt đi số tiền của hãng phim vì những cơn khổ não riêng tư của anh, hay của tôi, hay của ai đó khác...”

“Và thế là ông đi mời thẳng mù chữ này thế chỗ tôi?”

“Tôi không quá đà tới mức nghĩ đến ai đó thế chỗ anh. Tôi đâu biết anh tính bỏ rơi chúng tôi.”

“Và giờ ông sắp đặt cho Kennedy vào vị trí, kẻ sẽ cẩn thận tiêu hủy mọi mảnh mà Isherwood và tôi đã dựng nên, hết lòng yêu mến, suốt mấy tháng nay...”

“Nhiều thứ trong số đó tốt quá trời, tôi thừa nhận... Nhưng tôi phải làm gì? Anh đã thất hứa với chúng tôi mà.”

(Ôi trời, tôi nghĩ, ông ta nhanh trí thật!)

“Mọi thứ bị hủy. Bị thủ tiêu. Bị giảm lược đi thành thứ vô nghĩa tột cùng. Tội tệ. Không làm gì được.”

“Anh quan tâm gì chứ? Anh đâu hứng thú bộ phim này.”

Đôi mắt Bergmann lóe lên: “Ai bảo tôi không hứng thú?”

“Anh bảo.”

“Tôi chẳng nói gì. Tôi bảo tôi không hứng thú với bộ phim mà tay Kennedy của ông sẽ làm.”

“Anh bảo anh không hứng thú... Phải không, Sandy?”



“Đó là lời dối trá!” Bergmann quắc mắt nhìn Ashmeade. “Tôi không bao giờ có thể nói một thứ như vậy! Làm sao tôi không hứng thú được kia chứ? Đối với bộ phim này, tôi đã trao mọi thứ... toàn bộ thời giờ, toàn bộ suy tư, toàn bộ sự quan tâm, toàn bộ sức lực, suốt bao tháng nay. Ai dám bảo tôi không hứng thú?”

“Giỏi lắm!” Chatsworth bắt đầu bật cười thật nồng nhiệt. Sau khi đứng lên, ông ta đi vòng qua bàn và vỗ lên vai Bergmann. “Tinh thần như thế chứ! Dĩ nhiên anh có hứng thú! Tôi luôn biết là anh có. Nếu kẻ nào bảo không, tôi sẽ giúp anh đập hẳn một trận như tử.” Ông ta ngừng nói, như thể có một ý bất chợt hiện ra. “Còn giờ, tôi cho anh hay: anh và tôi và Isherwood sẽ đi xuống kia cùng nhau coi mấy bản phim nháp. Và chúng ta cũng sẽ không dẫn Sandy theo. Đó sẽ là hình phạt cho hẳn, đồ chó dơ bẩn.”

Lần này, Chatsworth đưa Bergmann ra ngay cửa. Bergmann trông có phần choáng váng. Ông không kháng cự chút nào. Chatsworth giữ cửa mở cho chúng tôi. Khi tôi ra ngoài, tôi thấy ông ta quay đầu nháy mắt với Ashmeade.

Ở dưới phòng chiếu, họ đang chờ chúng tôi. Chúng tôi ngồi xem những bản phim nháp trong ngày. Rồi Chatsworth bảo, ra vẻ khá tình cờ: “Chắc là chúng tôi sẽ coi mọi thứ mà các anh đã quay trong hai tuần vừa qua?”

Nỗi ngờ vực của tôi chuyển thành sự đoan chắc. Tôi nói thầm với Lawrence Dwight: “Chatsworth sắp xếp cho thứ này được chiếu từ hồi nào vậy?”

“Sáng sớm nay,” Lawrence đáp. “Sao chứ?”

“Ồ, không có gì.” Tôi mỉm cười với bản thân trong bóng tối. Vậy là thế đấy.

Khi chiếu xong, và đèn bật lên, Chatsworth hỏi, “Ồ, thấy sao?”

“Thật tồi tệ,” Bergmann nói giọng ảm đạm. “Hết sức ghê rợn.”

“Ồ, giờ thì tôi không quá đà như thế đâu,” Chatsworth ôn tồn bập điếu xì gà. “Cảnh của Anita hay quá trời.”

“Ông sai rồi,” Bergmann rặng rỡ tức thì. “Thật tồi tệ.”

“Tôi thích các góc máy của anh.”

“Tôi ghét chúng. Nó quá ư nghèo nàn, quá ư vô vị. Nó thiếu cái hồn. Nó chỉ là một thước phim thời sự ghê tởm.”

“Tôi không nghĩ anh có thể làm khác hơn.”

“Ông không nghĩ,” Bergmann nói, thực sự đang mỉm cười. “Nhưng tôi thì có. Tôi thấy rõ. Lỗi làm này sai rồi. Mắt tôi đã được khai mở. Tôi đã lần mò trong bóng tối, như một thằng ngốc già.”

“Anh nghĩ có thể chữa nó?”

“Bắt đầu ngày mai,” Bergmann nói, giọng quả quyết, “tôi quay lại mọi thứ. Tôi sẽ làm việc cả đêm lẫn ngày. Mọi sự hoàn toàn rõ ràng trong mắt tôi. Chúng tôi sẽ phải theo lịch trình. Chúng tôi sẽ làm cho ông một bộ phim tuyệt vời.”

“Dĩ nhiên các anh sẽ thế rồi!” Chatsworth đưa tay quàng cổ Bergmann. “Nhưng trước tiên anh sẽ phải làm tôi tin vào những ý tưởng mới của anh... Này, ta sẽ ăn tối cùng nhau tối nay, ba người chúng ta? Sau đó ta sẽ bàn mấy chuyện cần làm.”

\*

NẾU trước đó tôi đã hình dung là chúng tôi sẽ làm việc nhiều giờ, thì tôi đã sai. Những ngày tiếp theo không giống bất kì ngày nào khác mà tôi từng biết. Tôi mất hết cảm giác về không gian và thời gian, tôi quá ư mệt mỏi. Ai cũng mệt mỏi, và dù vậy chúng tôi làm việc hiệu quả hơn bao giờ hết. Ngay cả các diễn viên cũng chẳng hờn.

Bergmann làm tất cả chúng tôi hứng khởi. Lòng đơan chắc tuyệt đối của ông đã quét trôi chúng tôi tựa như một cơn hồng thủy. Gần như không có cú quay lại. Những sửa đổi kịch bản cần thiết dường như tự mình hình thành. Bergmann biết chính xác ông muốn gì. Chúng tôi đi băng băng kéo theo mọi thứ.

Nhanh đến không tưởng, những ngày quay cuối cùng đã đến. Một đêm nọ (có lẽ đây là đêm cuối cùng trong nhiều đêm, tôi không nhớ nữa) chúng tôi làm việc rất muộn, cho cảnh mở màn lớn tại Prater. Bergmann, tối đó, làm người ta không sao quên ông được. Rất đổi phờ phạc, với những nếp nhăn và đôi mắt tăm tối rực chiếu

trên chiếc mặt nạ mang hình khuôn mặt, ông điều khiển đám quần chúng đông đảo, nhào nặn người ta và biến họ thành một sinh vật đơn nhất, trong đó mọi cá nhân đều là một bộ phận. Chúng tôi kiệt sức, nhưng tất cả chúng tôi đều cười vang. Cảnh này tựa như một bữa tiệc, và Bergmann là người chủ tiệc.

Khi cú quay cuối cùng hoàn tất, ông nghiêm trang đến chỗ Anita, trước mặt mọi người, và hôn lên bàn tay cô. “Cảm ơn, cưng,” ông nói. “Em thật tuyệt.”

Anita thích thế. Đôi mắt cô đắm lệt.

“Friedrich, tôi xin lỗi. Đôi lúc tôi hay bướng. Tôi sẽ chẳng bao giờ có được trải nghiệm như thế này nữa. Tôi nghĩ ông là người đàn ông tuyệt diệu nhất cõi đời này.”

“À,” Lawrence Dwight lên tiếng, nói với cái chân giả của mình. “Giờ chúng ta đã thấy mọi thứ, phải không, Mẫu cụt?”

\*

ARTHUR CROMWELL có một căn hộ ở Chelsea. Sao tất cả chúng ta không cùng đến đó làm một chiều thật đã nhỉ? Anita bảo được. Cho nên tất nhiên Bergmann và tôi phải chấp thuận. Eliot, Lawrence và Harris nhập bọn. Còn Bergmann đòi mang theo Dorothy, Teddy và Roger. Đoạn, ngay khi chúng tôi sắp đi, Ashmeade xuất hiện.

Tôi e sợ sẽ có một cuộc cãi vã - nhưng không. Tôi thấy Bergmann cứng đờ người. Rồi Ashmeade kéo ông sang bên và nói gì đó, tinh tế cười nịnh.

“Anh đi với mấy người kia đi,” Bergmann bảo tôi. “Ashmeade sẽ lái xe chở tôi. Anh ta muốn nói chuyện với tôi.”

Tôi không biết họ nói gì với nhau, nhưng khi tất cả chúng tôi đến căn hộ của Cromwell, rõ ràng đã có một cuộc hòa giải. Bergmann rạng rỡ, và nụ cười của Ashmeade đã trở nên thân tình. Sau vài phút, tôi nghe anh ta gọi Bergmann là “Friedrich”. Và còn diệu kì hơn thế, Bergmann công khai gọi anh ta là “Ô Dù”.

Ở bữa tiệc tiếp đó, Bergmann thật hết sảy. Ông diễn hề, ông kể chuyện, ông hát ca, ông bắt chước các diễn viên Đức, ông chỉ Anita cách nhảy điệu *Schuhplattler*. Mắt ông ánh lên những giọt năng lượng dự trữ cuối cùng mà ta thường trút ra vào lúc sức cùng lực kiệt, với sự phụ trợ của mấy li rượu. Và tôi thấy lòng hạnh phúc quá đỗi trước thành công của ông. Cái cách mà bạn cảm thấy khi cha mình gây ấn tượng với bạn của bạn.

Hắn đã gần bốn giờ khi chúng tôi nói lời tạm biệt. Eliot cho chúng tôi quá giang xe. Bergmann bảo ông thích đi bộ hơn.

“Tôi đi cùng ông,” tôi bảo. Tôi biết rằng mình sẽ không ngủ nổi. Tôi được lên dây cót như một chiếc đồng hồ vậy. Ở Knightsbridge, có lẽ tôi sẽ tìm được một chiếc taxi đưa tôi về nhà.

\*

CHÍNH VÀO giờ phút này của đêm mà những bóng đèn đường có vẻ tỏa sáng rực một cách thiếu tự nhiên và lạ lẫm, tựa như những tinh cầu mà trên đó không có sự sống nào. Phố Nhà Vua bị màn đêm tưới đẫm, và hoang vắng như mặt trăng. Nó không thuộc về Nhà vua, hay bất kì con người nào. Những căn nhà bé nhỏ đã đóng cửa trước mọi kẻ lạ và tĩnh tại, đợi chờ hừng đông, tin dữ và sữa. Không ai quanh đó. Không có cả cảnh sát. Không có cả mèo.

Chính vào giờ phút này của đêm mà cái tôi của người ta gần như đã ngủ. Cảm thức về nhân dạng, về sự sở hữu, về danh tính và địa chỉ và số điện thoại trở nên nhạt nhòa vô cùng. Chính vào giờ phút này mà người ta rùng mình, dựng đứng cổ áo khoác, và nghĩ: “Ta là kẻ lữ hành. Ta không có nhà.”

Một kẻ lữ hành, một kẻ tiêu dao. Tôi nhận thấy Bergmann, người bạn lữ hành của tôi, đang đi cạnh tôi: một ý thức thầm kín, tách biệt, tự nhốt mình lại, xa xôi như vì sao Betelgeuse, ấy thế mà trong một đổi ngấn ngủ, lại san sẻ những cuộc tiêu dao của tôi. Đầu vươn ra trước, mũ đậu trên mớ tóc rậm, khăn choàng cổ tùm quanh cổ họng bên dưới hàng râu xám, đôi bàn tay nắm chặt sau lưng. Giống như tôi, ông cũng có chuyến hành trình cần đi.

Ong đang nghĩ gì? *Hoa tím ngày xưa*, vợ ông, con gái ông, chính tôi, Hitler, một bài thơ ông sẽ viết, thời niên thiếu của ông, hay buổi sớm mai? Cảm giác sẽ ra sao khi ở bên trong cơ thể to bè kia, để nhìn qua đôi mắt già cỗi, tầm tối ấy? Cảm giác sẽ ra sao khi là Friedrich Bergmann?

Có một câu hỏi mà chúng tôi hiếm khi hỏi thẳng nhau: nó quá sức thô dã. Và tuy thế, nó là câu duy nhất đáng để hỏi những người bạn lữ hành của ta. Điều gì khiến các vị tiếp tục sống? Tại sao các vị không tự sát? Tại sao toàn bộ chuyện này lại có thể kham nổi? Điều gì khiến các vị kham nổi nó?

Liệu tôi có thể trả lời câu hỏi đó nếu hỏi chính mình? Không. Có. Có lẽ... Theo lẽ mơ hồ, tôi cho rằng nó là một dạng cân bằng, một khối phức hợp những nỗi căng thẳng. Các vị làm bất kì thứ gì tiếp theo trong danh sách. Một bữa ăn cần phải ăn. Chương mười một cần phải viết. Điện thoại reo. Các vị đi tới đâu đó bằng taxi. Có một công việc. Có những trò vui. Có những người. Có những cuốn sách. Có những thứ cần mua ở cửa tiệm. Luôn có thứ gì đó mới. Phải có thế. Bằng không, sự cân bằng sẽ bị đảo lộn, nỗi căng thẳng sẽ bùng thoát.

Đối với tôi, dường như tôi luôn làm bất kì thứ gì người ta khuyên bảo. Các vị sinh ra đời; chuyện đó tựa như bước vào một nhà hàng. Tay phục vụ đi tới nêu ra nhiều gợi ý. Các vị bảo: “Anh đề xuất món gì?” Rồi các vị ăn món ấy, và cho rằng mình thích nó, bởi lẽ nó đắt tiền, hoặc trái mùa, hoặc đã từng là món ưa thích của vua Edward VII. Tay phục vụ đã giới thiệu gấu bông, bóng đá, thuốc lá, xe máy, whisky, Bach, bài poker, văn hóa Hi Lạp Cổ. Trên hết, y đã giới thiệu Ái tình: một món rất lạ lùng.

Ái tình. Chính ở ngay từ đó, cái vị, cái mùi của nó, một thứ gì bên trong tôi bắt đầu rộn ràng. À phải, Ái tình... Ái tình, vào lúc đó, là J.

Ái tình là J. được một tháng rồi - kể từ lúc chúng tôi gặp ở bữa tiệc ấy. Kể từ bức thư ấy đến vào sáng hôm sau, mở lối đến với một tương lai không-mong-chờ, không-thể-tưởng, sau-rốt-hoàn-toàn-có-thể-tưởng, và như vẻ ngoài của nó lúc này, đến với một tương lai thành công khó tránh khỏi mà bạn hữu của tôi có chút ganh tị. Tuần sau, hoặc ngay khi kết thúc công việc của tôi ở Bulldog, chúng tôi có

thể cùng nhau đi khỏi đây. Đến miền Nam nước Pháp, có lẽ vậy. Điều đó hẳn sẽ tuyệt diệu lắm. Chúng tôi sẽ đi bơi. Chúng tôi sẽ nằm đón nắng. Chúng tôi sẽ chụp ảnh. Chúng tôi sẽ ngồi ở quán cà phê. Chúng tôi sẽ nắm tay, vào buổi đêm, nhìn ra phía biển từ ban công phòng chúng tôi. Tôi sẽ rất đổi cảm kích, rất đổi đặc ý, và tôi sẽ cẩn trọng ghé gớm lắm để không tỏ ra như thế. Tôi sẽ buồn lo. Tôi sẽ ghen. Tôi sẽ mở hộp trò ảo thuật của mình, và phô bày chúng, một lần nữa. Và, lúc kết thúc (lúc kết thúc mà các vị chẳng bao giờ nghĩ đến), tôi sẽ phát bệnh trước mấy trò ảo thuật, hoặc J. sẽ phát bệnh trước chúng. Và theo cách rất lịch sự, dịu dàng, đầy hoài niệm, đầy vẻ siểm nịnh, chúng tôi sẽ chia tay. Chúng tôi sẽ chia tay, đồng ý trở thành đôi bạn thân luôn luôn. Chúng tôi sẽ chia tay, miễn nhiệm thứ độc tố đặc thù ấy, với cảm giác nhói đau đặc biệt phát ra từ dục vọng đầy ghen tuông, khi một người trong chúng tôi gặp người kia, đi cùng người khác, ở một bữa tiệc khác.

Tôi mừng là chưa từng kể Bergmann nghe về J. Ông ấy hẳn sẽ chiếm hữu thứ đó, như ông từng làm với mọi thứ khác. Nhưng nó vẫn là của tôi, và nó sẽ luôn là vậy. Thậm chí khi J. và nhân vật "tôi" đây chỉ là những thắng lợi phẩm, treo trong những viện bảo tàng trưng bày sự phù phiếm của nhau.

Sau J., sẽ có K. và L. và M., cứ đi tiếp bằng chữ cái. Không ích dụng gì khi tỏ ra yếm thế một cách ủy mị, hay ủy mị một cách yếm thế về chuyện này. Bởi J. không hẳn là thứ tôi muốn. J. chỉ có giá trị của sự tồn tại lúc này. J. sẽ đi qua, nhu cầu sẽ nán lại. Cái nhu cầu trở về trong bóng tối, vào trong giường, vào trong vòng tay trần trụi ấm áp, nơi J. không còn là J. nữa mà cũng chẳng phải là K., L., hay M. Tại đó không còn gì ngoại trừ sự gần gũi, và sự vô vọng đón đau của việc ôm chặt lấy thân thể trần trụi kia trong vòng tay. Nỗi đau đói khát nằm dưới mọi sự. Và điểm kết thúc của toàn bộ cuộc làm tình, giấc ngủ vô mộng kia sau cơn cực khoái, vốn tựa hồ cái chết.

Cái chết, cái được ham muốn, cái được sợ hãi. Giấc ngủ đáng khao khát. Nỗi kinh hoàng trước giấc ngủ đang tới. Cái chết. Chiến tranh. Thành phố mộng mênh đang ngủ, mệnh định phải chịu những trận bom. Tiếng gầm của những động cơ đang tới. Tiếng súng. Những tiếng thét. Những căn nhà vỡ tan. Cái chết muôn nơi. Cái

chết của chính tôi. Cái chết của thế giới hữu hình, nắm được, biết được và thấy được. Cái chết với đội quân đầy hãi sợ của nó. Không phải những nỗi sợ được nhìn nhận, mà là những nỗi sợ được tuyên truyền. Kinh hãi hơn thế: những nỗi sợ riêng tư thuở ấu thơ. Sợ độ cao ở môn nhảy cầu, sợ con chó nhà nông dân kia và con ngựa lùn nhà mục sư nọ, sợ mấy cái chạn, sợ hành lang tối, sợ bị cái đục làm bật móng tay. Đằng sau chúng, tòi tệ nhất hạng mà không sao nói nên lời, là nỗi sợ tối cao ấy: nỗi sợ về việc thấy sợ hãi.

Không bao giờ ta có thể thoát - không bao giờ, không bao giờ. Không cả khi các vị chạy trốn tới những nơi tận cùng trái đất (chúng tôi đã rẽ vào phố Sloane), không cả khi các vị hét la đòi Mẹ, hoặc cứ luôn bặm môi lại, hoặc làm một li rượu hay chơi ma túy. Nỗi sợ ấy ngự trị trong tim ta. Tôi mang nó đi khắp cùng với mình, luôn luôn vậy.

Nhưng nếu nó là của tôi, nếu nó thực sự ở trong tôi... Thì... Sao chứ, thì... Và, vào lúc này, nhưng sao nhạt nhòa đến vô cùng, sao xa xăm, tựa hồ đứng nơi miền viễn mà thoáng thấy một lối mòn cho gia súc xuyên qua núi đồi giữa những đám mây, tôi thấy một thứ khác: con đường dẫn tới chốn an toàn. Đến chỗ không có nỗi sợ hãi, không có sự cô đơn, không cần đến J., K., L., hay M. Trong một giây, tôi thoáng thấy nó. Trong một thoáng chốc, nó thậm chí thật rõ rệt. Rồi những đám mây tan đi, và một hơi thở thoát ra khỏi khối băng, thật giá lạnh cùng sự lạnh lẽo thiếu tình người nơi những ngọn núi, chạm vào má tôi. “Không,” tôi nghĩ, “mình không bao giờ có thể làm thế. Thà là nỗi sợ mình biết, nỗi cô đơn mình biết... Bởi đi theo con đường khác tức là tôi phải mất đi bản ngã. Tôi có thể không còn là một con người nữa. Tôi có thể không còn là Christopher Isherwood nữa. Không, không. Thế thì còn tòi tệ hơn bom đạn. Tòi tệ hơn chuyện không có người tình nào. Thứ đó tôi không bao giờ có thể đối diện.”

Lẽ ra tôi có thể xoay sang Bergmann và hỏi: “Ông là ai? Tôi là ai? Chúng ta làm gì ở đây?” Nhưng các diễn viên không thể hỏi những câu như thế trong lúc diễn. Chúng tôi đã viết nên vai diễn của nhau, Friedrich của Christopher, Christopher của Friedrich, và chúng tôi phải tiếp tục thủ những vai đó, miễn là chúng tôi còn đi cùng nhau.

Lời thoại thô thiển, y phục và hóa trang càng phi lí, giống một bức biếm họa, hơn bất kì thứ gì trong *Hoa tím ngày xưa*: Con trai của Mẹ, Người ngoại quốc với chất giọng buồn cười. Ờ, điều đó không hệ trọng. (Chúng tôi giờ đã đến cửa nhà Bergmann.) Bởi lẽ, bên dưới lớp cải trang của chúng tôi, và mặc cho mọi hảo sự - bất hảo sự mà chúng tôi có thể hay nghĩ về nhau, chúng tôi đã biết. Bên dưới cái ý thức ngoại tại, hai sinh thể khác, vô danh, phi cá nhân, không nhãn mác, đã gặp và nhận ra nhau, và đã nắm chặt đôi tay. Ông là cha tôi. Tôi là con trai ông. Và tôi yêu quý ông rất nhiều.

Bergmann chìa tay ra.

“Chúc đêm lành, con trai,” ông nói.

Ông đi vào căn nhà.

\*

TÔI KHÔNG BAO GIỜ xem *Hoa tím ngày xưa*, rốt cuộc là thế.

Nó được chiếu ở London, được quảng bá rộng rãi cho công chúng, và nhận được nhiều sự chú ý. (“Khi chúng ta thấy tên con trên màn hình,” mẹ tôi viết, “chúng ta thấy *rất* tự hào, và vỗ tay lớn. Richard cứ nói: ‘Như vậy chẳng phải *thật* giống như Christopher sao?’ Nhưng, mẹ phải nói là, Anita Hayden khó lòng thuộc dạng mà người ta nghĩ về *một cô gái trẻ ngây thơ*? Cô nàng có giọng nói quyến rũ...”) Bộ phim tới New York, và người Mỹ thích nó, ổn thỏa một cách bất thường đối với một phim Anh quốc. Nó còn thậm chí được chiếu ở Vienna.

Mấy tháng sau, tôi nhận một bức thư từ Lawrence Dwight, người khi ấy đang đi nghỉ mát ở Paris:

*Hôm trước, một cô gái mà tôi quen đã tới chỗ tôi với tâm trạng đầy uất phần. Cô ta là một thành viên nhiệt thành của cánh tả, và mến mộ ý thức chính trị của giới công nhân Pháp; song, hỡi ôi, dường như hàng xóm ở khu phố chúng tôi tất thấy đều sắp xem Hoa tím ngày xưa, một bộ phim Anh quốc kinh khiếp, mà ngoài việc là nổi sĩ nhục với trí tuệ của một đứa trẻ năm tuổi, nó chắc chắn còn phản cách mạng và cần phải bị*



*cấm. Trong khi đó, ở rạp phim gần đấy, một kiệt tác Nga đang chiếu trước nhiều hàng ghế trống.*

*Tình cờ thay, tôi đã xem bộ phim Nga đó, đích thân tôi. Nó là một phi vụ tình ái tay ba thường tình giữa một cô gái có đôi chân bụ, một cậu trai, và một cái máy kéo. Thực tế, về mặt chuyên môn thì nó hảo hạng hơn bất kì thứ gì Bulldog có thể sản xuất ra trong một trăm năm. Nhưng anh đâu thể mong chờ mấy tên ngốc đáng thương ấy biết điều đó...*

\*

VỀ PHẦN BERGMANN, *Hoa tím ngày xưa* giúp ông có được lời chào mời cho một công việc ở Hollywood. Ông tới đó cùng gia đình mình, đầu năm 1935.

**HẾT**

[1] Tựa sách gốc: *Prater Violet*. Prater là tên một công viên ở Vienna, Áo.

[2] Sophocles: một trong ba nhà bi kịch nổi tiếng nhất Hy Lạp cổ.

[3] Paul Joseph Goebbels (1897-1945): chính trị gia người Đức giữ chức Bộ trưởng Bộ Giác ngộ quần chúng và Tuyên truyền của Đức Quốc xã từ 1933 đến 1945.

[4] Mary Jane “Mae” West (1893-1980): nữ diễn viên, ca sĩ người Mỹ, từng được mệnh danh là “biểu tượng sex” của nước Mỹ.

[5] Làn lượt có nghĩa: khu trưởng, đoàn kết, việc lo lót, biện chứng, sự đồng hóa, sự thâm nhập, sự sáp nhập, duy thực luận, đọt tiền, nhóm nòng cốt.

[6] Cuối cùng cũng có người hiểu chuyện.

[7] Khiếp khủng.

[8] Lời tạm biệt trong tiếng Đức, còn có nghĩa là *Hẹn gặp lại*.

[9] Tiếng Pháp trong nguyên tác: không biết đối nhân xử thế.

[10] Punch and Judy: trò diễn rối truyền thống của phương Tây gồm nhân vật Punch và vợ anh ta là Judy.

[11] Tiếng Pháp trong nguyên tác: cậu phục vụ, đưa thực đơn cho anh đây!

[12] Tiếng Pháp trong nguyên tác: thứ đặc sắc.

[13] Tiếng Pháp trong nguyên tác: cậu phục vụ!

[14] Nhan đề vở kịch năm hồi của kịch tác gia Pháp thế kỉ 19 Victorien Sardou.

[15] William Somerset Maugham (1875-1965): nhà văn, kịch tác gia người Anh.

[16] Hội Marlowe: một câu lạc bộ sân khấu của Đại học Cambridge dành cho sinh viên trong trường.

[17] Tiếng Đức trong nguyên tác: Xin chào.

[18] Mein Kampf (Cuộc chiến của tôi): là tác phẩm của Adolf Hitler viết về chính ông được xuất bản năm 1925. Tác phẩm khắc họa lại quá trình Hitler hình thành tư tưởng thù ghét người Do Thái, đồng thời phác thảo ra lí tưởng chính trị cũng như những kế hoạch của ông cho tương lai nước Đức.

[19] Percy Bysshe Shelley (1792-1822): triết gia, nhà thơ lớn người Anh.

[20] Một trường nội trú tư thục của Anh dành cho các nam sinh từ 13 đến 18 tuổi, được thành lập từ năm 1440.

[21] Nhân vật trong tiểu thuyết *Anh em nhà Karamazov* của Dostoevsky.

[22] Tiếng Đức trong nguyên tác: Ngày cuối cùng của phu nhân Nussbaum.

[23] George Bryan “Beau” Brummell (1778-1840): một nhân vật nổi tiếng trong làng thời trang nam của nước Anh.

[24] Một dạng triển lãm nơi người ta đến để nhìn những con người hay động vật có đặc điểm dị dạng trên cơ thể.

[25] Xúc xích Vienna.

[26] Bì lậu: chỗ này trong nguyên tác tiếng Anh dùng chữ *vulgar*, từ này có nguyên gốc từ chữ Latin *vulgus*, mang nghĩa “thường dân”.

[27] Nguyên văn: parlor socialism - tức theo một tín điều hay chủ nghĩa nào đó ở một phạm vi cách xa chứ không dẫn thân vào hành động thực tiễn.

[28] Tức Stoßtruppen, một lực lượng đặc biệt của Đức Quốc xã.

[29] Chỉ đến sự vụ Shakespeare đề tặng những bài sonnet của mình cho một nhân vật bí ẩn có tên viết tắt là "W. H"; và trong số những bài sonnet này, có một số bài đề cập đến Hắc Tiểu thư (Dark Lady).

[30] Âm chỉ "lính áo nâu" là lính Nazi.

[31] Quốc trưởng, chỉ Hitler.

[32] Tính nữ vĩnh hằng. Chử trích từ tác phẩm *Faust* của Goethe.

[33] Vụ hỏa hoạn Reichstag là một cuộc tấn công cố ý vào tòa nhà Reichstag (tòa nhà của Quốc hội Đức) tại Berlin vào ngày 27 tháng Hai năm 1933.

[34] Georgi Mikhaylov Dimitrov (1882-1949): chính trị gia người Bulgaria, ông là Tổng Bí thư Ban chấp hành Đệ Tam Quốc tế từ năm 1935 đến năm 1943.

[35] Tức Tower of London.

[36] Tức chỉ đến Edward V và Richard xứ Shrewsbury, hai người con của vua Edward IV nước Anh. Hai vị hoàng tử này - người 12 tuổi, người 9 tuổi - bị người chú Richard (tức vua Richard III sau này) nhốt vào tòa Tháp London. Sau đó không ai nghe nói đến tung tích của họ, và nhiều giả thuyết cho rằng người chú kia đã giết hai vị hoàng tử này để soán ngôi vua.

[37] Tức Victoria Embankment.

[38] Theo luật Anh, thẩm phán sẽ đội mũ đen khi tuyên án tử hình ai đó.

[39] Nguyên văn: “The dyer’s hand was subdued” - ám chỉ hai câu trong bài Sonnet 111 của Shakespeare: “And almost thence my nature is subdued. / To what it works in, like the dyer’s hand”.

[40] Tức Lorenzo the Magnificent (Lorenzo il Magnifico).

[41] Tiếng Đức trong nguyên tác: một thanh niên đứng đắn.

[42] Một giai đoạn lịch sử của Anh quốc, quãng 1811-1820, lúc vua George III lâm loạn trí, và con ông ta, tức George IV sau này, đảm vai trò nhiếp chính lo liệu việc nước thay cha.

[43] (Tiếng Đức): mẹ kiếp.

[44] Tên các loại đèn dùng trong trang trí trường quay.

# Table of Contents

[Start](#)

[Nội dung](#)

[Table of Contents](#)